Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

PHẠM HUY HOÀNG



BỘ ĐỀ LUYỆN THI Violympic

TRẠNG NGUYÊN TIẾNG VIỆT

TRÊN INTERNET

(BIÊN SOẠN THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI)



ĐHQG Hà Nội
NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

PHẠM HUY HOÀNG

BỘ ĐỀ
LUYỆN THI VIOLYMPIC TRẠNG NGUYÊN TIẾNG VIỆT TRÊN INTERNET

LỚP 2

(BIÊN SOẠN THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI)

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
16 Hàng Chuối – Hai Bà Trưng – Hà Nội
Điện thoại: Biên tập: (024) 39714896;
Quản lý xuất bản: (024) 39728806; Tổng biên tập: (024) 39715011
Fax: (024) 39729436

* * *

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc - Tổng biên tập: PHẠM THỊ TRÂM

Biên tập chuyên môn: TỐNG THỊ THANH HUYỀN

Biên tập xuất bản: TỐNG THỊ THANH HUYỀN

Chế bản: NHÀ SÁCH HỒNG ÂN

Trình bày bìa: NHÀ SÁCH HỒNG ÂN

Đối tác liên kết xuất bản:

NHÀ SÁCH HỒNG ÂN
20C Nguyễn Thị Minh Khai - Q1 - TP. Hồ Chí Minh
Nhà sách Hồng Ân giữ bản quyền công bố tác phẩm

SÁCH LIÊN KẾT

BỘ ĐỀ LUYỆN THI VIOLYMPIC TRẠNG NGUYÊN TIẾNG VIỆT TRÊN INTERNET LỚP 2

Mã số: 2L-13PT2021
In 1.500 bản, khổ 17×24cm tại Công ti TNHH in ấn DV TM Siêu Tốc
Địa chỉ: 7/3 Nguyễn Văn Quỳ, P. Phú Thuận, Q. 7, TP. Hồ Chí Minh
Số xác nhận ĐKXB: 145-2021/CXB,IPH/06–05/ĐHQGHN, ngày 14/01/2021.
Quyết định xuất bản số: 89LK-TN/QĐ - NXBĐHQGHN, ngày 27/01/2021.
In xong và nộp lưu chiểu năm 2021.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Lời nói đầu

Quý thầy, cô và các bậc phụ huynh kính mến!

Các em học sinh yêu quý!

Cuộc thi Tiếng Việt trên mạng Internet dành cho học sinh Tiểu học đã chính thức được phát động có tên "Trạng nguyên Tiếng Việt". Có thể nói, đây là một cuộc thi mà nhiều bậc phụ huynh, các thầy cô giáo và học sinh mong đợi từ lâu. Cuộc thi không chỉ giúp các em hệ thống, củng cố và bồi dưỡng kiến thức về môn Tiếng Việt mà còn là một sân chơi đầy hấp dẫn và bổ ích đối với lứa tuổi tiểu học. Đến với cuộc thi, các em sẽ được tham gia các trò chơi rất lí thú và đầy bổ ích, khác hẳn với các trò chơi điện tử thường gặp trên các phương tiện khác. Tuy nhiên để thực hiện các trò chơi ấy, học sinh phải có kiến thức một cách khá vững vàng về môn Tiếng Việt. Những câu hỏi trắc nghiệm rất quen thuộc với đa số các em, nhưng không phải học sinh nào cũng có thể dễ dàng vượt qua để về đích và đạt tới đỉnh vinh quang, trở thành Trạng nguyên nhỏ tuổi.

Để giúp các bậc phụ huynh, các thầy cô giáo và các em học sinh lớp 2 có thêm tài liệu tham khảo trước khi đến với các vòng thi trên mạng, Nhà sách Hồng Ân phối hợp với tác giả xin được giới thiệu cuốn "**Bộ đề luyện thi Violympic Trạng nguyên Tiếng Việt trên Internet lớp 2**".

Cuốn sách gồm 35 vòng luyện thi được tác giả biên soạn và kết hợp với việc tổng hợp các vòng thi trên mạng Internet theo nội dung chương trình học môn Tiếng Việt của học sinh lớp 2. Mỗi bài thi trong các vòng thi được tác giả biên soạn phù hợp với nội dung học, không quá sức mà vẫn phải đào sâu suy nghĩ trong khi làm bài. Đặc biệt, tác giả đã trình bày nội dung câu hỏi theo hình thức tương tự các vòng thi trên mạng để giúp các em học sinh dễ dàng vận dụng trong khi tiến hành thi trên mạng.

Dù tác giả đã rất cố gắng trong quá trình biên soạn, song cuốn sách khó tránh khỏi những sai sót nhất định. Rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các bậc phụ huynh, các thầy cô giáo và các em học sinh để lần tái bản sau cuốn sách sẽ được hoàn thiện hơn.

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về **Nhà sách Hồng Ân:**

20C Nguyễn Thị Minh Khai, P. Đa Kao - Q.1 - TP. Hồ Chí Minh

Email: nhasachhongan@hotmail.com

Xin trân trọng cảm ơn!

Tác giả

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

VÒNG 1

Bài thi số 1: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: Trong các từ sau, từ nào viết sai chính tả?

A. làng xóm. B. nàng xóm. C. nàng tiên. D. thóc lúa.

Câu hỏi 2: Trong khổ thơ 3 của bài thơ *Ngày hôm qua đâu rồi?* thì ngày hôm qua ở lại trên hạt gì? (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.10)

A. hạt nhãn. B. hạt bưởi. C. hạt cốm. D. hạt lúa.

Câu hỏi 3: Trong các từ sau, từ nào viết sai chính tả?

A. quyển nịch. B. quyển lịch. C. quyển sách. D. quyển vở.

Câu hỏi 4: Trong khổ thơ 2 của bài thơ *Ngày hôm qua đâu rồi?* thì ngày hôm qua ở lại trên cái gì? (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.10)

A. cành bưởi. B. cành tre. C. cành táo. D. cành hoa.

Câu hỏi 5: Trong các từ sau, từ nào viết sai chính tả?

A. ngày tháng. B. cái thang. C. hòn than. D. hòn thang.

Câu hỏi 6: Trong bài tập đọc *Có công mài sắt, có ngày nên kim*, ai là người đang mài thỏi sắt? (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.4)

A. bà cụ. B. cậu bé. C. thầy giáo. D. cô giáo.

Câu hỏi 7: Trong các câu sau, câu nào được tạo theo mẫu câu "Ai là gì?"?

A. Ai hót đấy? B. Tôi hát đây.

C. Bạn hát đấy. D. Tôi là gió.

Câu hỏi 8: Hãy chỉ ra từ không đúng chính tả trong các từ sau?

A. con kiến. B. cái kéo. C. kì cọ. D. kĩ càng.

Câu hỏi 9: Chữ cái b xếp thứ bao nhiêu trong bảng chữ cái?

A. 3. B. 4. C. 5. D. 6.

Câu hỏi 10: Từ còn thiếu trong khổ thơ sau là từ nào?

"Ngày hôm qua ở lại
Trong vở hồng của con
Con học hành .....
Là ngày qua vẫn còn."

(Bế Kiến Quốc)

A. tiến bộ. B. chăm chỉ. C. giỏi giang. D. Xuất sắc.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Bài thi số 2: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: Điền từ phù hợp vào chỗ trống để hoàn thiện các câu thơ sau:

"Em trồng thêm một cây na.
..... vẫy gọi như là gọi chim."

(Trần Đăng Khoa)

Câu hỏi 2: Điền từ phù hợp vào chỗ trống sau: "Nơi gia đình đã sống nhiều đời gọi là ....., hay gọi tắt là quê."

Câu hỏi 3: Giải câu đố bằng thơ sau:

"Con gì hai mắt trong veo
Thích nằm sưởi nắng, thích trèo cây cau."

- Đó là con .....

Câu hỏi 4: Điền từ phù hợp vào chỗ trống để hoàn thiện các câu sau:

"Con ..... mà leo cành đa."
Leo phải cành cụt leo ra leo vào."

(Ca dao)

Câu hỏi 5: Điền từ phù hợp vào chỗ trống để hoàn thiện các câu sau:

"Mẹ của em ở trường
..... cô giáo mến thương."

(Cô giáo)

Câu hỏi 6: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để được câu "Cái gì là gì?":

"Sách vở là ..... dùng học tập của em."

Câu hỏi 7: Điền từ còn thiếu vào chỗ trống trong câu thơ sau:

"Ngày hôm qua ở lại
Trên cành hoa trong vườn
..... hồng lớn lên mãi
Đợi đến ngày toả hương."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.10)

Câu hỏi 8: Điền từ phù hợp vào chỗ trống để hoàn thiện câu sau:

"Em bây giờ cứ ngỡ
Cô giáo là cô ....."

(Ngày đầu tiên đi học)

Câu hỏi 9: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để được câu tục ngữ đúng:

"Có công mài sắt, có ngày ..... kim."

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 10: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành câu sau:

"Một hôm, trong ..... đi chơi, cậu nhìn thấy một bà cụ tay cầm thỏi sắt mải miết mài vào tảng đá ven đường."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.4)

Bài thi số 3: PHÉP THUẬT MÈO CON

Điền từ còn thiếu vào ô trống cho phù hợp:

Câu hỏi 1:

Học		biết	mười

Câu hỏi 2:

Học	ăn	học		học	gói	học	mở

Câu hỏi 3:

Học		không	tày	học	bạn

Câu hỏi 4:

Học	không	hay		không	biết

Câu hỏi 5:

Ăn		học	hay

Câu hỏi 6:

Muốn	biết	thì	hỏi	muốn		thì	học

Câu hỏi 7:

Tiên	học	lễ	hậu	học	

Câu hỏi 8:

Học		thi	phận

Câu hỏi 9:

Đi	một	ngày	đàng		một	sàng	khôn

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 10:

Có	cày	có	thóc	có	học	có	

VÒNG 2

Bài thi số 1: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: Trong các từ sau, từ nào không chỉ đồ dùng học tập của học sinh?

A. thước kẻ. B. cái cày. C. bút chì. D. cục tẩy.

Câu hỏi 2: Đồ vật nào được nhắc đến trong các câu sau:

"Cái gì mà có hai đầu
Đầu xanh, đầu đỏ hai màu khác nhau."

A. cái bút. B. cái chì. C. bút màu. D. chì màu.

Câu hỏi 3: Trong các từ sau, từ nào không chỉ tính nết của học sinh?

A. chăm chỉ. B. cần cù. C. tập thể hình. D. hăng hái.

Câu hỏi 4: Trong các từ sau, từ nào không chỉ đồ dùng học tập của học sinh?

A. búa. B. sách. C. vở. D. bút.

Câu hỏi 5: Trong các từ sau, từ nào không chỉ hoạt động của học sinh?

A. tập viết. B. tập tô. C. sửa máy. D. nghe giảng.

Câu hỏi 6: Trong bài đọc *Phần thưởng* (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.13), bạn Na đã có những việc làm tốt nào?

A. Na gọt bút chì giúp bạn Lan.

B. Na cho bạn Minh nửa cục tẩy.

C. Na làm trực nhật giúp các bạn bị mệt.

D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu hỏi 7: Trong các từ sau, từ nào viết sai chính tả?

A. vâng lời. B. bạn thân. C. bàn châng. D. bàn chân.

Câu hỏi 8: Từ nào dưới đây có nghĩa là giữ kín, không cho người khác biết?

A. mật mã. B. bí mật. C. kín mít. D. Đáp án khác.

Câu hỏi 9: Trong các từ sau, từ nào viết sai chính tả?

A. chim sâu. B. con sâu. C. nước xâu. D. thuốc sâu.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 10: Trong bài *Làm việc thật là vui* (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.16), cũng như mọi vật, mọi người, bé đã làm những việc gì?

A. đi học, làm bài.
B. quét nhà, nhặt rau.
C. chơi với em đỡ mẹ.
D. Cả A, B và C đều đúng.

Bài thi số 2: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: Điền từ chứa vần "un" hoặc "ung" vào chỗ trống trong các câu sau:

"Đuôi quẫy ..... tia nắng.
Miệng đớp vầng trăng đầy."

(Cá chép)

Câu hỏi 2: Giải câu đố bằng thơ sau đây:

"Hoa gì mà có vần ung
Nghe tên như muốn nổ tung trên trời."

- Đó là hoa .....

Câu hỏi 3: Điền từ phù hợp vào chỗ trống để hoàn thiện câu sau:

"Bé quét nhà ..... sẽ."

Câu hỏi 4: Điền từ phù hợp vào câu sau:

"Xóm làng ..... bóng mát cây."

Câu hỏi 5: Điền vần phù hợp vào chỗ trống để hoàn thiện câu sau:

"Thầy giáo đọc, học sinh ..... bài."

Câu hỏi 6: Điền từ phù hợp vào chỗ trống để hoàn thiện câu sau:

"Mùng một là ..... đầu tiên của một tháng."

Câu hỏi 7: Điền từ phù hợp vào chỗ trống để hoàn thiện câu sau:

"Sau trận bão, cây cối đổ ..... ngả."

Câu hỏi 8: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong các câu thơ sau:

"Trăng khoe trăng tỏ hơn đèn
Có sao trăng phải chịu ..... đám mây."

(Ca dao)

Câu hỏi 9: Điền chữ phù hợp vào chỗ trống để hoàn thiện câu:

"Bà em bị ốm nên cần ..... ngơi."

Câu hỏi 10: Điền vào chỗ trống từ thích hợp trong câu tục ngữ sau:

"Nhai kĩ no lâu, cày ..... tốt lúa."

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Bài thi số 3: TRÂU VÀNG UYÊN BÁC

Xếp các từ sau vào các nhóm bên dưới cho phù hợp:

đọc bài	trồng cây	lễ phép	trực nhật	bắn bi
nhảy dây	viết bài	quét lớp	phát biểu	lo lắng
đá cầu	chăm sóc cây	kéo co	nghe giảng	chăm chỉ

Từ chỉ học tập				
Từ chỉ lao động				
Từ chỉ vui chơi				

VÒNG 3

Bài thi số 1: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: Trong câu thơ sau có mấy từ chỉ sự vật?

"Quả dừa, đàn lợn con nằm trên cao."

(Trần Đăng Khoa)

A. 2 từ. B. 3 từ. C. 4 từ. D. Đáp án khác.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 2: Trong các từ sau, từ nào viết đúng chính tả?

A. kia cìa. B. cây kầu. C. cái kính. D. con ciến.

Câu hỏi 3: Trong các từ sau, từ nào không chỉ đồ dùng học tập:

A. cặp sách. B. bút bi. C. quả bóng. D. thước kẻ.

Câu hỏi 4: Trong các từ sau, từ nào viết sai chính tả?

A. lúa nếp. B. lúa lếp. C. nảy lộc. D. lưng trời.

Câu hỏi 5: Trong các từ sau, từ nào không chỉ sự vật?

A. sách. B. vở. C. bút. D. viết.

Câu hỏi 6: Trong các từ dưới đây, từ nào trả lời cho bộ phận "Ai?" trong câu:

"Hương là chị gái của Hoa."

A. là. B. chị. C. Hương. D. gái.

Câu hỏi 7: Dòng nào dưới đây chỉ gồm các từ chỉ sự vật:

A. bạn bè, thân yêu, bàn ghế, học tập.

B. hoa hồng, cô giáo, học trò, trường học.

C. dũng cảm, cá heo, thước kẻ, sách vở.

D. phấn bảng, bút mực, cặp sách, xe đạp.

Câu hỏi 8: Trong bài tập đọc *Gọi bạn* (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.28), đôi bạn Bê Vàng và Dê Trắng sống ở đâu?

A. Sống bên nhau từ lâu. B. Sống trong rừng xanh sâu thẳm.

C. Sống trên đồng cỏ. D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu hỏi 9: Từ nào còn thiếu trong các câu thơ sau:

"Một năm, trời hạn hán
Suối cạn, cỏ héo khô
Lấy gì nuôi đôi bạn
Chờ ..... đến bao giờ?"

(Gọi bạn)

A. cỏ xanh. B. mưa. C. bạn. D. Đáp án khác.

Câu hỏi 10: Từ nào sau đây có nghĩa là "nhanh trí, sáng suốt"?

A. chăm chỉ. B. thông minh. C. lễ phép. D. minh mẫn.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Bài thi số 2: TRÂU VÀNG UYÊN BÁC

Xếp các từ sau vào các nhóm bên dưới cho phù hợp:

ngây thơ	hồn nhiên	lễ phép	thảo luận	bút chì
mùa hè	khoa học	thước kẻ	học bài	lọ mực
mùa xuân	bút màu	vui chơi	nghe giảng	chăm chỉ

Từ chỉ đồ dùng học tập				
Từ chỉ hoạt động của học sinh				
Từ chỉ tính nết của học sinh				

Bài thi số 3: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: Điền từ phù hợp vào chỗ trống trong các câu sau:

"Trên trời mây ..... như bông.
Ở dưới cánh đồng bông trắng như mây."

(Ca dao)

Câu hỏi 2: Giải câu đố bằng thơ sau đây:

"Chỉ là một vật vô tư
Nhờ người tôi viết điều gì cũng nên
Tay người sớm tối luyện rèn
Nét còn ở lại lâu bền ngàn năm."

- Đó là cái .....

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 3: Điền từ có vần "ai" hoặc "ay" vào chỗ trống để hoàn thiện câu sau:

Một năm có mười ..... tháng.

Câu hỏi 4: Điền từ phù hợp vào chỗ trống sau:

"Khi biết bạn của con dám liều mình cứu người khác, cha Nai nhỏ mới yên lòng cho con ..... với bạn."

(*Bạn của Nai nhỏ* - SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.24)

Câu hỏi 5: Điền từ phù hợp vào chỗ trống để hoàn thiện câu sau:

Đường núi gập ..... cheo leo.

Câu hỏi 6: Điền từ thích hợp vào chỗ chấm để được câu "Ai là gì?":

Vân Anh ..... học sinh lớp 2A.

Câu hỏi 7: Điền từ còn thiếu trong các câu thơ sau:

"Giờ ra chơi vừa điểm
Gió nấp đâu, ùa ra,
Làm nụ hồng .....
Bật cười quá, nở hoa."

(Thy Ngọc)

Câu hỏi 8: Điền từ phù hợp vào chỗ trống để hoàn thiện câu sau:

Bé gấp quần áo ..... gàng, xếp vào tủ.

Câu hỏi 9: Điền từ phù hợp vào chỗ trống để hoàn thiện câu sau:

"Việc đi hết nơi này đến nơi khác, không dừng lại ở nơi nào là nghĩa của từ ....."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.29)

Câu hỏi 10: Điền vào chỗ trống từ thích hợp để hoàn thành các câu sau:

"Tháng chạp là tháng trồng khoai
Tháng giêng trồng đậu, tháng hai trồng cà.
Tháng ba cày vỡ ruộng ra
Tháng tư làm mạ mưa ..... đầy đồng."

(Ca dao)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

VÒNG 4

Bài thi số 1: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: Trong các từ sau, từ nào là từ chỉ sự vật?

A. vui. B. con dao. C. hát. D. chạy.

Câu hỏi 2: Trong các từ sau, từ nào là từ chỉ người?

A. cô giáo. B. thước kẻ. C. con mèo. D. cây bưởi.

Câu hỏi 3: Trong các từ sau, từ nào là từ chỉ cây cối?

A. bàn. B. ghế. C. vịt D. ổi.

Câu hỏi 4: Trong các từ sau, từ nào viết sai chính tả?

A. chim yến B. yên ổn. C. thiếu niên. D. cô tyên.

Câu hỏi 5: Chọn từ phù hợp vào chỗ trống trong câu: "Hồ Gươm có tháp.....”?

A. rùa. B. rắn. C. rồng. D. gươm.

Câu hỏi 6: Trong các từ sau, từ nào viết đúng chính tả?

A. chó rữ. B. lồng nàn. C. tập thể giục. D. tập thể dục.

Câu hỏi 7: Những từ nào dưới đây nằm trong nhóm từ chỉ sự vật?

A. bút chì, thước kẻ. B. cô giáo, kiên nhẫn.

C. xinh đẹp, chăm chỉ. D. mặt trời, xanh xao.

Câu hỏi 8: Cụm từ "Ngao du thiên hạ" có nghĩa là gì?

A. dạo chơi khắp nơi. B. trèo đèo, lội suối.

C. đánh cá. D. học tập.

Câu hỏi 9: Chọn từ phù hợp vào chỗ trống trong câu: "Loài chim tượng trưng cho hòa bình là chim bồ ..... ”?

A. nông. B. két. C. kếch. D. câu.

Câu hỏi 10: Trong bài tập đọc *Bím tóc đuôi sam* (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.31), thầy giáo làm cho Hà vui lên bằng cách nào?

A. Thầy nhìn vào hai bím tóc xinh xinh của Hà.

B. Thầy khuyên Hà đừng khóc nữa.

C. Thầy khen hai bím tóc của Hà rất xinh.

D. Cả A, B và C.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Bài thi số 2: TRÂU VÀNG UYÊN BÁC

Xếp các từ sau vào các nhóm bên dưới cho phù hợp:

sách	quý mến	thứ hai	bảng	bút
thước	mùng hai	tháng giêng	rằm	chủ nhật
thân yêu	tháng năm	ca hát	tháng hai	tháng chạp

Từ chỉ sự vật				
Từ chỉ ngày				
Từ chỉ tháng				

Bài thi số 3: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong các câu thơ sau:

"Gió mùa thu mẹ ..... con ngủ
Năm canh chày, mẹ thức đủ năm canh."

(*Ru con* – Dân ca Nam Bộ)

Câu hỏi 2: Điền chữ cái phù hợp vào chỗ trống để được câu đúng:

"Chú Cuội ngồi gốc cây đa
Để ..... ăn lúa, gọi cha ời ời."

(Đồng dao)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 3: Điền tiếng thích hợp vào chỗ trống sau:

"Mùa thu mới chớm nhưng nước đã trong vắt, trông thấy cả hòn cuội trắng tinh ..... đáy."

(*Trên chiếc bè* – SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.34)

Câu hỏi 4: Điền từ thích hợp vào chỗ trống: "Việc nhắc nhở, chê trách một người nào đó mắc lỗi gọi là ....."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.32)

Câu hỏi 5: Giải câu đố bằng thơ sau:

"Áo em có đủ các màu
Thân em trắng muốt như nhau thẳng hàng
Mỏng dày là ở số trang
Lời thầy cô kiến thức vàng trong em."

(Sưu tầm)

- Đó là quyển .....

Câu hỏi 6: Điền từ có âm đầu "ch" vào chỗ trống trong câu sau cho phù hợp:

"Loại cá sống ở nước ngọt, có thân tròn và dài, thịt chắc, thơm ngon, lúc nhỏ có tên là rồng đó là cá ....."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.37)

Câu hỏi 7: Điền từ còn thiếu vào chỗ trống trong các câu ca dao sau cho phù hợp:

"Chim trời ai dễ đếm lông
Nuôi con ai ..... kể công tháng ngày."

(Ca dao)

Câu hỏi 8: Điền từ có âm đầu "gi" thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành các câu sau:

"Tiếng dừa làm dịu nắng trưa
Gọi đàn ..... đến cùng dừa múa ca.

(Trần Đăng Khoa)

Câu hỏi 9: Điền từ có âm đầu "d" thích hợp vào chỗ trống trong đoạn thơ sau:

"Nơi này ai cũng quen
Ngay từ thời tấm bé
Khi tay bà, tay mẹ
Còn ..... vòng đi men."

(Ngưỡng cửa)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 10: Đoạn văn sau viết đúng sẽ có tất cả ..... câu:

"Trời mưa to Hoà quên mang áo mưa Lan rủ bạn đi chung áo mưa với mình đôi bạn vui vẻ ra về."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.35)

VÒNG 5

Bài thi số 1: PHÉP THUẬT MÈO CON

Câu hỏi 1:

Tiên	học		hậu	học	văn

Câu hỏi 2:

Quê	hương	là		khế	ngọt

Câu hỏi 3:

Công		như	núi	Thái	Sơn

Câu hỏi 4:

Sống		hơn	chết	đục

Câu hỏi 5:

Con	có	cha	như		có	nóc

Câu hỏi 6:

Ngựa	chạy	có	bầy		bay	có	bạn

Câu hỏi 7:

Nghĩa	mẹ	như	nước	trong		chảy	ra

Câu hỏi 8:

Lên		xuống	ghềnh

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 9:

Nhà	sạch	thì	mát	bát	sạch		cơm

Câu hỏi 10:

Một	con	ngựa	đau	cả		bỏ	cỏ

Bài thi số 2: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: Tên một đồ vật làm bằng da trâu, không thể thiếu trong các nhà trường, dùng để báo hiệu giờ ra vào lớp?

A. cái đồng hồ. B. cái trống. C. cái kẻng. D. đáp án khác.

Câu hỏi 2: Từ nào chỉ vật đội trên đầu để che nắng, che mưa được làm bằng lá cây?

A. mũ. B. ô. C. nón. D. lá.

Câu hỏi 3: Từ nào chỉ vật dùng để xúc đất thường làm bằng sắt, có cán gỗ hoặc tre?

A. cái cuốc. B. cái xẻng. C. cái kẻng. D. xe ủi.

Câu hỏi 4: Trong các từ sau, từ nào viết sai chính tả?

A. quả na. B. lao động. C. quả lúi. D. Trái Đất.

Câu hỏi 5: Từ nào còn thiếu trong câu tục ngữ dưới đây?

"Nắng tốt dưa, mưa tốt ....."

(Ca dao)

A. sắn. B. bí. C. lúa. D. Đáp án khác.

Câu hỏi 6: Từ trái nghĩa với "già" trong từ "bà già"?

A. chín. B. non. C. trẻ. D. mềm.

Câu hỏi 7: Trong các từ sau, từ nào viết sai chính tả?

A. ngôi xao. B. ngôi làng. C. lao xao. D. rừng xanh.

Câu hỏi 8: Trong câu "Bạn Lan là học sinh giỏi", cụm từ nào trả lời câu hỏi "Là gì?":

A. là học sinh giỏi. B. bạn Lan.

C. là học sinh. D. học sinh.

Câu hỏi 9: Trong các câu sau, câu nào có cấu tạo theo mẫu "Ai là gì?"

A. Tôi là búp bê. B. Ai hát đấy?

C. Tôi hát đây. D. Búp bê chăm ngoan.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 10: Bộ phận nào điền được vào chỗ trống sau:

Trường học là .....

A. nơi học tập và vui chơi của chúng em.

B. nơi đào tạo ra những con người.

C. ngôi nhà thứ hai của chúng em.

D. Cả A, B và C.

Bài thi số 3: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: Điền tiếng có âm đầu "n" thích hợp vào chỗ trống sau:

"Chớ than phận khó ai ơi
Còn da lông mọc, còn chồi .....cây."

(Tục ngữ)

Câu hỏi 2: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành khổ thơ sau:

"Cái trống trường em
Mùa hè cũng nghỉ
Suốt ba tháng liền
Trống ..... ngẫm nghĩ."

(Thanh Hào)

Câu hỏi 3: Giải câu đố bằng thơ sau đây:

"Dài dài một bức tường đen
Thầy cô bè bạn đều quen mặt rồi."

(Sưu tầm)

Đó là cái .....

Câu hỏi 4: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau: "Phần ghi tên các bài, các truyện theo số trang trong một cuốn sách gọi là ....."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.43)

Câu hỏi 5: Điền vào chỗ trống tiếng có âm đầu "l" thích hợp trong các câu thơ sau:

"Đố ai đếm được vì sao.
Đố ai đếm được công ..... mẹ thầy."

(Ca dao)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 6: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong các câu sau:

"Cái trống .....
Nghiêng đầu trên giá
Chắc thấy chúng em
Nó mừng vui quá.

(Thanh Hào)

Câu hỏi 7: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để được câu có hình ảnh so sánh:

"Yêu hàng ớt đã ra hoa
Luống dưa trổ ..... luống cà trổ bông."

(Lê Anh Xuân)

Câu hỏi 8: Điền từ phù hợp vào chỗ trống để hoàn thành lời giải nghĩa sau:

"Loại sách gồm nhiều bài văn, bài thơ, truyện ngắn, đề thi,... gọi là ..... "

(SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.43)

Câu hỏi 9: Điền từ có tiếng chứa vần "en" thích hợp vào chỗ trống sau:

"Vì sợ lỡ hẹn với bạn, Hùng cố ..... qua dòng người đang đổ về sân vận động"

(SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.46)

Câu hỏi 10: Điền từ có tiếng có âm đầu "n" thích hợp vào chỗ trống trong các câu sau:

"Cây bàng lá nõn xanh ngời
Ngày ngày chim đến tìm mồi chíp chiu
Đường xa gánh ..... sớm chiều
Kê cái đòn gánh bao nhiêu người ngồi."

(Trần Đăng Khoa)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

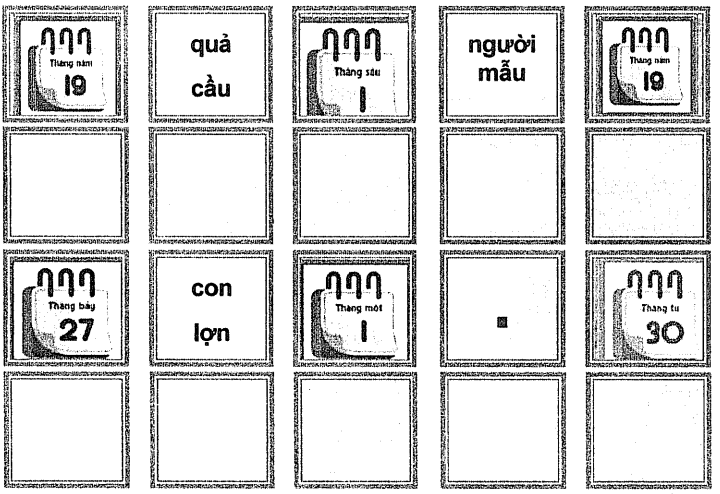
VÒNG 6

Bài thi số 1: CHUỘT VÀNG TÀI BA

Tìm các cặp từ (cụm từ), hình ảnh tương ứng trong các từ (cụm từ) hình ảnh đã cho dưới đây:



Đáp án: *Ghi các từ còn thiếu vào ô trống tương ứng*



Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Bài thi số 2: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: Trong các từ sau, từ nào viết đúng chính tả?

A. chải đầu. B. nước chải. C. trảy qua. D. trôi trảy.

Câu hỏi 2: Trong câu: "Cái cốc được làm bằng thủy tinh.", từ "cái cốc" là từ chỉ gì?

A. sự vật. B. màu sắc. C. tính chất. D. hoạt động.

Câu hỏi 3: Trong bài *Mẩu giấy vụn* (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.48), cô giáo nhắc nhở học sinh cả lớp về điều gì?

A. Hãy chú ý trực nhật lớp cho sạch sẽ.

B. Hãy biết lắng nghe các sự vật xung quanh ta.

C. Hãy thường xuyên nghe lời thầy cô.

D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu hỏi 4: Trong các từ sau, từ nào cùng nghĩa với từ "xấu hổ" (mắc cỡ)?

A. thẹn. B. vui. C. buồn. D. khóc.

Câu hỏi 5: Trong câu chuyện *Ngôi trường mới* (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.50), dưới mái trường mới, bạn học sinh cảm thấy có những gì mới?

A. Tiếng giảng bài của cô giáo.

B. Tiếng đọc bài của học sinh.

C. Các đồ vật trong lớp học, tất cả đều mới mẻ.

D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 6: Từ nào dưới đây chỉ một dụng cụ học tập của học sinh, có tác dụng để vạch ra những đường thẳng?

A. bút. B. vở. C. thước kẻ. D. com-pa.

Câu hỏi 7: Trong các từ sau, từ nào viết sai chính tả?

A. giò trả. B. giò chả. C. trả lại. D. con trăn.

Câu hỏi 8: Trong các từ sau, từ nào viết sai chính tả?

A. chim đầu đàng. B. nhút nhát.

C. nồng nàn. D. chói chang.

Câu hỏi 9: Câu "*Đây có phải bút của tôi đâu!*" có nghĩa giống câu nào dưới đây?

A. Đây đâu phải bút của tôi! B. Tôi đâu có bút!

C. Tôi có bút đâu! D. Bút của tôi đây!

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 10: Trong bài tập đọc *Mua kính* (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.53), cậu bé đã thử kính như thế nào?

A. Cậu bé thử đến năm bảy cái kính một lúc.

B. Cậu bé chỉ chọn cái nào đọc được chữ thì mới mua.

C. Cả A và B đều đúng.

D. Đáp án khác.

Bài thi số 3: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: Tìm từ chứa tiếng có vần "ai" hoặc "ay" điền vào chỗ trống trong câu sau cho phù hợp: "Lớp học rộng rãi, sáng sủa và sạch sẽ nhưng không biết ai vứt một mẩu giấy ..... giữa lối ra vào."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.48)

Câu hỏi 2: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau:

Trong câu chuyện *Mua kính* (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.53), cậu bé muốn mua kính vì không biết ..... sách.

Câu hỏi 3: Điền từ phù hợp vào chỗ trống để được các câu thơ đúng:

"Yêu sao tiếng mẹ ru nồng
Tiếng thoi lách cách bên ..... dâu tằm."

(Ta yêu quê ta)

Câu hỏi 4: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành lời giải thích sau:

"Việc dám vượt qua sự e ngại, rụt rè để nói hoặc làm một việc gọi là ....."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.49)

Câu hỏi 5: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau: Bộ phận trả lời cho câu hỏi "Cái gì?" trong câu dưới đây là .....

"Tiếng Việt là môn học yêu thích nhất của em."

Câu hỏi 6: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành lời giải thích sau: "..... là những đường cong trên mặt gỗ, mặt đá giống như hình vẽ"

(SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.51)

Câu hỏi 7: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau: Bộ phận trả lời cho câu hỏi "là gì?" trong câu dưới đây là .....

"Ước mơ lớn nhất của em hiện nay là học giỏi."

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 8: Điền từ phù hợp vào chỗ trống để được các câu đúng:

"Cây dừa ..... toả nhiều tàu
Dang tay đón gió gật đầu gọi trăng."

(Trần Đăng Khoa)

Câu hỏi 9: Điền từ phù hợp vào chỗ trống để được câu tục ngữ đúng:

"Ghi ..... tạc dạ."

Câu hỏi 10: Giải câu đố bằng thơ sau:

"Trông như viên kẹo nhỏ
Có đủ loại vuông, tròn
Giúp học trò sửa lỗi
Nào sợ gì rây bẩn."

- Đó là cái .....

VÒNG 7

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong câu thơ sau:

"Quê hương là cầu tre nhỏ
Mẹ về nón lá nghiêng .....
Quê hương là đêm trăng tỏ
Hoa cau rụng trắng ngoài thềm"

(Đỗ Trung Quân)

Câu hỏi 2: Tìm tiếng có âm đầu "tr" điền vào chỗ trống trong các câu thơ sau:

"Đêm nay con ngủ giấc .....
Mẹ là ngọn gió của con suốt đời."

(Trần Quốc Minh)

Câu hỏi 3: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành câu sau:

"Giờ ra chơi đã hết, Dũng xúc động nhìn theo bố đang đi ra phía ngoài cổng ..... rồi lại nhìn cái khung cửa sổ lớp học."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.57)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 4: Trong bài tập đọc *Cô giáo lớp em* (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.60), sự vật đã ghé vào cửa lớp để xem chúng em học bài đó là .....

Câu hỏi 5: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong hai câu thơ sau:

"Ngôi nhà như ..... nhỏ
Lớn lên với trời xanh."

(Đồng Xuân Lan)

Câu hỏi 6: Điền từ phù hợp vào chỗ trống trong đoạn thơ sau:

"Sáng nào em đến lớp
Cũng thấy cô đến rồi
Đáp lời "Chào cô ạ!"
Cô mỉm cười thật ....."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.60)

Câu hỏi 7: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau:

"Mẹ bạn Hoàng là một ..... dạy ở một trường tiểu học của xã."

Câu hỏi 8: Tìm từ điền vào chỗ trống thích hợp trong các câu sau:

"Những lời cô giáo giảng
Ấm ..... vở thơm tho."

(Cô giáo lớp em)

Câu hỏi 9: Tìm từ thích hợp điền vào chỗ trống sau: "Trong giờ học ....., chúng em phải làm bài tập với những phép tính."

Câu hỏi 10: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau:

Trong bài tập đọc *Cô giáo lớp em* (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.60), bạn nhỏ đã ..... mãi những điểm mười cô giáo cho.

Bài thi số 2: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: Chữ cái nào dưới đây ghép với vần *iêng* để được tiếng có nghĩa?

A. Chữ *b*. B. Chữ *n*. C. Chữ *x*. D. Chữ *d*.

Câu hỏi 2: Trong các từ sau, từ nào không có vần "ui"?

A. bụi phấn. B. huy hiệu. C. vui vẻ. D. cặm cụi.

Câu hỏi 3: Từ chỉ khoảng thời gian nghỉ giải lao giữa các tiết học là từ nào?

A. vào lớp. B. ra chơi. C. chào cờ. D. sinh hoạt.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 4: Trong bài *Người thầy cũ* (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.56), khi gặp lại thầy giáo cũ, bố của Dũng thể hiện sự kính trọng như thế nào?

A. Bỏ mũ, lễ phép chào thầy.

B. Nhắc lại những chuyện cũ thầy đã dạy bảo.

C. Cả A và B đều đúng.

D. Đáp án khác.

Câu hỏi 5: Chọn từ phù hợp vào chỗ trống trong câu thơ sau:

"Quê hương mỗi người chỉ một
Như là chỉ một mẹ thôi
Quê hương nếu ai không nhớ
Sẽ không lớn ..... thành người."

(Đỗ Trung Quân)

A. nỗi B. nổi C. được D. Đáp án khác.

Câu hỏi 6: Trong các từ sau, từ nào viết đúng chính tả?

A. nghon miệng. B. suy ngĩ.

C. con chai. D. bãi cát.

Câu hỏi 7: Trong câu đố bằng thơ sau đây, sự vật nào được nhắc đến?

"Tất cả các môn học
Xếp hàng trong từng ô
Giúp học sinh chuẩn bị
Sách vở trong mỗi giờ."

(Sưu tầm)

A. bản đồ. B. bảng tay.

C. thời khoá biểu. D. sách giáo khoa.

Câu hỏi 8: Trong các từ sau, từ nào viết đúng chính tả?

A. mồm miện. B. mộc mặc. C. mộc mạc. D. mặt mụi.

Câu hỏi 9: Từ chỉ hoạt động trong câu: "Kì lạ thay, cây xanh bỗng run rẩy." là từ nào?

A. kì lạ. B. run rẩy. C. cây. D. xanh.

Câu hỏi 10: Khổ thơ đầu trong bài *Cô giáo lớp em* (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.60) ý nói gì?

A. Cô luôn quan tâm và yêu thương học sinh.

B. Cô luôn đến lớp sớm để đón học sinh.

C. Cô luôn mong muốn hoàn thành trách nhiệm.

D. Đáp án khác.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Bài thi số 3: TRÂU VÀNG UYÊN BÁC

Xếp các từ sau vào các nhóm bên dưới cho phù hợp:

nhẩm tính	hạnh phúc	đèn pin	con bò	Mặt Trăng
xanh xanh	đèn điện	con trâu	vui vẻ	nói chuyện
hát	thiên nga	ăn	Mặt Trời	con gà

Từ chỉ con vật				
Từ chỉ hoạt động				
Từ chỉ vật chiếu sáng				

VÒNG 8

Bài thi số 1: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: Trong các từ sau, từ nào không chỉ hoạt động?

A. nói chuyện. B. bốn mùa. C. vẽ tranh. D. ca hát.

Câu hỏi 2: Trong các từ sau, từ nào không có vần "au"?

A. ngã đau. B. cây cau. C. ao sâu. D. đi sau.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 3: Trong các từ sau, từ nào trái nghĩa với từ "thấp"?

A. ngắn. B. nhỏ. C. cao. D. to.

Câu hỏi 4: Trong các từ sau, từ nào viết sai chính tả?

A. con rao. B. con dao. C. tiếng rao. D. giặt giũ.

Câu hỏi 5: Trong bài *Người mẹ hiền* (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.63), khi Nam bị bác bảo vệ giữ lại, cô giáo đã làm gì?

A. Cô nói bác bảo vệ nhẹ tay kẻo Nam bị đau.

B. Cô nhẹ nhàng kéo Nam lùi lại.

C. Cô đỡ Nam dậy, phủi đất cát, đưa em về lớp.

D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu hỏi 6: Trong các từ sau, từ nào không có vần "uôn"?

A. ước muốn. B. bánh cuốn. C. chuồn chuồn. D. bờ ruộng.

Câu hỏi 7: Trong các từ sau, từ nào không chỉ hoạt động?

A. bảng trắng. B. suy nghĩ. C. tắm rửa. D. dạo chơi.

Câu hỏi 8: Trong các dãy từ sau, dãy từ nào có từ không chỉ hoạt động, trạng thái?

A. tiếng sáo, ngủ. B. học bài, ngủ.

C. nghe, buồn, vui. D. nhớ, nghĩ.

Câu hỏi 9: Trong câu chuyện *Bàn tay dịu dàng* (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.66), vì sao thầy giáo không trách phạt An khi thấy bạn ấy chưa làm bài?

A. Vì thầy giáo thấy An rất buồn.

B. Vì thầy giáo muốn chia sẻ với An.

C. Vì thầy biết bà của An mới mất.

D. Đáp án khác.

Câu hỏi 10: Trong câu: "Một quả rơi vào lòng cậu bé.", từ nào là từ chỉ hoạt động?

A. quả. B. rơi. C. lòng. D. cậu bé.

Bài thi số 2: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong câu sau:

"Cô nhẹ nhàng kéo Nam lùi lại rồi đỡ em ngồi ....."

(Người mẹ hiền)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 2: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong câu thơ sau:

"Yêu từng bờ ruộng lối mòn
Đỏ tươi bông gạo, biếc ..... ngàn dâu."

(Lê Anh Xuân)

Câu hỏi 3: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong các câu thơ sau:

"Cánh cò bay lả bay la
Lũy tre đầu xóm, cây đa ..... đồng."

(Hồ Minh Hà)

Câu hỏi 4: Giải câu đố bằng thơ sau đây:

"Có mũi có lưỡi hẳn hoi
Có sống không chết ai ai cũng cần."

- Đó là cái (con) .....

Câu hỏi 5: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong các câu thơ sau:

Những từ chỉ hoạt động trong câu "Chú vươn mình, dang đôi cánh to, khỏe như hai chiếc quạt." đó là: vươn và .....".

Câu hỏi 6: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau đây:

"Nhóm xiếc nhỏ thường đi biểu diễn ở nhiều nơi gọi là ..... xiếc."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.64)

Câu hỏi 7: Điền từ có âm đầu "d" thích hợp vào chỗ trống để được câu tục ngữ đúng: "Kính trên nhường ....."

Câu hỏi 8: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong câu thơ sau:

"Lời ru có gió mùa thu
Bàn tay mẹ quạt mẹ đưa ..... về."

(Trần Quốc Minh)

Câu hỏi 9: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau:

"Việc làm cho quần áo sạch sẽ, có thể dùng tay hoặc máy gọi là ....."

Câu hỏi 10: Điền vào chỗ trống từ thích hợp trong các câu sau:

"Trâu ơi ta bảo trâu này
Trâu ra ngoài ..... trâu cày với ta."

(Ca dao)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Bài thi số 3: PHÉP THUẬT MÈO CON

Câu hỏi 1:

Một		máu	đào	hơn	ao	nước	lã

Câu hỏi 2:

Mẹ	là	ngọn		của	con	suốt	đời

Câu hỏi 3:

Em	đi		biển	lúa	vàng

Câu hỏi 4:

	tràng	xe	cát	Biển	Đông

Câu hỏi 5:

Cá	chép	hoá	

Câu hỏi 6:

Trẻ	cậy	cha		cậy	con

âu hỏi 7:

	nắng	dầm	mưa

Câu hỏi 8:

Tưởng		biển	nhỏ	mà	to	bằng	trời

Câu hỏi 9:

Mẹ		như	chuối	chín	cây

Câu hỏi 10:

Rút		động	rừng

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

VÒNG 9

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau: "Người thay mặt cho vua của một nước đi giao thiệp với người nước ngoài gọi là ....."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.71)

Câu hỏi 2: Điền từ còn thiếu vào chỗ trống trong các câu thơ sau:

"Sương trắng viền quanh .....
Như một chiếc khăn bông."

(Thanh Hào)

Câu hỏi 3: Điền từ phù hợp vào chỗ trống để được câu đúng:

"Tinh mơ em thức dậy
Rửa mặt rồi đến trường
Em bước vội trên đường
Núi ..... hàng trước mặt."

(Dậy sớm)

Câu hỏi 4: Giải câu đố bằng thơ sau:

"Đầu năm em ở trong nhà
Mọi người yêu quý thăm em mỗi ngày
Dần dần cho đến cuối năm
Áo em mất hết, em đâu còn gì."

- Đó là quyển .....

Câu hỏi 5: Điền vào chỗ trống từ thích hợp để hoàn thiện câu ca dao sau:

"Một lòng thờ mẹ kính cha
Cho ..... chữ hiếu mới là đạo con."

Câu hỏi 6: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để được câu tục ngữ đúng:

"Kiến tha ..... đầy tổ."

Câu hỏi 7: Điền từ có âm đầu "t" thích hợp vào chỗ trống trong các câu thơ sau:

"Dưới ..... quyên đã gọi hè,
Đầu tường lửa lựu lập loè đơm bông."

(*Truyện Kiều* – Nguyễn Du).

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 8: Điền từ còn thiếu vào chỗ trống trong câu sau:

"Con người có tổ có tông
Như cây có cội, như ..... có nguồn."

(Ca dao)

Câu hỏi 9: Điền từ có âm đầu "r" thích hợp vào chỗ trống trong câu sau:

"Làm ..... ăn cơm nằm, nuôi tằm ăn cơm đứng."

(Tục ngữ)

Câu hỏi 10: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong câu sau:

"Sau đó, ông cho voi lên bờ và xếp đá vào thuyền. Khi thuyền chìm đến mức đã đánh ....., ông sai cân chỗ đá ấy và biết được voi nặng bao nhiêu."

(*Cân voi* - SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.71)

Bài thi số 2: THÁM TỬ ONG VÀNG

Sắp xếp các từ (cụm từ) trong các ô sau thành một khổ thơ:

Sáng nào	Cô	Gió đưa	Nắng	ghé vào
Cũng thấy cô	mỉm cười	thoảng	cửa lớp	hương nhài
Đáp lời	đến rồi	em đến lớp	Xem	chúng em
Cô dạy em	"Chào cô ạ"	thật tươi	tập viết	học bài.

Đáp án: .....

.....

.....

.....

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Bài thi số 3: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: Trong các từ sau, từ nào viết sai chính tả?

A. luống cuống. B. cuồn cuộn.

C. đồng duộng. D. suôn sẻ.

Câu hỏi 2: Trong các từ dưới đây, từ nào không thể ghép được với từ "bình" để thành từ có nghĩa?

A. yên. B. đường. C. hòa. D. thanh.

Câu hỏi 3: Trong các từ sau, từ nào có thể ghép với từ bình" để thành từ có nghĩa?

A. tĩnh B. hôm C. đêm D. sao.

Câu hỏi 4: Từ nào là từ chỉ hoạt động của sự vật trong câu: "Họa mi hót rất hay."?

A. họa mi. B. hót. C. rất. D. hay.

Câu hỏi 5: Câu thơ "Cánh đồng chờ gặt hái." có trong bài tập đọc nào?

A. Ngày hôm qua đâu rồi? B. Gọi bạn.

C. Cái trống trường em. D. Đáp án khác.

Câu hỏi 6: Nhà thơ Định Hải là tác giả của bài thơ nào dưới đây:

A. Cái trống trường em. B. Cô giáo lớp em.

C. Gọi bạn. D. Ngày hôm qua đâu rồi?

Câu hỏi 7: Bài tập đọc nào dưới đây ca ngợi sự chia sẻ của người thầy với học trò?

A. Bàn tay dịu dàng. B. Ngôi trường mới.

C. Mẩu giấy vụn. D. Người mẹ hiền.

Câu hỏi 8: Từ nào còn thiếu trong đoạn thơ sau:

"Bê vàng đi tìm cỏ
Lang thang quên đường về
Dê trắng thương bạn quá
Chạy khắp ..... tìm Bê."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.29)

A. nơi B. chỗ C. nẻo D. Đáp án khác.

Câu hỏi 9: Từ nào dưới đây là từ chỉ hoạt động?

A. học sinh. B. học tập. C. bài học. D. lớp học.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 10: Câu hỏi nào dưới đây có câu trả lời là: "*Thước kẻ là một đồ dùng học tập.*"?

A. Đồ dùng học tập là cái gì?
B. Cái gì là đồ dùng học tập?
C. Thước kẻ là gì?
D. Cả B và C đều đúng.

VÒNG 10

Bài thi số 1: TRÂU VÀNG UYÊN BÁC

Xếp các từ sau vào các nhóm bên dưới cho phù hợp:

cô giáo	hiệu trưởng	mợ	dì	bộ đội
cậu	bảo vệ	bác sĩ	thím	cô
học sinh	chú	bà ngoại	công an	ông nội

Họ nội				
Họ ngoại				
Nhà trường				

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Bài thi số 2: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong các câu thơ sau:

"Những trưa đồng đầy nắng
Trâu ..... nhai bóng râm
Tre bần thần nhớ gió
Chợt về đầy tiếng chim."

(Nguyễn Công Dương)

Câu hỏi 2: Điền từ phù hợp vào chỗ trống để hoàn thành câu ca dao sau:

"Một cây làm chẳng nên .....
Ba cây chụm lại nên hòn núi cao."

Câu hỏi 3: Điền từ phù hợp vào chỗ trống để được câu giải nghĩa đúng:

"Việc chúc mừng những người già sống lâu gọi là chúc ....."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.78)

Câu hỏi 4: Điền từ phù hợp vào chỗ trống để hoàn thành các câu sau:

"Đố ai đếm được vì sao
Đố ai đếm được công ..... mẹ thầy."

(Ca dao)

Câu hỏi 5: Điền từ phù hợp vào chỗ trống sau:

Trong bài *Sáng kiến của bé Hà* (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.78), Hà và bố đã bàn nhau chọn ngày ..... làm "ngày ông bà".

Câu hỏi 6: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để được lời giải nghĩa đúng sau:

"Tấm giấy cứng, khổ nhỏ dùng để viết thư ngắn báo tin, chúc mừng, thăm hỏi, gửi qua đường bưu điện là tấm ....."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.81)

Câu hỏi 7: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau:

"Nói nhỏ nhẹ và tình cảm gọi là ....."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.84)

Câu hỏi 8: Điền từ thích hợp vào các chỗ trống trong các câu thơ sau:

"Ông bị đau chân
Nó sưng nó tấy
Đi phải chống gậy.
Việt chơi ngoài sân
..... lại gần:
- Ông vịn vai cháu
Cháu đỡ ông lên."

(Tú Mỡ)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 9: Điền từ có tiếng có âm đầu "n" thích hợp vào chỗ trống sau:

"Yêu sao tiếng mẹ ru nồng
Tiếng thoi lách cách bên ..... dâu tằm."

(Lê Anh Xuân)

Câu hỏi 10: Giải câu đố bằng thơ sau đây:

"Quãng đường vòng mãi chẳng ngơi
Hết rồi lại trở về nơi ban đầu
Con số nào có khác đâu
Vậy mà năm tháng nối nhau qua dần."

(Sưu tầm)

- Đó là cái .....

Bài thi số 3: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: Từ nào dưới đây có nghĩa là "rất vui vẻ, hài lòng"?

A. thích thú. B. thích chí. C. rất thích. D. yêu thích.

Câu hỏi 2: Trong các từ sau, từ nào viết sai chính tả?

A. siêng năng. B. núa nếp. C. nong lúa. D. nắng vàng.

Câu hỏi 3: Người đàn ông sinh ra mẹ em thì em gọi là gì?

A. ông nội. B. ông ngoại. C. bà nội. D. bà ngoại.

Câu hỏi 4: Trong các từ sau, từ nào viết đúng chính tả?

A. cây xoài. B. ngọc chai. C. con kiếm. D. lúng niếng.

Câu hỏi 5: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống:

Trong bài *Sáng kiến của bé Hà* (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.78), món quà bé Hà tặng ông là .....

A. chùm hoa điểm mười. B. chiếc áo len
C. tấm bưu thiếp. D. Đáp án khác.

Câu hỏi 6: Trong các từ sau, từ nào viết đúng chính tả?

A. thuyền nan. B. hoa lan. C. lan man. D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 7: Con vật nào được nhắc đến trong câu đố sau:

"Con gì đuôi ngắn tai dài.
Mắt hồng lông mượt, có tài chạy nhanh."

A. con gà. B. con mèo. C. con chó. D. con thỏ.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 8: Chú ruột của mình là ai?

A. Là con trai của ông nội mình. B. Là em trai của bố mình.

C. Là chồng của thím ruột mình. D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu hỏi 9: Trong các từ sau, từ nào chỉ những người trong họ ngoại?

A. ông bà B. chú thím C. cậu mợ D. cô chú.

Câu hỏi 10: Từ nào còn thiếu trong khổ thơ sau:

"Bế cháu, ông thủ thỉ
Cháu khoẻ hơn ông nhiều!
Ông là buổi trời chiều
Cháu là ngày ....."

(Phạm Cúc)

A. sáng sớm B. rạng sáng C. buổi tối D. Đáp án khác.

VÒNG 11

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong các câu sau:

"Hôm nào ông có khách
Để cháu đun nước cho
Nhưng cái siêu nó to
Cháu nhờ ông ..... nhé."

(Hoàng Tá)

Câu hỏi 2: Điền một từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành câu ca dao sau:

"Cây ..... thì lá cũng .....
Cha mẹ hiền lành để đức cho con."

Câu hỏi 3: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong các câu thơ sau:

"Em cầm bút vẽ lên tay
Đất Cao Lanh bỗng nở đầy ..... hoa."

(Hồ Minh Hà)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 4: Điền từ phù hợp vào chỗ trống trong câu sau:

"Cảnh mọi người trong gia đình gần gũi, yêu thương nhau trong các dịp sum họp là ....."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.87)

Câu hỏi 5: Điền từ phù hợp vào chỗ trống trong câu sau:

"Hạt đào vừa gieo ..... đã nảy mầm, ra lá, đơm hoa, kết bao nhiêu là trái vàng, trái bạc."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.86)

Câu hỏi 6: Điền từ thích hợp vào chỗ trống:

"Trạng thái đưa qua đưa lại một cách nhẹ nhàng gọi là ....."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.90)

Câu hỏi 7: Điền từ phù hợp vào chỗ trống trong các câu sau:

"Cá không ăn muối cá ươn
Con cãi cha mẹ trăm ..... con hư."

(Tục ngữ)

Câu hỏi 8: Trong bài *Bà cháu* (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.86), cô tiên đã cho hai anh em một hạt đào và dặn gieo hạt đào này lên mộ khi bà mất thì hai anh em họ sẽ được giàu ..... sung sướng.

Câu hỏi 9: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong các câu sau:

"Muốn ..... thì bắc cầu kiều
Muốn con hay chữ thì yêu lấy thầy."

(Tục ngữ)

Câu hỏi 10: Giải câu đố bằng thơ sau:

"Mang cánh mà chẳng là chim
Mùa đông rét mướt nằm im ngủ khì
Mùa hè nóng nực chạy thi
Để cho người mát kể gì ngày đêm."

- Đó là cánh .....

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Bài thi số 2: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: Từ nào dưới đây chỉ hoạt động?

A. cây đàn. B. bầy đàn. C. đàn chim. D. đàn hát.

Câu hỏi 2: Nhan đề nào có thể thay cho nhan đề truyện *Bà cháu* (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.86)?

A. Lòng hiếu thảo. B. Chuyện ở lớp.

C. Tình mẫu tử. D. Tuổi nhỏ tài cao.

Câu hỏi 3: Trong các từ sau, từ nào viết sai chính tả?

A. xiêng năng. B. xấu xí. C. sa sút. D. xào xạc.

Câu hỏi 4: Trong bài *Cây xoài của ông em* (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.89), tại sao mùa xoài nào, mẹ cũng chọn những quả ngon nhất bày lên bàn thờ ông?

A. Vì ông là người trồng cây xoài.

B. Vì mẹ biết hồi còn sống ông rất thích ăn xoài.

C. Vì mẹ thương ông và muốn ông thưởng thức trái ngon vật lạ.

D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu hỏi 5: Từ nào có nghĩa là "bay qua bay lại theo gió"?

A. mênh mông. B. phơ phất. C. long lanh. D. lúng niếng.

Câu hỏi 6: Trong bài *Bà cháu* (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.86), vì sao hai anh em đã trở nên giàu có mà vẫn không thấy vui sướng?

A. Vì tiền bạc không ăn được.

B. Vì họ rất nhớ bà, không gì thay thế được tình thương của bà.

C. Cả A và B đều sai.

D. Cả A và B đều đúng.

Câu hỏi 7: Từ nào có thể dùng để miêu tả tiếng võng kêu?

A. kẽo kẹt. B. ầm ầm. C. lanh lảnh. D. líu lo.

Câu hỏi 8: Trong các từ sau, từ nào không chỉ hoạt động?

A. vun cây. B. trồng cây. C. lá cây. D. tưới cây.

Câu hỏi 9: Trong các từ sau, từ nào chỉ dáng trẻ bước đi chưa vững?

A. lạ lẫm. B. lẫm chẫm. C. lon ton. D. Đáp án khác.

Câu hỏi 10: Phích nước trong nhà dùng để làm gì?

A. đun nước sôi. B. đựng nước nóng.

C. pha nước chè. D. Đáp án khác.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Bài thi số 3: TRÂU VÀNG UYÊN BÁC

Xếp các từ sau vào các nhóm bên dưới cho phù hợp:

Tiếng Việt	Bát đĩa	Sách vở	Bút mực	Siêu thị
Học sinh	Âm nhạc	Máy giặt	Toán	Tủ lạnh
Phấn bảng	Giường tủ	Thước kẻ	Mĩ thuật	Thư viện
Đồ dùng học tập				
Đồ dùng trong nhà				
Từ chỉ môn học				

VÒNG 12

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong các câu sau:

"Con đò lá ..... qua sông
Trái mơ tròn trĩnh, quả bòng đung đưa."

(Hồ Minh Hà)

Câu hỏi 2: Điền từ phù hợp vào chỗ trống trong câu:

"Ghé qua chỗ này, dừng lại chỗ khác để chơi gọi là ....."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.96)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 3: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong các câu sau:

"Đêm nay con ngủ giấc .....
Mẹ là ngọn gió của con suốt đời."

(Trần Quốc Minh)

Câu hỏi 4: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong các câu sau:

"Cậu bé oà khóc. Cây ..... cành ôm cậu, như tay mẹ âu yếm vỗ về."

(Sự tích cây vú sữa)

Câu hỏi 5: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong các câu sau:

"Bà còng đi chợ ..... mưa
Cái tôm cái tép đi đưa bà còng."

(Phạm Tuyên)

Câu hỏi 6: Giải câu đố bằng thơ sau:

"Xưa nay nào thấy người đâu
Vậy mà chính xác từ lâu chẳng nhầm
Lúc kêu vang lúc âm thầm
Gọi người người dặn trăm lần có tôi."

(Sưu tầm)

- Đó là cái .....

Câu hỏi 7: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong câu sau:

"Môi cậu vừa ..... vào, một dòng sữa trắng trào ra, ngọt thơm như sữa mẹ."

Câu hỏi 8: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau:

Trong các từ sau: *cây chuối, hoa hồng, cỏ may, phượng vĩ, chậu cảnh,* từ không chỉ cây cối là .....

Câu hỏi 9: Điền từ có âm đầu "tr" thích hợp vào chỗ trống trong câu sau:

"Ngày đầu tiên đi học được gọi là ngày khai ....."

Câu hỏi 10: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong các câu thơ sau:

"Lời ru có gió mùa thu
Bàn tay mẹ quạt mẹ đưa gió về
Những ngôi sao thức ngoài kia
..... bằng mẹ đã thức vì chúng con."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.101)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Bài thi số 2: **CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG**

Câu hỏi 1: Nơi phụ trách việc chuyển thư, điện báo, điện thoại,... gọi là gì?

A. văn phòng. B. thư viện. C. trường học. D. bưu điện.

Câu hỏi 2: Từ nào sau đây viết sai chính tả?

A. cha mẹ. B. cha đỗ. C. kiểm tra. D. tra tấn.

Câu hỏi 3: Câu: "Môi hở răng lạnh." có nghĩa nào dưới đây?

A. Nói lên tình cảm của những người trong gia đình.

B. Nếu môi mà hở thì răng sẽ lạnh.

C. Nói lên tình cảm của mọi người xung quanh với nhau.

D. Đáp án khác.

Câu hỏi 4: Câu nào sau đây nói về tình cảm của những người trong gia đình?

A. Máu chảy ruột mềm. B. Một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ.

C. Con hiền cháu thảo. D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 5: Trong bài *Sự tích cây vú sữa* (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.96), khi trở về nhà không thấy mẹ, cậu bé đã làm gì?

A. Cậu bé đã khóc rất to gọi mẹ.

B. Cậu gọi mẹ đến khản cả tiếng.

C. Cậu bé ôm lấy một cây xanh trong vườn mà khóc đòi mẹ về.

D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu hỏi 6: Trong bài thơ *Mẹ* (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr. 101), hình ảnh người mẹ được so sánh với những hình ảnh nào?

A. Những ngôi sao thức trên trời.

B. Ngọn gió suốt cả cuộc đời con.

C. Cả A và B đều sai.

D. Cả A và B đều đúng.

Câu hỏi 7: Câu: "Chị ngã em nâng." có nghĩa nào dưới đây?

A. Chị em phải biết đoàn kết thương yêu nhau.

B. Chị bị ngã thì em phải nâng chị dậy.

C. Cả A và B đều đúng.

D. Cả A và B đều sai.

Câu hỏi 8: Qua bài tập đọc *Điện thoại* (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.98), cách nói chuyện trên điện thoại giống và khác với cách nói chuyện bình thường thế nào?

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

A. Cả hai cách nói đều thể hiện sự lịch sự.

B. Khi nói trên điện thoại cần ngắn gọn dễ hiểu để tiết kiệm.

C. Cả A và B đều đúng.

D. Cả A và B đều sai.

Câu hỏi 9: Chữ nào không kết hợp được với vần "at" thành từ có nghĩa?

A. ch. B. th. C. ph. D. kh.

Câu hỏi 10: Trong bài thơ *Mẹ* (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr. 101), mẹ đã quan tâm lo lắng cho con bằng những việc làm nào?

A. hát ru cho con ngủ. B. quạt mát cho con ngủ.

C. thức cả đêm trông con ngủ. D. Cả A, B và C đều đúng.

Bài thi số 3: PHÉP THUẬT MÈO CON

Câu hỏi 1:

Hoài	thóc	ta	cho		người	bới

Câu hỏi 2:

Anh		em	hoà	là	nhà	có	phúc

Câu hỏi 3:

Anh	em	như		tay	chân

Câu hỏi 4:

Chị	ngã	đã	có	em	

Câu hỏi 5:

Con		thảo	hiền

Câu hỏi 6:

Khôn	ngoan	đối		người	ngoài

Câu hỏi 7:

Môi	hở		lạnh

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 8:

Một	giọt	máu		hơn	ao	nước	lã

Câu hỏi 9:

Anh	em	đóng		bảo	nhau

Câu hỏi 10:

Một	con	ngựa	đau	cả		bỏ	cỏ

VÒNG 13

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong các câu thơ sau:

"Hôm nay trời nắng như nung
Mẹ em đi cấy phơi lưng cả ngày
Ước gì em biến thành mây
Em che cho mẹ suốt ngày bóng ....."

(Thanh Hào)

Câu hỏi 2: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong câu sau:

"Nơi học tập của sinh viên các trường đại học gọi là ..... đường."

Câu hỏi 3: Điền từ có âm đầu "gi" vào chỗ trống trong các câu sau:

"Những bông hoa màu xanh lộng lẫy dưới ánh mặt trời buổi sáng. Chi ..... tay định hái, nhưng em bỗng chần chừ vì không ai được ngắt hoa trong vườn."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.104)

Câu hỏi 4: Điền từ phù hợp vào chỗ trống trong câu sau:

"Trong giờ ..... chơi, các bạn đều nô đùa vui vẻ."

Câu hỏi 5: Điền từ phù hợp vào chỗ trống trong câu sau:

"Đó là một ..... đình có truyền thống hiếu học."

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 6: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong các câu sau:

"Làng tôi có ..... tre xanh
Có sông Tô Lịch chảy quanh xóm làng."

(Ca dao)

Câu hỏi 7: Giải câu đố bằng thơ sau:

"Miệng rộng chỉ thích đựng rau
Giúp bà nội trợ trước sau trong nhà."

(Sưu tầm)

- Đó là cái .....

Câu hỏi 8: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành các câu thơ sau:

"Những đêm lấp ló trăng lên
Vườn em dậy tiếng ..... hiền gần xa."

(Trần Đăng Khoa)

Câu hỏi 9: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau:

"Đồ đan khít bằng tre, hình tròn, lòng sâu, trát nhựa, thường dùng đựng cá câu được gọi là ....."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.107)

Câu hỏi 10: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau:

"Hàng ngày, anh ta cứ nằm ngửa dưới gốc cây sung, há miệng ra thật to, chờ cho sung ..... vào thì ăn."

(Há miệng chờ sung)

Bài thi số 2: TRÂU VÀNG UYÊN BÁC

Xếp các từ (cụm từ) sau vào các nhóm bên dưới cho phù hợp:

nấu ăn	tủ quần áo	thương yêu	con cháu	ti vi
bố mẹ	bàn là	giặt giũ	quý mến	nồi cơm
ông bà	yêu quý	nấu cơm	quét dọn	yêu mến

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Công việc gia đình				
Đồ dùng gia đình				
Tình cảm gia đình				

Bài thi số 3: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: Từ nào sau đây viết sai chính tả?

A. dây leo. B. giây phút. C. dây dưa. D. rây bẩn.

Câu hỏi 2: Trong các từ sau, từ nào viết đúng chính tả?

A. bối dối. B. gian giối. C. nói rối. D. rắc rối.

Câu hỏi 3: Từ nào dưới đây có nghĩa là không dứt khoát, nửa muốn, nửa không?

A. chần chừ. B. băn khoăn. C. lề mề. D. day dứt.

Câu hỏi 4: Trong bài *Bông hoa Niềm Vui* (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr. 104), bông hoa Niềm Vui mà Chi định hái tặng cho bố là bông hoa gì?

A. hoa cúc tím. B. hoa cúc xanh. C. hoa cúc trắng. D. hoa cúc vàng.

Câu hỏi 5: Con vật nào không có trong bài "Quà của bố" (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr. 106)?

A. niềng niễng. B. cá sộp. C. cà cuống. D. cá rô.

Câu hỏi 6: Nội dung bài *Quà của bố* (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr. 106) là gì?

A. Nói lên tình cảm yêu thương của bố với các con.

B. Nói lên niềm vui của các con khi bố đi làm về.

C. Ca ngợi những món quà đầy ý nghĩa của bố.

D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu hỏi 7: Chàng trai trong bài *Há miệng chờ sung* (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr. 109) có tính cách như thế nào?

A. chăm chỉ. B. lười biếng. C. thông minh. D. nhanh nhẹn.

Câu hỏi 8: Câu "Em bé quét nhà giúp mẹ." có bộ phận trả lời cho câu hỏi "Ai?" là:

A. em bé. B. quét nhà. C. giúp mẹ. D. Đáp án khác.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 9: Câu "Cây xoà cành ôm cậu bé." có bộ phận trả lời cho câu hỏi "Làm gì?" là:

A. xoà cành B. ôm cậu bé C. Cây D. Đáp án khác.

Câu hỏi 10: Câu nào dưới đây thuộc câu "Ai làm gì?"?

A. Anh chàng đi gặp một người.

B. Anh chàng bỏ quả sung vào miệng.

C. Anh chàng chờ sung rụng vào miệng

D. Cả A, B và C đều đúng.

VÒNG 14

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: Điền từ có âm đầu "l" hoặc "n" thích hợp vào chỗ trống trong các câu sau?

"Vườn em có một luống khoai
Có hàng chuối mật với hai luống cà
Em trồng thêm một cây .....
Lá xanh vẫy gió như là gọi chim."

(Trần Đăng Khoa)

Câu hỏi 2: Điền tiếng có vần chứa **i** hoặc **iê** thích hợp vào chỗ trống?

"Bút ..... lất phất hạt mưa
Bút chao gợn nước Tây Hồ lăn tăn."

(Hồ Minh Hà)

Câu hỏi 3: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau: "Người cha bèn cởi bó đũa ra rồi thong thả bẻ gãy từng ..... một cách dễ dàng."

(Câu chuyện bó đũa)

Câu hỏi 4: Điền vào chỗ trống từ có âm đầu "l" để hoàn thành các câu ca dao sau:

"Cái cò mà đi ăn đêm
Đậu phải cành mềm ..... cổ xuống ao
Ông ơi ông vớt tôi nao
Tôi có lòng nào ông hãy xáo măng."

(Ca dao)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 5: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau: "..... là yêu mến nhau, chung sức lại để cùng làm một việc."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.113)

Câu hỏi 6: Điền từ thích hợp vào các chỗ trống trong các câu thơ sau:

"Kẽo cà kẽo kẹt
Tay em đưa đều
Ba gian nhà nhỏ
Đầy ..... võng kêu."

(Trần Đăng Khoa)

Câu hỏi 7: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau: Từ có vần "iên" chỉ một người tốt có phép lạ trong các câu chuyện cổ tích là ....."

Câu hỏi 8: Điền từ thích hợp vào chỗ trống: Trong câu: "***Chị em*** giúp đỡ lẫn nhau." có bộ phận in đậm trả lời cho câu hỏi .....

Câu hỏi 9: Điền từ thích hợp vào chỗ trống: Trong câu: "Các bạn đang ***đọc sách***." có bộ phận in đậm trả lời cho câu hỏi .....

Câu hỏi 10: Giải câu đố bằng thơ sau:

"Quê tôi ở mãi trên trời
Đêm đêm lặng đứng ngắm người trần gian
Anh em nhiều lắm vô vàn
Đố ai đếm được rõ ràng không sai."

- Đó là .....

Bài thi số 2: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: Từ nào thích hợp để điền vào chỗ trống trong các câu thơ sau:

"Yêu từng bờ ruộng .....
Đỏ tươi bông gạo, biếc rờn ngàn dâu."

(Lê Anh Xuân)

A. nương khoai B. lối mòn C. bờ tre D. Đáp án khác.

Câu hỏi 2: Bài *Câu chuyện bó đũa* (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.112) khuyên dạy chúng ta làm điều gì để có sức mạnh?

A. ganh đua. B. tranh giành. C. đoàn kết. D. chia rẽ.

Câu hỏi 3: Trong các từ sau, từ nào viết đúng chính tả?

A. lũy lụt. B. chăm trỉ. C. lũy tre. D. nười nhác.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 4: Trong bài *Câu chuyện bó đũa* (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.112), ông bố đã làm gì những chiếc đũa để răn dạy con?

A. đốt đũa. B. vứt xuống ao. C. bẻ đũa. D. lấy dao chặt.

Câu hỏi 5: Từ nào có nghĩa là bay qua bay lại theo gió?

A. phơ phất. B. phảng phất. C. phấc phơ. D. bạc phơ.

Câu hỏi 6: Câu "Con cò lặn lội bờ sông" có bộ phận trả lời cho câu hỏi "Ai?" là:

A. Con cò. B. lặn lội. C. bờ sông. D. Đáp án khác.

Câu hỏi 7: Từ nào điền vào chỗ trống trong các câu thơ sau:

"Em ơi cứ ngủ
Tay anh ....."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.112)

A. đưa võng. B. đưa đều. C. đung đưa. D. Đáp án khác.

Câu hỏi 8: Bạn nhỏ trong bài *Tiếng võng kêu* (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.117) đang làm gì?

A. đọc sách. B. ru em ngủ. C. đưa võng. D. quạt cho em.

Câu hỏi 9: Trong bài *Câu chuyện bó đũa* (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.112), tại sao cả bốn người con không ai bẻ gẫy được bó đũa?

A. Vì họ không biết dùng mưu mà chỉ dựa vào sức khoẻ.

B. Vì cả bốn người đều rất yếu.

C. Vì bó đũa rất to và chắc.

D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu hỏi 10: Chữ nào ghép với vần "ăt" được từ có nghĩa?

A. ch. B. nh. C. th. D. Cả A, B và C.

Bài thi số 3: PHÉP THUẬT MÈO CON

Câu hỏi 1:

Ngựa		nhanh	như	bay

Câu hỏi 2:

Gà	cùng	một	mẹ	chớ	hoài		nhau

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 3:

Chuồn	chuồn		thấp	thì	mưa

Câu hỏi 4:

Cáo	chết	ba	năm		đầu	về	núi

Câu hỏi 5:

Chớp	đông	nhay	nháy	gà		thì	mưa

Câu hỏi 6:

Nuôi	tằm	thì		cơm	đứng

Câu hỏi 7:

Ngựa		nước	đại

Câu hỏi 8:

Ếch		uôm	uôm	ao	chuôm	đầy	nước

Câu hỏi 9:

Con	cò	mà	đi		đêm

Câu hỏi 10:

Con	gà	cục		lá	chanh

VÒNG 15

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành lời giải thích sau:

"Người làm công tác khám, chữa bệnh cho mọi người là ....."

Câu hỏi 2: Điền từ phù hợp vào chỗ trống trong câu ca dao sau:

"Ai về tôi gửi buồng cau.
Buồng trước kính mẹ, buồng ..... kính thầy."

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 3: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong câu sau:

"Tên một loài chim có thể nói tiếng người, cũng là tên một loại nhạc cụ làm bằng trúc, có lỗ nhiều nhỏ gọi là ....."

Câu hỏi 4: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau: "Từ gợi tả động tác ra hiệu đồng ý bằng đầu, trong đó có tiếng chứa vần "ât" là ....."

Câu hỏi 5: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong các câu thơ sau:

"Quyển vở này mở ra
Bao nhiêu trang giấy trắng
Từng dòng kẻ ngay ngắn
Như chúng em ..... hàng."

(Quang Huy)

Câu hỏi 6: Điền từ thích hợp vào các chỗ trống trong các câu thơ sau:

"Ngõ từ quả thị bước ra
Bé là cô Tấm giúp bà ..... kim."

(Lê Hồng Thiện)

Câu hỏi 7: Điền từ phù hợp vào chỗ trống:

"Buổi chiều bé chào cô
Rồi ..... vào lòng mẹ".

(Trần Quốc Toàn)

Câu hỏi 8: Giải câu đố bằng thơ sau:

"To như núi nhẹ như bông
Chẳng ai thả cũng lững lờ trên không."

- Đó là đám .....

Câu hỏi 9: Điền từ có âm đầu "s" thích hợp vào chỗ trống sau:

"Về thăm quê ngoại, lòng em
Yêu thêm cuộc ....., yêu thêm con người."

(Hà Sơn)

Câu hỏi 10: Điền từ phù hợp vào chỗ trống:

"Ngày mùa đến, họ gặt rồi bó lúa ..... thành hai đống bằng nhau, để cả ở ngoài đồng."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.119)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Bài thi số 2: TRÂU VÀNG UYÊN BÁC

Xếp các từ sau vào các nhóm bên dưới cho phù hợp:

sách vở	nhảy	cặp sách	dễ thương	học trò
xinh xắn	hoa hồng	nô đùa	chạy	tươi tốt
cô giáo	phấn bảng	bút mực	chơi	nhẹ nhàng
Từ chỉ sự vật				
Từ chỉ hoạt động				
Từ chỉ đặc điểm				

Bài thi số 3: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: Từ nào dưới đây có nghĩa là "lạ đến mức không ngờ"?

A. lạ lẫm. B. kì lạ. C. xa lạ. D. kì quặc.

Câu hỏi 2: Trong các từ sau, từ nào không chỉ đặc điểm, tính chất?

A. cao, thấp. B. xanh, đỏ. C. chạy, nhảy. D. ngoan, hiền.

Câu hỏi 3: Trong các từ sau, từ nào trả lời cho bộ phận "Ai?" trong câu: "Ba thương con vì con giống mẹ."?

A. thương. B. con. C. mẹ. D. Ba.

Câu hỏi 4: Trong các từ sau, từ nào viết sai chính tả?

A. sáng sớm. B. sửa soạn. C. xếp hàng. D. học xinh.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 5: Trong các từ sau, từ nào trái nghĩa với từ "chìm"?

A. sâu. B. nổi. C. ngắn. D. nông.

Câu hỏi 6: Trong các từ sau, từ nào viết sai chính tả?

A. vui vẻ. B. tui nhiên. C. khuy áo. D. tàu thủy.

Câu hỏi 7: Trong bài *Hai anh em* (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.119), hai anh em đã có những tình cảm tốt đẹp gì với nhau?

A. Họ luôn nghĩ đến nhau.

B. Họ muốn nhường cho nhau những điều tốt đẹp.

C. Cả A và B đều sai.

D. Cả A và B đều đúng.

Câu hỏi 8: Trong các từ ngữ sau, từ ngữ nào không chỉ tính chất, đặc điểm?

A. sạch sẽ. B. suy nghĩ. C. dịu dàng. D. ngọt ngào.

Câu hỏi 9: Trong bài *Hai anh em* (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.119), hai anh em đã chia lúa như thế nào?

A. anh nhiều hơn. B. em nhiều hơn.

C. hai bó bằng nhau. D. anh ít hơn.

Câu hỏi 10: Các từ: *đen láy, sáng ngời, long lanh, rực lửa,...* chỉ:

A. Màu sắc của đôi mắt. B. Hình dáng của đôi mắt.

C. Đặc điểm của đôi mắt. D. Đáp án khác.

VÒNG 16

Bài thi số 1: TRÂU VÀNG UYÊN BÁC

Xếp các câu sau vào các nhóm bên dưới cho phù hợp:

Sách là bạn thân.	Chim hót líu lo.	Tại sao lại thế?	Lan là trò ngoan.	Bố lái xe.
Em đọc thơ.	Mẹ là cô giáo.	Hoa huệ thơm ngát.	Đêm khuya yên tĩnh.	sạch sành sanh
Bố em rất hiền.	Bộ đội đi tuần.	Các bạn chơi bi.	phòng đọc sách	Chó là bạn tốt.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu "Ai là gì?"				
Câu "Ai làm gì?"				
Câu "Ai thế nào?"				

Bài thi số 2: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau:

"..... là giữ chặt chỗ xương gãy bằng khuôn bột thạch cao."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.129)

Câu hỏi 2: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong các câu thơ sau:

"Bóng tre mát rợp vai người
Vầng trăng như lá thuyền ..... êm đềm."

(Về quê ngoại)

Câu hỏi 3: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong các câu sau:

"Bé cười, Cún sung sướng vẫy đuôi rối rít. Thỉnh thoảng, Cún muốn ..... nhảy và nô đùa."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.129)

Câu hỏi 4: Điền từ có chứa âm đầu "ch" thích hợp vào chỗ trống sau:

"Con chó khóc đứng khóc ngồi
Mẹ ơi đi ..... mua tôi đồng giềng."

(Ca dao)

Câu hỏi 5: Điền vào chỗ trống sau cho phù hợp:

Chữ thích hợp điền vào chỗ trống trong các từ: ...ân trời, ...âu báu, ...ơi vơi, ...ênh vênh, ...eo leo là .....

Câu hỏi 6: Điền từ phù hợp vào chỗ trống trong đoạn thơ sau:

"Con mẹ đẹp sao
Những hòn tơ nhỏ
Chạy như lăn .....
Trên sân, trên cỏ."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.135)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 7: Giải câu đố bằng thơ sau:

"Không có quả chẳng có cây
Thế mà có hạt rụng đầy nơi nơi
Cỏ cây thấy rụng thì vui
Loài vật thấy rụng tìm nơi ẩn mình."

- Đó là hạt .....

Câu hỏi 8: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong các câu sau:

"Trâu ơi, ta bảo trâu này
Trâu ra ngoài ruộng ..... cày với ta."

(Ca dao)

Câu hỏi 9: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành lời giải thích sau:

"Chuyển động lúc lên, lúc xuống nhẹ nhàng là ....."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 1. tr.135)

Câu hỏi 10: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành câu ca dao sau:

"Mẹ dang đôi cánh
Con biến vào trong
Mẹ ngẩng đầu .....
Bọn diều, bọn quạ."

(Đàn gà mới nở)

Bài thi số 3: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: Trong các từ sau, từ nào viết đúng chính tả?

A. chăn bông. B. con chăn. C. trăn chở. D. trăn trâu.

Câu hỏi 2: Trong bài tập đọc *Con chó nhà hàng xóm* (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.128), Cún Bông đã làm cho bé vui như thế nào?

A. Cún Bông mang cho bé khi thì tờ báo, cái bút chì, con búp bê,....

B. Cún vẫy đuôi rối rít khi gặp bé.

C. Cún còn muốn chạy nhảy nô đùa.

D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu hỏi 3: Trong các từ sau, từ nào ghép với từ "cánh diều" để thành câu có nghĩa?

A. cánh cò. B. bay bổng. C. dòng sông. D. chăm chỉ.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 4: Trong các từ sau, từ nào ghép với từ "bầu trời" để thành câu có nghĩa?

A. trong xanh. B. mây trắng. C. đồng lúa. D. nhởn nhơ bay.

Câu hỏi 5: Trong các từ sau, từ nào ghép với "cánh đồng lúa" để thành câu có nghĩa?

A. lơ lửng. B. nhởn nhơ. C. vàng rực. D. bay bổng.

Câu hỏi 6: Trong các từ sau, từ nào là từ chỉ đặc điểm của bông hoa?

A. thơm. B. cay. C. mặn. D. chua.

Câu hỏi 7: Bài thơ *Đàn gà mới nở* (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.135) do nhà thơ nào viết?

A. Phạm Hổ. B. Trần Đăng Khoa.

C. Xuân Quỳnh. D. Tản Đà.

Câu hỏi 8: Trong các từ sau, từ nào viết sai chính tả?

A. trứng tròn. B. quả chứng. C. chứng khoán. D. chính kiến.

Câu hỏi 9: Trong bài thơ *Đàn gà mới nở*, gà mẹ bảo vệ gà con khỏi con vật nào?

A. hổ, sói. B. diều, quạ. C. sóc, thỏ. D. gấu, mèo.

Câu hỏi 10: Bộ phận nào điền được vào chỗ trống sau:

Đàn gà mới nở .....

A. lon ton như những hòn tơ nhỏ biết lăn.

B. chỉ to hơn cái trứng một tí.

C. Cả A và B đều đúng.

D. Cả A và B đều sai.

VÒNG 17

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: Chọn từ điền vào chỗ trống sao cho phù hợp: "Xưa có chàng trai thấy một bọn trẻ định ..... con rắn nước liền bỏ tiền ra mua, rồi thả rắn đi."

(SGK Tiếng Việt 2, tập một, tr.138)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 2: Điền từ có âm đầu "d" thích hợp vào chỗ trống sau:

"Vườn trưa gió mát
Bướm bay .....
Quanh đôi chân mẹ
Một rừng chân con."

(Phạm Hổ)

Câu hỏi 3: Điền từ có âm đầu "gi" thích hợp vào chỗ trống sau:

"Cấy cày vốn nghiệp nông .....
Ta đây trâu đấy ai mà quản công."

(Ca dao)

Câu hỏi 4: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành lời giải thích sau:

"Lấy trộm một vật tốt và thay nó bằng một vật xấu hơn gọi là ...."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.139)

Câu hỏi 5: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành các câu thơ sau:

"Trung thu trăng sáng như gương
Bác Hồ ngắm cảnh nhớ thương nhi đồng
Sau đây Bác viết mấy .....
Để cho các cháu tỏ lòng nhớ thương."

(Bác Hồ)

Câu hỏi 6: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành câu sau:

"Mấy hôm sau, có người đánh được con cá lớn, mổ ..... ra có viên ngọc. Mèo liền nhảy tới ngoạm ngọc chạy biến."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.139)

Câu hỏi 7: Điền vào chỗ trống sau cho phù hợp:

Chữ thích hợp điền vào chỗ trống trong các từ: chim ...ông, chim bồ ...âu, chim sơn ...a, chim ...u gáy, là .....

Câu hỏi 8: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau:

"Vua của sông, biển trong truyện xưa gọi là ....."

Câu hỏi 9: Điền tiếng âm đầu "r" thích hợp vào chỗ trống trong các câu thơ sau:

"Trường em ngói mới đỏ hồng
Mọc lên tươi thắm giữa đồng lúa xanh
Gió về đồng lúa ..... quanh
Vẫy chào những bước chân nhanh tới trường."

(Nguyễn Bùi Vợi)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 10: Giải câu đố bằng thơ sau:

"Gọi tên vẫn gọi là cây
Nhưng đâu có ở đất này mà lên
Suốt đời một việc chẳng quên
Giúp cho bao chữ nối liền với nhau."

- Đó là cây .....

Bài thi số 2: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: Từ "tròn" trong câu: "Mắt chú mèo tròn như hòn bi ve." là từ chỉ:

A. tính chất. B. hoạt động. C. sự vật. D. Đáp án khác.

Câu hỏi 2: Từ nào dưới đây phù hợp chỉ đặc điểm nổi bật của con chó?

A. nhút nhát. B. to khoẻ. C. trung thành. D. tươi tắn.

Câu hỏi 3: Trong các từ sau, từ nào viết sai chính tả?

A. giong chơi. B. giọng nói. C. rong chơi. D. rồng rắn.

Câu hỏi 4: Trong các từ sau, từ nào trái nghĩa với từ "nông"?

A. dài. B. ít. C. sâu. D. nổi.

Câu hỏi 5: Trong các từ ngữ sau, từ ngữ nào không chỉ hoạt động?

A. nhảy dây. B. đi bộ. C. mong manh. D. đọc sách.

Câu hỏi 6: Câu: "Cậu bé khản tiếng gọi mẹ." thuộc kiểu câu nào?

A. Ai làm gì? B. Ai thế nào? C. Ai là gì? D. Kiểu câu khác.

Câu hỏi 7: Trong các từ sau, từ nào không chỉ người?

A. y tế. B. kỹ sư. C. bác sỹ. D. y tá.

Câu hỏi 8: Những từ: "chạy, ngõ, ngộ, đuôi" là những từ xuất hiện trong bài thơ nào?

A. Hoa phượng. B. Cây dừa. C. Con Vện. D. Bé nhìn biển.

Câu hỏi 9: Trong câu đố sau nhắc đến đồ vật gì?

"Hai đầu vuông thích nằm ngang
Còn thêm bốn mặt rõ ràng đều nhau
Thẳng ngay phân biệt trước sau
Làm bài tập vẽ bút màu bạn quen."

A. hộp màu. B. thước kẻ. C. bút dạ. D. bút chì.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

âu hỏi 10: Trong các từ sau, từ nào viết đúng chính tả?

A. hén to. B. sét nghiệm. C. bánh tét. D. két xắt.

Bài thi số 3: PHÉP THUẬT MÈO CON

Câu hỏi 1:

Chuông	kêu	thử	tiếng	người	ngoan	thử	

Câu hỏi 2:

Nhà	sạch	thì		bát	sạch	ngon	cơm

Câu hỏi 3:

Tốt		hơn	tốt	nước	sơn

Câu hỏi 4:

Con	mèo	mà		cây	cau

Câu hỏi 5:

Kề		sát	cánh

Câu hỏi 6:

Con	có		như	nhà	có	nóc

Câu hỏi 7:

Con		cháu	tiên

Câu hỏi 8:

Có		con	mới	biết	lòng	cha	mẹ

Câu hỏi 9:

Của	một	đồng		một	nén

Câu hỏi 10:

Bụng		đầu	gối	phải	bò

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

VÒNG 18

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: Chọn từ thích hợp để điền vào chỗ trống trong câu tục ngữ sau:

"Thương ..... như thể thương thân."

Câu hỏi 2: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau:

"Càng về sáng, tiết trời càng lạnh giá. Trong bếp, bác mèo mướp vẫn ..... lì bên đống tro ấm".

(SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.148)

Câu hỏi 3: Điền vào chỗ trống từ có âm đầu "tr" cho phù hợp: "Đầu năm, Bắc học còn kém, nhưng em không nản mà quyết tâm ..... thành học sinh giỏi."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.148)

Câu hỏi 4: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau:

Câu "Tiếng suối trong như tiếng hát xa." Có bộ phận trả lời cho câu hỏi "Ai?" là ....

Câu hỏi 5: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau: "Trong các từ: *mong manh, đọc sách, đi bộ, nhảy dây,* từ không chỉ hoạt động là ....."

Câu hỏi 6: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong các câu thơ sau:

"Con mẹ đẹp sao
Những hòn tơ nhỏ
..... như lăn tròn
Trên sân, trên cỏ."

(Đàn gà mới nở)

Câu hỏi 7: Giải câu đố bằng thơ sau đây:

"Người sao tính nết lạ lùng
Lúc da em đỏ khi lòng đầy vơi
Sung sướng bậc nhất trên đời
Chỉ ngồi bàn giấy không rời đi đâu."

Đó là cái .....

Câu hỏi 8: Điền từ còn thiếu vào chỗ trống trong câu ca dao sau:

"Quê em đồng lúa nương .....
Bên dòng sông nhỏ nhịp cầu bắc ngang."

(Ca dao)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 9: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong câu: "Sau những buổi mò tôm bắt ốc, Cò lại đậu trên những ngọn tre ..... sách ra đọc."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.153)

Câu hỏi 10: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau: Trong câu: "Mấy bông hoa vàng tươi như những đốm nắng đã nở sáng trưng trên giàn mướp xanh mát." có tất cả ..... từ chỉ đặc điểm.

Bài thi số 2: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: Trong các từ sau, từ nào viết sai chính tả?

A. én trắng. B. chích bông. C. vành khuyên. D. chiền triện.

Câu hỏi 2: Trong các từ sau, từ nào không chỉ hoạt động?

A. nghiên cứu. B. đi học. C. bay lượn. D. rực rỡ.

Câu hỏi 3: Câu: "Hổ là chúa tể của rừng xanh." thuộc kiểu câu nào sau đây?

A. Ai là gì? B. Ai làm gì? C. Ai thế nào? D. Kiểu câu khác.

Câu hỏi 4: Câu: "Một con khỉ ở đâu nhảy xổ ra." thuộc kiểu câu nào sau đây?

A. Ai là gì? B. Ai làm gì? C. Ai thế nào? D. Kiểu câu khác.

Câu hỏi 5: Trong các từ sau, từ nào viết sai chính tả?

A. sinh sống. B. thút giục. C. lụt lội. D. bực bội

Câu hỏi 6: Trong các từ sau, từ nào dùng để trả lời cho câu hỏi: "Em bé thế nào?"

A. chạy. B. nhảy. C. xinh đẹp. D. múa.

Câu hỏi 7: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống sau: "Chín ..... làm mười."

A. hóa. B. bỏ. C. để. D. được

Câu hỏi 8: Từ nào dưới đây viết đúng tên riêng?

A. Ba Vì. B. Hà nội. C. hải phòng. D. Cửu long.

Câu hỏi 9: Trong các từ sau, từ nào có thể kết hợp với từ "bập bùng"?

A. nước. B. lửa. C. cây. D. đá.

Câu hỏi 10: Từ nào sau đây trái nghĩa với từ "hiền hòa"?

A. nhân hậu. B. dữ dội. C. hiền lành. D. ghê gớm.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Bài thi số 3: CHUỘT VÀNG TÀI BA

Tìm các cặp từ trái nghĩa với nhau trong các từ sau đây:

chăm chỉ	vui vẻ	ngoan ngoãn	giỏi giang	đoàn kết
chia rẽ	lạnh lẽo	lề mề	buồn bã	chậm
kiên trì	vội vàng	yêu quí	nhanh	nóng nực
ghét bỏ	hư đốn	tối dạ	nản chí	lười biếng

Đáp án: *Ghi các từ còn thiếu vào ô trống tương ứng*

chăm chỉ	vui vẻ	ngoan ngoãn	giỏi giang	đoàn kết
kiên trì	vội vàng	yêu quí	nhanh	nóng nực

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

VÒNG 19

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: Chọn từ thích hợp để điền vào chỗ trống trong các câu sau:

"Mong các cháu cố gắng
Thi đua học và hành
Tuổi nhỏ ..... việc nhỏ
Tuỳ theo sức của mình."

(Hồ Chí Minh)

Câu hỏi 2: Điền từ phù hợp vào chỗ trống sau: "Ngày tết của thiếu nhi được tổ chức vào rằm tháng tám âm lịch đó là tết ....."

Câu hỏi 3: Điền từ còn thiếu vào chỗ trống trong các câu thơ sau:

"Mồng một lưỡi trai
Mồng hai .....
Mồng ba câu liêm
Mồng bốn lưỡi liềm."

(Trăng)

Câu hỏi 4: Giải câu đố bằng thơ sau đây:

"Có rễ không bám đất
Có lá chẳng có hoa
Ngoài đường thì bán đầy ra
Nhưng mà ngoài ruộng người ta chẳng trồng."

- Đó là ..... (Một loại rau)

Câu hỏi 5: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau: "Ngọn lửa cháy mạnh, khi bốc cao, khi hạ thấp gọi là ....."

Câu hỏi 6: Điền vào chỗ trống: "Cầm lá thư đi, Mai thầm mong bác tổ trưởng biết ông Tường để lá thư này không phải vòng về Hải Phòng xa xôi ....."

(Lá thư nhầm địa chỉ)

Câu hỏi 7: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong câu sau:

"Cùng nhau cố gắng làm việc, học tập để đạt được kết quả tốt nhất gọi là ....."

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 8: Điền vào chỗ trống từ phù hợp để hoàn thành câu: Câu "Học sinh được nghỉ hè từ tháng sáu." Có câu hỏi là: ..... học sinh được nghỉ hè?

Câu hỏi 9: Điền từ phù hợp vào chỗ trống: "Bốn ..... mải chuyện trò, không biết bà Đất đã đến bên cạnh từ lúc nào."

Câu hỏi 10: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành các câu sau:

"Muốn cho lúa ..... bông to
Cày sâu bừa kĩ, phân gio cho nhiều."

(Tục ngữ)

Bài thi số 2: TRÂU VÀNG UYÊN BÁC

Xếp các từ (cụm từ) sau vào các nhóm bên dưới cho phù hợp:

Hoa đào	Hoa phượng	Mưa rào	Áo ấm	Hoa cúc
Khai trường	Hoa mai	Trung thu	Nóng nực	Mát mẻ
Lạnh giá	Nghỉ học	Đâm chồi	Gió bấc	Mưa phùn

Từ (cụm từ) chỉ mùa xuân				
Từ (cụm từ) chỉ mùa hè				
Từ (cụm từ) chỉ mùa thu				

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Bài thi số 3: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: Trong các từ sau, từ nào viết sai chính tả?

A. lặng lẽ. B. nặng nề. C. lo lắng. D. nắng đọng.

Câu hỏi 2: Từ nào dưới đây có nghĩa là chiến đấu chống giặc ngoại xâm?

A. chiến tranh. B. chiến sĩ. C. kháng chiến. D. đấu tranh.

Câu hỏi 3: Mùa gì được nhắc đến trong câu đố sau?

"Mùa gì khai giảng
Em vui đến trường
Thơm hương cốm mới
Bạn bè hát vang?"

A. mùa hoa. B. mùa hạ. C. mùa thu. D. mùa hè.

Câu hỏi 4: Từ nào dưới đây có nghĩa là "yên vui, không có giặc"?

A. hoà bình. B. hoà hợp. C. hài hoà. D. hiền hoà.

Câu hỏi 5: Các câu thơ sau đây của tác giả nào?

"Tính các cháu ngoan ngoãn
Mặt các cháu xinh xinh.
Mong các cháu cố gắng
Thi đua học và hành."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.10)

A. Tố Hữu. B. Định Hải. C. Hồ Chí Minh. D. Đáp án khác.

Câu hỏi 6: Ngày Tết Trung thu chính là ngày rằm tháng mấy theo âm lịch?

A. tháng 6. B. tháng 8. C. tháng Giêng. D. tháng 7.

Câu hỏi 7: Từ nào điền vào chỗ trống trong câu: "Bạn ấy viết hay mắc ..... chính tả."

A. nỗi B. nổi C. lỗi D. lổi.

Câu hỏi 8: Trong bài *Chuyện bốn mùa* (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.4), theo lời của nàng Thu thì mùa đông có gì hay?

A. Mùa đông có bếp lửa bập bùng. B. Mùa đông có nhà sàn.

C. Mùa đông có giấc ngủ ấm êm. D. Cả A và C đều đúng.

Câu hỏi 9: Mùa gì được nhắc đến trong câu đố sau:

"Mùa gì rét buốt.
Có thể tuyết rơi.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Gió mùa Đông Bắc.

Bé mặc ấm vào?"

A. mùa sen B. mùa xuân C. mùa vàng D. mùa đông.

Câu hỏi 10: Câu hỏi "Khi nào?" dùng để hỏi cho cụm từ nào trong câu sau: "Ở trường, em vui nhất khi được chơi trò chơi dân gian."?

A. Ở trường. B. em được vui nhất.

C. được chơi trò chơi dân gian. D. Đáp án khác.

VÒNG 20

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: Điền từ có âm đầu "x" thích hợp vào chỗ trống:

"Mưa cũng làm nũng mẹ

Vừa khóc ..... đã cười."

(Tô Đông Hải)

Câu hỏi 2: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để được câu thành ngữ đúng:

"Mùa ..... là tết trồng cây."

Câu hỏi 3: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành hai câu thơ sau:

"Gió ở rất ....., rất rất .....

Gió thích chơi thân với mọi nhà."

(Ngô Văn Phú)

Câu hỏi 4: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành câu sau:

"Sáng hôm sau, mặt trời lên, ông Mạnh mở cửa, thấy cây cối ..... quanh đổ rạp."

(Ông Mạnh thắng Thần Gió)

Câu hỏi 5: Trong bài tập đọc *Mùa xuân đến* (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.17) nhắc đến một loài cây có hoa trắng, quả màu nâu, vàng hay xanh nhạt, ăn có vị ngọt hoặc chua đó là cây .....

Câu hỏi 6: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành câu sau:

"Ngồi trong nhà, ta thấy cả những đàn cá ròng ròng, từng đàn, từng đàn theo cá mẹ ..... theo dòng nước, vào tận đồng sâu."

(Nguyễn Quang Sáng)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 7: Giải câu đố bằng thơ sau đây:

"Cây gạo đến mùa hoa
Chúng lại về ríu rít
Vệ sinh giúp trâu bò
Rận ve tìm nhặt hết."

(Sưu tầm)

Đó là con chim .....

Câu hỏi 8: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành câu sau:

"Trong không khí không còn ngửi thấy hơi nước lạnh lẽo mà đầy hương thơm và ánh ..... mặt trời."

(Tô Hoài)

Câu hỏi 9: Điền từ còn thiếu trong đoạn thơ sau:

"Cơn mưa rơi nho nhỏ
Không làm ướt tóc ai
Tay em ..... trang vở
Mưa chẳng khắp bàn tay."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.20)

Câu hỏi 10: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong câu ca dao sau đây:

"Trong đầm gì đẹp bằng sen
Lá ..... bông trắng lại chen nhị vàng."

(Ca dao)

Bài thi số 2: CHUỘT VÀNG TÀI BA

Tìm các cặp từ có mối liên hệ với nhau trong các từ sau đây:

Mùa xuân	Mùa hè	Mùa thu	Mùa đông	Mùa vàng
cấy hái	lạnh lẽo	ấm no	cấy gặt	khai trường
Mùa gặt	Mùa cấy	Mùa thi	Mùa lũ	Mùa màng
nước nổi	gặt hái	tháng sáu	trồng cây	nghỉ học

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Đáp án: *Ghi các từ còn thiếu vào ô trống tương ứng:*

Mùa xuân	Mùa hè	Mùa thu	Mùa đông	Mùa vàng
Mùa gặt	Mùa cấy	Mùa thi	Mùa lũ	Mùa màng

Bài thi số 3: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: Trong bài *Mùa nước nổi* (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.19), tác giả đã nhắc đến tên con sông nào dưới đây?

A. Cửu Long. B. Hương. C. Hồng. D. Bạch Đằng.

Câu hỏi 2: Trong các từ sau, từ nào viết đúng chính tả?

A. xương mù. B. xương rồng. C. sương cá. D. sương sườn.

Câu hỏi 3: Trong bài đọc *Mùa xuân đến* (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.17), loài hoa nào xuất hiện trong câu: "Hoa ..... vừa tàn thì mùa xuân đến."?

A. hoa mận. B. hoa mơ. C. hoa mai. D. hoa lan.

Câu hỏi 4: Từ nào dưới đây chỉ dòng nước lên một cách từ từ, không dữ dội?

A. hiền lành. B. hiền hậu. C. hiền hoà. D. hiền dịu.

Câu hỏi 5: Mùa nào được nhắc đến trong câu đố sau:

"Mùa gì nóng bức
Trời nóng chang chang
Đi học đi làm
Phải đội mũ nón?"

A. mùa xuân. B. mùa hè. C. mùa thu. D. mùa đông.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 6: Trong các từ sau, từ nào viết sai chính tả?

A. sen kẽ. B. xen lẫn. C. hoa sen. D. hạt sen.

Câu hỏi 7: Từ chỉ "mọc ra những mầm non, lá non" được gọi là gì?

A. nảy lộc. B. mùa đông. C. mùa thu. D. hái lộc.

Câu hỏi 8: Chọn đáp án phù hợp vào chỗ trống trong câu văn sau :

"Bầu trời .....ám .....ịt như muốn .....à xuống .....át mặt đất."

A. s – s – x – s B. x – s – x – s C. s – x – s – x D. x – x – s – s.

Câu hỏi 9: Có thể thay từ "Khi nào" trong câu: "Khi nào bạn đi thăm viện bảo tàng?" bằng từ nào?

A. Bao giờ. B. Ở đâu C. Thế nào. D. Làm gì

Câu hỏi 10: Trong bài tập đọc *Mùa nước nổi* (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.19), loại đất, cát nhỏ, mịn cuốn trôi theo dòng sông hoặc lắng đọng lại ở bờ sông, bãi bồi là gì?

A. phù xa. B. phù sa.

C. Cả A và B đều đúng. D. Đáp án khác.

VÒNG 21

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn chỉnh câu sau:

"Nhưng sáng hôm sau, khi vừa ..... cánh đón bình minh, bông cúc đã nghe thấy tiếng sơn ca buồn thảm."

(Chim sơn ca và bông cúc trắng)

Câu hỏi 2: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong các câu thơ sau:

"Hay chạy lon xon
Là gà mới nở
Vừa đi vừa nhảy
Là em ....."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.28)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 3: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành khổ thơ sau:

"Hay nghịch hay tếu
Là cậu chìa vôi
Hay ..... đớp mồi
Là chim chèo bẻo."

(Vè dân gian)

Câu hỏi 4: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau: "Loại chim rất to, cổ dài, chân cao, chạy nhanh, sống ở vùng khí hậu nóng là chim ....."

Câu hỏi 5: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong câu thơ sau:

"Đèn khoe đèn tỏ hơn trăng
Đèn ra trước gió còn ..... hỡi đèn."

(Ca dao)

Câu hỏi 6: Điền từ bắt đầu bằng "tr" hoặc "ch" vào chỗ trống sau cho phù hợp:

"Hoạt động nghiêng mình rất nhanh từ bên này qua bên kia của một số loài chim được gọi là ....."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.28)

Câu hỏi 7: Giải câu đố bằng thơ sau:

"Con gì nho nhỏ
Cái mỏ xinh xinh
Chăm nhặt, chăm tìm
Bắt sâu cho lá?"

Đó là con .....

Câu hỏi 8: Trong bài thơ *Vè chim* (SGK TV 3, tập 2, tr.28), loại chim hay nghịch, hay tếu là chim .....

Câu hỏi 9: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong đoạn thơ sau:

"Giờ ra chơi vừa điểm
Gió nấp đâu, ùa ra,
Làm nụ hồng .....
Bật cười quá, nở hoa. "

(Thy Ngọc)

Câu hỏi 10: Điền một từ phù hợp vào các chỗ trống sau:

"Bố nhớ: khi vượt Trường Sơn
Trăng như cánh võng ..... trong mây."

(Lê Hồng Thiện)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Bài thi số 2: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: Trong các từ sau, từ nào viết sai chính tả?

A. chích chòe. B. chào mào. C. trâu chấu. D. châu chấu.

Câu hỏi 2: Từ nào không thể dùng để tả tiếng chim hót hay?

A. lanh lảnh. B. ồn ào. C. véo von. D. ríu rít.

Câu hỏi 3: Từ nào trong câu: "Sơn ca khô cả họng vì khát." trả lời câu hỏi "Vì sao?"?

A. sơn ca. B. khô. C. họng. D. vì khát.

Câu hỏi 4: Việc học thuộc lòng mà không hiểu ý nghĩa được ví với loài chim nào?

A. khướu. B. cắt. C. vẹt. D. cuốc.

Câu hỏi 5: Từ nào sau đây có thể dùng trả lời câu hỏi "Mẹ em làm việc ở đâu?"?

A. hiền lành. B. nhà máy. C. dịu dàng. D. trời nắng.

Câu hỏi 6: Mục nào sau đây không có trong bài tập đọc *Thông báo của thư viện vườn chim* (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.26)?

A. giờ mở cửa. B. cấp thẻ mượn sách.

C. sách mới về. D. giờ tiếp dân.

Câu hỏi 7: Trong câu: "Loài chim thường làm tổ trên cây.", bộ phận "trên cây" trả lời cho câu hỏi nào?

A. Ở đâu? B. Như thế nào? C. Khi nào? D. Để làm gì?

Câu hỏi 8: Đâu là tên một loài chim?

A. châu chấu. B. trùng trục. C. chuồn chuồn. D. chào mào.

Câu hỏi 9: Trong câu: "Chúng em đọc sách trên thư viện." có bộ phận trả lời cho câu hỏi "Ở đâu?" là:

A. trên thư viện. B. Chúng em.

C. đọc sách. D. Đáp án khác.

Câu hỏi 10: Loài chim nào được đặt tên theo tiếng kêu?

A. cuốc. B. cánh cụt. C. chìa vôi. D. họa mi.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Bài thi số 3: PHÉP THUẬT MÈO CON

Câu hỏi 1:



Câu hỏi 2:



Câu hỏi 3:



Câu hỏi 4:



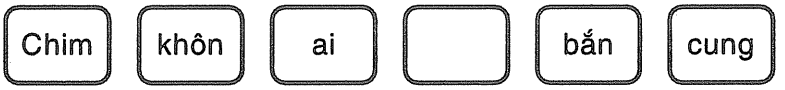
Câu hỏi 5:



Câu hỏi 6:



Câu hỏi 7:



Câu hỏi 8:



Câu hỏi 9:



Câu hỏi 10:



Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

VÒNG 22

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: Điền từ có âm đầu "r" thích hợp vào chỗ trống trong đoạn thơ sau:

"Vắng từ vườn xa
Chim cành thỏ thẻ
..... đầu nhà
Tiếng bầy se sẻ."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.33)

Câu hỏi 2: Điền từ còn thiếu vào chỗ trống để hoàn thành câu tục ngữ sau:

"Quạ tắm thì ..... sáo tắm thì mưa."

Câu hỏi 3: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong các câu thơ sau:

"Tiếng chim cùng bé tưới hoa
Mát trong từng giọt nước hoà tiếng chim.
Vòm cây xanh, đố bé tìm
Tiếng nào riêng ..... trăm nghìn tiếng chung."

(Định Hải)

Câu hỏi 4: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành các câu thơ sau:

"Yêu sao tiếng mẹ ru nồng
Tiếng thoi lách cách bên nong ..... tằm."

(Lê Anh Xuân)

Câu hỏi 5: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành lời giải thích sau:

"Loài chim nhỏ sống ở bụi cây gần nước, chỉ bay là là mặt đất, tiếng kêu giống với tên gọi đó là con ....."

Câu hỏi 6: Giải câu đố bằng thơ sau:

"Có sắc để uống hoặc tiêm
Thay sắc bằng nặng là em nhớ bài."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.26)

- Đó là chữ .....

Câu hỏi 7: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong các câu thơ sau:

"Em yêu tiếng chim
Đầu hồi lảnh lót

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Mái vàng thơm phức

..... đầy sân phơi."

(Tô Hà)

Câu hỏi 8: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành lời giải thích sau:

"Phối hợp nhiều âm thanh với nhau cùng một lúc gọi là ....."

Câu hỏi 9: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành lời giải thích sau:

"Loài chim ở nước, cỡ lớn, cùng họ với ngỗng, lông trắng hoặc đen, sống ở phương Bắc, thường nuôi làm cảnh đó là chim ....."

Câu hỏi 10: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành câu sau:

"Họ nhà chim đủ các loại, đủ các màu sắc ríu rít bay đến đậu ở những bụi cây quanh hồ, tiếng hót ..... vang cả mặt nước."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.34)

Bài thi số 2: TRÂU VÀNG UYÊN BÁC

Xếp các từ sau vào các nhóm bên dưới cho phù hợp:

Tu hú	Bói cá	Thiên nga	Gõ kiến	Đà điểu
Khướu	Cánh cụt	Sâu	Sơn ca	Cú mèo
Quạ	Diều hâu	Yến	Vàng anh	Cuốc

Tên chim gọi theo hình dáng				
Tên chim gọi theo tiếng kêu				
Tên chim gọi theo cách kiếm ăn				

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Bài thi số 3: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: Trong các từ sau, từ nào gồm hai tiếng mang thanh hỏi?

A. lững thững. B. rảnh rỗi. C. bão biển. D. lủng củng.

Câu hỏi 2: Trong bài đọc *Cò và Cuốc* (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.37), Cuốc đã thắc mắc với Cò về điều gì khi nhìn thấy Cò đang lội ruộng?

A. chiếc áo trắng. B. cái mỏ dài.

C. thân hình. D. đôi cánh.

Câu hỏi 3: Trong các từ sau, từ nào viết đúng chính tả?

A. da diết. B. ra riết. C. rạo dực. D. khách xạn.

Câu hỏi 4: Trong các từ sau, từ nào viết sai chính tả?

A. giải trí. B. rải lao. C. dải lụa. D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 5: Loại chim nào dưới đây báo hiệu mùa xuân về?

A. chim én. B. chim cuốc. C. chim ri. D. chim sâu.

Câu hỏi 6: Trong bài "Chim rừng Tây Nguyên" (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.34), chim kơ púc được miêu tả thế nào?

A. mình đỏ chót. B. mình nhỏ như quả ớt.

C. cặp mỏ thanh mảnh. D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 7: Loại chim nào dưới đây khác với các loại chim còn lại nhất?

A. bồ câu. B. cú mèo. C. chích choè. D. sáo sậu.

Câu hỏi 8: Cụm từ nào trả lời cho câu hỏi "Ở đâu?" trong câu: "Suốt mùa đông, cá rô ẩn náu trong bùn ao."?

A. cá rô. B. suốt mùa đông. C. trong bùn ao. D. ẩn náu.

Câu hỏi 9: Trong bài *Một trí khôn hơn trăm trí khôn* (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.31), con vật nào dưới đây không được nhắc đến?

A. Chồn. B. Gà Rừng. C. Hổ. D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 10: Trong các câu sau, câu nào dùng đúng dấu phẩy?

A. Ở nhà em thường, giúp mẹ nhặt rau.

B. Ở nhà, em thường giúp mẹ nhặt rau.

C. Ở nhà em thường giúp mẹ, nhặt rau.

D. Cả A, B và C đều sai.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

VÒNG 23

Bài thi số 1: TRÂU VÀNG UYÊN BÁC

Xếp các từ sau vào các nhóm bên dưới cho phù hợp:

Sư tử	Bói cá	Mèo mướp	Hươu	Đà điểu
Trâu bò	Thiên nga	Hổ báo	Sóc	Gà vịt
Nai	Lợn rừng	Tê giác	Chó cảnh	Thỏ

Thú dữ nguy hiểm				
Thú không nguy hiểm				
Vật nuôi trong nhà				

Bài thi số 2: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong các câu thơ sau:

"Năm gian lều cỏ thấp le te
Ngõ tối đêm sâu đóm .....”

(SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.48)

Câu hỏi 2: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau: "Giúp người khác một cách thoải mái, không lấy công, tiền của gọi là .....”

(SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.42)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 3: Điền từ có âm đầu "l" hoặc "n" vào chỗ trống trong khổ thơ sau:

"Sư Tử bàn chuyện xuất quân
Muốn sao cho khắp thần dân trổ tài
Nhỏ to, khoẻ yếu muôn loài
Ai ai cũng được tuỳ tài ....."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.46)

Câu hỏi 4: Điền từ có âm đầu "l" hoặc "n" vào chỗ trống trong hai câu thơ sau:

"Lưng dậu phất phơ màu khói nhạt
Làn ao ..... bóng trăng loe."

(Nguyễn Khuyến)

Câu hỏi 5: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong các câu thơ sau:

"Mỗi sớm mai thức dậy
..... xanh rì rào
Ngọn tre cong gọng vó
Kéo mặt trời lên cao."

(Nguyễn Công Dương)

Câu hỏi 6: Điền vào chỗ trống từ thích hợp để hoàn thành câu ca dao sau:

"Con cò mà đi ăn đêm
Đậu phải cành mềm ..... cổ xuống ao."

Câu hỏi 7: Giải câu đố bằng thơ sau đây:

"Cắt đầu đau lắm bạn ơi
Lại chôn xuống đất mặc trời gió mưa
Ăn thì mọi thứ đều ưa
Con tròn trịa, mẹ dây dưa loằng ngoằng."

- Đó là cây .....

Câu hỏi 8: Điền từ có vần "úa" hoặc "ướt" vào chỗ trống trong đoạn thơ sau:

"Mặt trời càng lên tỏ
Bông ..... chín thêm vàng."

(Hoàng Trung Thông)

Câu hỏi 9: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn chỉnh lời giải nghĩa sau:

"Từ chỉ những điều quy định mà mọi người phải tuân theo đó là nội ....."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.44)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 10: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong các câu thơ sau đây:

"Nhà ai vừa chín quả đầu
Đã nghe gió thổi vườn sau thơm ....."

(Phạm Hổ)

Bài thi số 3: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: Trong các từ sau, từ nào khác loại với 3 từ còn lại?

A. con tàu. B. con sâu. C. con gấu. D. con trâu.

Câu hỏi 2: Nội quy trong bài *Nội quy Đảo Khỉ* (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.44) có mấy điều?

A. 3 điều. B. 6 điều. C. 5 điều. D. 4 điều.

Câu hỏi 3: Trong bài *Sư Tử xuất quân* (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.46), con vật nào nhiều mưu kế?

A. Voi. B. Cáo. C. Gấu. D. Khỉ.

Câu hỏi 4: Từ nào chỉ việc xử tệ với người đã cứu giúp mình?

A. tẽn tò. B. bội bạc. C. hoảng sợ. D. xấu hổ.

Câu hỏi 5: Từ "khoan khoái" trong câu: "Chúng khoan khoái đớp bóng nước mưa." trả lời cho câu hỏi nào?

A. Vì sao? B. Ở đâu? C. Khi nào? D. Như thế nào?

Câu hỏi 6: Trong bài *Sư Tử xuất quân* (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.46), Voi được giao nhiệm vụ gì?

A. giao liên. B. gạo tiền. C. công đồn. D. vận tải.

Câu hỏi 7: Trong câu "Cá rô nô nức lội ngược trong mưa." có từ nào trả lời cho câu hỏi "Con gì?"?

A. nô nức. B. lội ngược. C. mưa. D. cá rô.

Câu hỏi 8: Câu: "Đọc xong nội quy, Khỉ Nâu cười khành khạch." thuộc kiểu câu gì?

A. Ai là gì? B. Ai thế nào? C. Ai làm gì? D. Ai khi nào?

Câu hỏi 9: Câu "Ngựa phi ***nhanh như bay***." có phần in đậm trả lời cho câu hỏi nào?

A. Làm gì? B. Như thế nào? C. Khi nào? D. Ở đâu?

Câu hỏi 10: Người ta gọi con hổ là gì?

A. thủy tề. B. thủy tộc. C. chúa sơn lâm. D. ông tiên.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

VÒNG 24

Bài thi số 1: TRÂU VÀNG TÀI BA

Xếp các từ (cụm từ) sau vào các nhóm bên dưới cho phù hợp:

săn bắn	Gấu trắng	ngoạm mồi	Ong vò vẽ	tò mò
khoét núi	nhút nhát	dữ tợn	Ngựa vằn	săn mồi
Sư tử	núi rừng	tinh nhanh	vồ mồi	động vật

Tên con vật				
Hoạt động của con vật				
Đặc điểm của con vật				

Bài thi số 2: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: Giải câu đố bằng thơ sau:

"Có cánh mà chẳng biết bay
Suốt ngày vẫn nước ao này sông kia
Thi tài lặn lội miễn chê
Trứng thì đẻ lúc canh khuya lặng thầm."

- Đó là con .....

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 2: Điền từ phù hợp vào chỗ trống sau:

"Nơi tận cùng ở phía bắc của Trái Đất, quanh năm giá lạnh đó là ...."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.54)

Câu hỏi 3: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong các câu thơ sau:

"Đi qua xóm núi Thậm Thình
Bâng khuâng nhớ nước non mình nghìn năm
Vua Hùng một sáng đi .....
Trưa tròn bóng nắng nghỉ chân chốn này."

(Nguyễn Bùi Vợi)

Câu hỏi 4: Điền từ phù hợp vào chỗ trống sau:

"Khu rừng ở tỉnh Ninh Bình có các loài cây và con vật quý hiếm, được Nhà nước bảo vệ đó là rừng quốc gia ..... Phương."

Câu hỏi 5: Điền từ phù hợp vào chỗ trống trong câu sau:

"Con voi lúc lắc vòi ra hiệu điều gì đó, rồi đến trước mũi ....."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.54)

Câu hỏi 6: Điền từ phù hợp vào chỗ trống trong câu: "Trên đường trở về, thấy một con gấu trắng đang ..... tới, anh khiếp đảm bỏ chạy."

(Gấu trắng là chúa tò mò)

Câu hỏi 7: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành lời giải thích sau:

"..... là dừng lại một cách đột ngột do tác động bất ngờ."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.57)

Câu hỏi 8: Điền từ phù hợp vào chỗ trống trong câu sau:

"Ngày xưa, có hai vợ chồng người nông dân kia quanh năm hai ..... một nắng, cuốc bẫm cày sâu."

Câu hỏi 9: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành các câu thơ sau:

"Quả vàng nằm giữa cành .....
Mải mê góp mật, chuyên cần toả hương."

(Quả ngọt cuối mùa)

Câu hỏi 10: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau:

"To lớn và như từ đâu hiện ra trước mắt gây ấn tượng đáng sợ là nghĩa của từ ....."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.57)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Bài thi số 3: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: Chọn cụm từ phù hợp điền vào chỗ trống:

"Kiến cánh vỡ tổ bay ra.
Bão táp ..... gần tới."

A. nắng to B. mưa sa C. mưa bụi D. tuyết rơi.

Câu hỏi 2: Trong bài tập đọc *Gấu trắng là chúa tò mò* (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.53), Gấu trắng sống ở đâu?

A. Châu Á. B. Bắc Cực. C. Châu Âu. D. Châu Phi.

Câu hỏi 3: Cô bé trong bài *Vì sao?* (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.58) lần đầu về quê chơi, cô bé gặp cái gì cũng thấy thế nào?

A. lạ lẫm. B. quen thuộc. C. gần gũi. D. thân thiết.

Câu hỏi 4: Tên của bản trong bài *Voi nhà* (SGK Tiếng Việt 2 tập 2, trang 57) là gì?

A. bản Đôn. B. bản Lác. C. bản Tun. D. bản Mèo.

Câu hỏi 5: Trong câu "Cứ đến mùa xuân, đồng bào Ê-đê, Mơ-nông lại tưng bừng mở hội đua voi." (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.58), cụm từ "tưng bừng mở hội đua voi" trả lời cho câu hỏi nào?

A. Vì sao? B. Như thế nào? C. Ở đâu? D. Khi nào?

Câu hỏi 6: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống trong câu: "Trời cao .....".

A. sông sâu B. bể rộng C. núi cao D. đất chật.

Câu hỏi 7: Trong các từ sau, từ nào viết đúng chính tả?

A. sâu bọ. B. sâu kim. C. củ xắn. D. sắn tay áo.

Câu hỏi 8: Câu nào dưới đây dùng đúng dấu phẩy?

A. Vườn thú thật là, rộng biết bao nhiêu là chuồng thú.
B. Vườn thú thật là rộng, biết bao nhiêu là chuồng thú.
C. Vườn thú thật là rộng biết bao nhiêu là, chuồng thú.
D. Cả A, B và C đều sai.

Câu hỏi 9: Trong bài *Gấu trắng là chúa tò mò* (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.53), tính nết của Gấu trắng có gì đặc biệt?

A. Gấu trắng là con vật rất tò mò.
B. Gấu trắng thích đùa với những loài vật khác
C. Gấu trắng thích đùa với con người.
D. Đáp án khác.

Câu hỏi 10: Từ nào dưới đây không chỉ đặc điểm của loài thú?

A. nhanh nhẹn. B. hung dữ. C. lễ phép. D. hiền lành.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

VÒNG 25

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: Giải câu đố bằng thơ sau:

"Con gì cá biển rõ ràng
Có tên giống lợn khôn ngoan tuyệt vời
Nhiều khi giữa biển cứu người
Chẳng như cá mập là loài ác ngư."

- Đó là cá .....

Câu hỏi 2: Điền từ phù hợp vào chỗ trống trong lời giải thích sau:

"Dụng cụ của thợ rèn hay thợ kim hoàn, dùng để thụt hơi vào lò cho lửa cháy là ....."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.65)

Câu hỏi 3: Điền từ có âm đầu "ch" vào chỗ trống thích hợp trong các câu thơ sau:

"Không còn dấu cũ lầu son
Phía sau thành phố khói vời trong mây
Trời cao, bóng toả đường cây
Nhịp ..... xưa thoảng đâu đây... thậm thình.."

(Nguyễn Bùi Vợi)

Câu hỏi 4: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong lời giải thích sau:

"Đồ vật dùng để biếu, tặng, cúng gọi là ....."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.61)

Câu hỏi 5: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau:

Trong bài *Sơn Tinh, Thuỷ Tinh* (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.60), loại bánh được vua Hùng đưa ra yêu cầu Sơn Tinh, Thuỷ Tinh phải có đó là bánh ....."

Câu hỏi 6: Điền vần phù hợp vào chỗ trống trong các từ dưới đây là .....

s.... khỏe, đạo đ...., n.... nở, thăng ch....

Câu hỏi 7: Điền từ phù hợp vào chỗ trống trong câu sau:

"..... là sóng lớn ở ngoài khơi xa."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.65)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 8: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong các câu thơ sau:

"Bà như quả ngọt ..... rồi
Càng thêm tuổi tác, càng tươi lòng vàng."

(Võ Thanh An)

Câu hỏi 9: Điền từ phù hợp vào chỗ trống sau:

"Vua Hùng Vương thứ mười tám có một cô gái đẹp tuyệt ..... tên là Mị Nương."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.61)

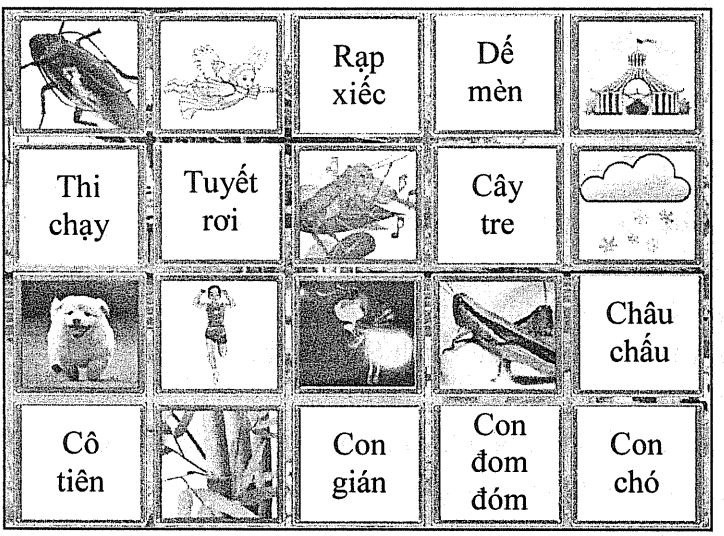
Câu hỏi 10: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong các câu thơ sau:

"Bãi giằng với sóng
..... trò kéo co."

(Trần Mạnh Hảo)

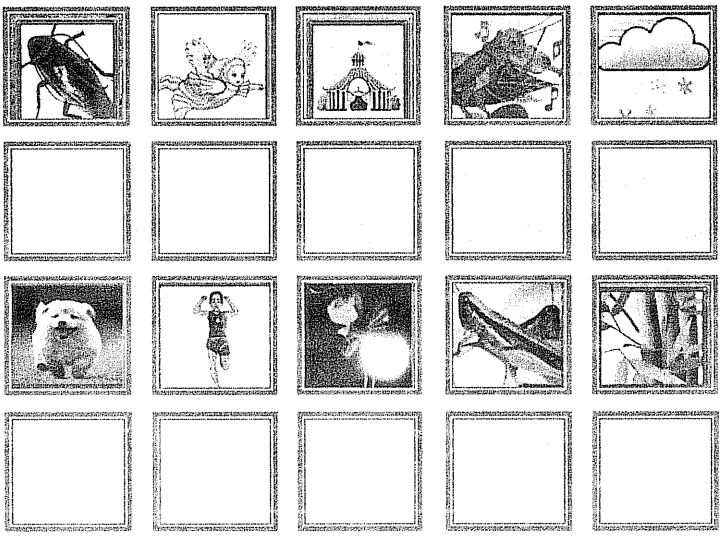
Bài thi số 2: CHUỘT VÀNG TÀI BA

Tìm các cặp từ (cụm từ) và hình ảnh tương ứng với nhau trong các từ (cụm từ) và hình ảnh dưới đây:



Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Đáp án: Ghi những từ (cụm từ) vào ô trống tương ứng sau:



Bài thi số 3: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: Nội dung bài *Bé nhìn biển* (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.65) là gì?

A. Ca ngợi tình yêu biển của bé.

B. Nói lên sự ngộ nghĩnh đáng yêu của bé trước biển.

C. Ca ngợi tình yêu biển của tác giả.

D. Đáp án khác.

Câu hỏi 2: Trong các từ sau, từ nào viết đúng chính tả?

A. chú mưa. B. chú ý. C. chuyền tin. D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 3: Trong các từ sau, từ nào viết sai chính tả?

A. mệt mỏi. B. chăm chỉ. C. buồn bả. D. lỏng lẻo.

Câu hỏi 4: Chọn câu trả lời đúng cho câu hỏi: *Vì sao Sơn Tinh lấy được Mị Nương?*

A. Vì Thuỷ Tinh đã nhường Mị Nương cho Sơn Tinh.

B. Vì Sơn Tinh đem lễ vật đến trước.

C. Vì nhà vua và Mị Nương đều thích Sơn Tinh.

D. Đáp án khác.

Câu hỏi 5: Trong câu chuyện *Sơn Tinh, Thuỷ Tinh* (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.60) có điều gì dưới đây là sự thật?

A. Nhân dân ta chống lũ lụt rất kiên cường.

B. Mị Nương là một cô gái rất xinh đẹp và dịu dàng.

C. Sơn Tinh là một vị thần rất tài giỏi..

D. Cả A, B và C đều sai.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 6: Câu hỏi: *Vì sao Thuỷ Tinh dâng nước đánh Sơn Tinh?* có câu trả lời là:

A. Vì Thuỷ Tinh không lấy được công chúa Mị Nương.

B. Vì Thuỷ Tinh mang lễ vật đến sau.

C. Vì Thuỷ Tinh muốn giành lại công chúa Mị Nương.

D. Đáp án khác.

Câu hỏi 7: Trong các từ sau, từ nào viết sai chính tả?

A. cá chim. B. cá chắm. C. cá trôi. D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 8: Dòng nước chảy tự nhiên ở đồi núi được gọi là gì?

A. hồ. B. sông. C. ao. D. suối.

Câu hỏi 9: Trong câu "Vì trời mưa nên đường rất trơn." có từ nào dưới đây trả lời cho câu hỏi "Vì sao?" ?

A. đường. B. trời mưa. C. trơn. D. trời.

Câu hỏi 10: Trong khổ thơ sau có mấy từ dùng chỉ người?

"Nghìn con sóng khoẻ
Lon ta lon ton
Biển to lớn thế
Vẫn là trẻ con."

(Bé nhìn biển)

A. 2 từ. B. 3 từ. C. 4 từ. D. 5 từ.

VÒNG 26

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: Giải câu đố bằng thơ sau:

"Mắt to miệng rộng
Mình mặc áo vàng
Cả ngày bơi lội
Tung tăng trong bồn."

(Sưu tầm)

- Đó là con .....

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 2: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong các câu thơ sau:

"Trời trong đầy tiếng .....
Đàn cò đánh nhịp bay vào bay ra
Đứng canh trời đất bao la
Mà dừa đủng đỉnh như là đứng chơi."

(*Cây dừa* - Trần Đăng Khoa)

Câu hỏi 2: Điền từ phù hợp vào chỗ trống trong câu: "Những đêm trăng sáng, dòng sông là một đường trăng ..... linh dát vàng."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.72)

Câu hỏi 3: Điền từ phù hợp vào chỗ trống trong các câu sau:

"Cái cò đi đón cơn mưa
Tối tăm ..... ai đưa cò về
Cò về thăm quán cùng quê
Thăm cha, thăm mẹ, cò về thăm anh."

(Ca dao)

Câu hỏi 5: Điền từ có âm đầu "r" thích hợp vào chỗ trống trong các câu sau:

"Trăm cô gái tựa tiên sa
Múa chày đôi với chày ba .....
Đêm đêm tiếng thậm, tiếng thình
Cối gạo đầy cả nghĩa tình nước non."

(Nguyễn Bùi Vợi)

Câu hỏi 6: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau:

"Cá Con biết tài búng càng của Tôm Càng, rất ..... trọng bạn."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.69)

Câu hỏi 7: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn chỉnh lời giải nghĩa sau:

"Vật dụng dùng để đẩy nước cho thuyền đi được gọi là ....."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.69)

Câu hỏi 8: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong câu sau:

"Loại chất lỏng có màu sắc khác nhau dùng để viết chữ là ....."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.76)

Câu hỏi 9: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành câu sau:

"Món ăn làm bằng hoa quả rim đường, thường dùng trong những ngày Tết đó là ....."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.76)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 10: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành các câu thơ sau:

"Lá chiều ngủ khép .....
Để cùng dậy với tưng bừng nắng mai
Vàng thơm sau lớp vỏ gai
Múi to, mật ngọt cho ai thoả lòng."

(*Sầu riêng* - Phạm Hổ)

Bài thi số 2: TRÂU VÀNG TÀI BA

Xếp các từ sau vào các nhóm bên dưới cho phù hợp:

cá chép	cua	cá voi	tôm	cá thu
ốc	cá trắm	ao hồ	rùa	bãi cát
cá quả	cá mập	bờ biển	cá heo	cá rô

Cá nước mặn				
Cá nước ngọt				
Con vật sống dưới nước không là cá				

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Bài thi số 3: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: Trong các từ sau, từ nào viết đúng chính tả?

A. rải thưởng. B. dải dác. C. giải núi. D. giải lao.

Câu hỏi 2: Từ nào sau đây viết sai chính tả?

A. nức nở. B. nức nẻ. C. rạn nứt. D. vết nứt.

Câu hỏi 3: Sự vật nào có màu xanh nhưng không được nhắc đến trong bài tập đọc *Sông Hương* (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.72)?

A. da trời. B. cánh đồng lúa. C. thảm cỏ. D. bãi ngô.

Câu hỏi 4: Trong các loài cá sau, cá nào là cá nước ngọt?

A. cá thu. B. cá chép. C. cá heo. D. cá nục.

Câu hỏi 5: Trong bài *Sông Hương* (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.72), vì sao nói sông Hương là một đặc ân của thiên nhiên dành cho Huế?

A. Vì sông Hương có một cảnh đẹp rất hữu tình.

B. Vì nó làm không khí trong lành.

C. Vì nó xua đi tiếng ồn, tạo ra vẻ êm đềm.

D. Đáp án khác.

Câu hỏi 6: Từ trái nghĩa với từ "thức" là từ nào?

A. dễ. B. tỉnh. C. dậy. D. ngủ.

Câu hỏi 7: Từ nào có thể ghép với tiếng "da" để được từ đúng chính tả?

A. diết. B. trời. C. dẻ. D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 8: Từ nào dưới đây điền được vào chỗ trống trong khổ thơ sau?

"Mới vừa nắng quái
Sân hãy rực vàng
Bỗng chiều sẫm lại
Mờ mịt sương ....."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.71)

A. răng. B. dăng. C. giăng. D. Đáp án khác.

Câu hỏi 9: Từ nào dưới đây chỉ bộ phận dùng để điều khiển hướng chuyển động của tàu, thuyền trên sông, biển?

A. buồng lái. B. bánh lái. C. mái chèo. D. mỏ neo.

Câu hỏi 10: Từ nào dưới đây chỉ mức độ đậm, nhạt của màu sắc?

A. sắc độ. B. mức độ. C. độ sắc. D. Đáp án khác.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

VÒNG 27

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong các câu thơ sau:

"Nhưng mà ngộ nhất
Là lúc nó vui:
Chẳng hề ..... mép.
Nó cười bằng ... đuôi."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.81)

Câu hỏi 2: Giải câu đố bằng thơ sau:

"Ngôi nhà sùm sụp mái che
Khi bốn cột xòe nhà chuyển đi ngay."

(Sưu tầm)

- Đó là con .....

Câu hỏi 3: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong câu sau:

"Mỗi mùa hè tới, hoa phượng vĩ nở đỏ ..... hai bên bờ."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.72)

Câu hỏi 4: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành lời giải thích sau:

"Tin lan truyền từ người này qua người khác gọi là ....."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.75)

Câu hỏi 5: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong câu sau:

"Suốt mùa đông ẩn ..... trong bùn ao, bây giờ chúng chui ra, khoan khoái đớp bóng nước mưa mới ấm áp."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.80)

Câu hỏi 6: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong các câu thơ sau:

"..... nhà xa ngõ
Đuôi quắp dọc đường."

(*Con Vện* - SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.81)

Câu hỏi 7: Điền từ phù hợp vào chỗ trống trong các câu sau:

"Nghé hôm nay đi thi
Cũng dậy từ gà gáy
Người ..... trâu mẹ đi
Nghé vừa đi vừa nhảy."

(Huy Cận)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 8: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong các câu thơ sau:

"Lật từng trang, từng trang
Giấy trắng sờ mát .....
Thơm tho mùi giấy mới
Nắn nót bàn tay xinh."

(Quang Huy)

Câu hỏi 9: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau:

Trong câu "Cá rô nô nức lội ngược trong mưa." có từ ngữ trả lời cho câu hỏi "Con gì?" là .....

Câu hỏi 10: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau:

Trong câu "Chúng **khoan khoái** đớp bóng nước mưa." có bộ phận in đậm trả lời cho câu hỏi .....

Bài thi số 2: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: Câu thơ "Bãi giằng với sóng" có trong bài tập đọc nào dưới đây?

A. Thư trung thu. B. Bé nhìn biển.
C. Sư tử xuất quân. D. Đáp án khác.

Câu hỏi 2: Từ nào sau đây viết sai chính tả?

A. giành mạch. B. rành rọt. C. tranh giành. D. dành riêng.

Câu hỏi 3: Trong bài tập đọc *Mùa xuân đến* (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.17), loài hoa nào không được nhắc đến?

A. hoa đào. B. hoa nhãn. C. hoa cau. D. hoa bưởi.

Câu hỏi 4: Loại cá nào được nhắc đến trong câu đố sau?

"Cá gì nuôi ở ao hồ
Thêm o vào cuối biết về chuột ngay."

A. cá chép. B. cá mè. C. cá trôi. D. cá thu.

Câu hỏi 5: Chọn chữ cái phù hợp vào chỗ trống trong các từ dưới đây:

.....en lẫn, ...úng xính, mùa .....uân.

A. v B. n C. s D. x

Câu hỏi 6: Câu chuyện nào dưới đây nói về sự ngu ngốc của cá sấu?

A. Chuyện bốn mùa. B. Một trí khôn hơn một trăm trí khôn.
C. Quả tim khỉ. D. Chim rừng Tây Nguyên.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 7: Trong câu "Chị Sơn Ca xinh đẹp.", từ nào trả lời câu hỏi "như thế nào?"?

A. Chị. B. Sơn. C. xinh đẹp. D. Ca.

Câu hỏi 8: Từ nào dưới đây trái nghĩa với từ "nhớ"?

A. mong. B. quên. C. chờ. D. đợi.

Câu hỏi 9: Câu nào dưới đây sử dụng đúng dấu phẩy?

A. Trên rừng, voi là khoẻ nhất dưới biển, cá voi là to nhất.

B. Trên rừng, voi là khoẻ nhất, dưới biển, cá voi là to nhất.

C. Trên rừng voi là khoẻ nhất, dưới biển, cá voi là to nhất.

D. Trên rừng voi là khoẻ nhất, dưới biển cá voi là to nhất.

Câu hỏi 10: Trong các câu văn sau, đàn cá rô lội nước mưa tạo ra tiếng động như thế nào?

"Hàng đàn cá rô nô nức lội ngược trong mưa, nghe rào rào như đàn chim vỗ cánh trên mặt nước."

(Tô Hoài)

A. Như cóc nhảy. B. Rào rào như đàn chim vỗ cánh.

C. Nô nức lội ngược trong mưa. D. Cả A, B và C đều đúng.

Bài thi số 3: PHÉP THUẬT MÈO CON

Tìm các cặp từ (cụm từ) tương ứng với nhau trong các từ (cụm từ) đã cho dưới đây:

chim kêu	chim đa đa	đại bàng	kê	khổng tước
chim hót	lông vũ	bay	lông chim	vàng anh
gà gô	chim én	gà	vịt trời	thiên nga
chim công	chim nhạn	hoàng anh	diều hâu	lượn

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Đáp án: Ghi những từ vào ô trống tương ứng sau:

chim kêu	chim đa đa	đại bàng	kê	khổng tước
chim én	vàng anh	thiên nga	lông vũ	lượn

VÒNG 28

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau:

"..... là thu được nhiều hơn mức bình thường."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.84)

Câu hỏi 2: Giải câu đố bằng thơ sau:

"Đông về trơ những sừng nai
Xuân sang chồi biếc nụ sai trĩu cành
Mùa hè hương tỏa mát lành
Nép góc chùa đình ai cũng tưởng to."

(Sưu tầm)

- Đó là cây .....

Câu hỏi 3: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống trong đoạn thơ sau:

"Ta đi giữa ban ngày
Trên đường cái, ... ta bước.
Đường ta rộng thênh thang tám thước
Đường Bắc Sơn, Đình Cả, Thái Nguyên."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.89)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 4: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong câu ca dao sau:

"Tò vò mà nuôi con nhện
Đến khi nó lớn, nó ..... nhau đi
Tò vò ngồi khóc tỉ ti:
Nhện ơi, nhện hỡi, nhện đi đằng nào."

(Ca dao)

Câu hỏi 5: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau:

"..... là nơi cất giữ nhiều của cải quý giá."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.84)

Câu hỏi 6: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau:

"Cây ..... là cây xê-côi-a ở Mĩ, cao tới 150 mét."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.86)

Câu hỏi 7: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong câu ca dao sau:

"Công ..... chẳng quản bao lâu,
Ngày nay nước bạc, ngày sau cơm vàng."

(Ca dao)

Câu hỏi 8: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau:

"Nhờ làm ..... chuyên cần, họ đã gây dựng được một cơ ngơi đàng hoàng."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.83)

Câu hỏi 9: Điền từ còn thiếu vào chỗ trống để hoàn thành các câu thơ sau:

"Tre già yêu ..... măng non
Chắt chiu như mẹ yêu con tháng ngày."

(Tố Hữu)

Câu hỏi 10: Điền từ thích hợp vào các chỗ trống để hoàn thành các câu thơ sau:

"Sương treo đầu ngọn gió
Sương lại càng ....."

(Trần Hữu Thung)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Bài thi số 2: TRÂU VÀNG UYÊN BÁC

Xếp các từ sau vào các nhóm bên dưới cho phù hợp:

bông lau	khế	cây mía	mẹ	quyển sách
con tàu	cây lúa	dũng cảm	máy bay	con mèo
nông dân	lá cờ	sơn ca	quân đội	bộ đội

Từ chỉ người				
Từ chỉ đồ vật				
Từ chỉ cây cối				

Bài thi số 3: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: Loại cây nào dưới đây thuộc nhóm cây lương thực, thực phẩm?

A. khoai lang. B. bằng lăng. C. hoa hồng. D. xương rồng.

Câu hỏi 2: Từ nào sau đây viết đúng chính tả?

A. hươ vòi. B. thuở nhỏ. C. bâng quơ. D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 3: Gió thổi từ phía tây nam lại được gọi là gì?

A. gió tây. B. gió Đông Bắc. C. gió Tây Nam. D. gió lào.

Câu hỏi 4: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống trong câu:

"Những cây thông mọc thành cụm thường nối rễ với nhau, đói no cùng ....."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.86)

A. chia rẽ. B. chia sẻ. C. đoàn kết. D. vun đắp.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 5: Trong bài *Bạn có biết?* (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.86), cây thông có đặc điểm gì?

A. to nhất. B. cao nhất. C. đoàn kết nhất. D. thấp nhất.

Câu hỏi 6: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống trong câu thơ sau:

"Đứng canh trời đất .....
Mà dừa đủng đỉnh như là đứng chơi."

(*Cây dừa* - Trần Đăng Khoa)

A. bao la B. đủng đỉnh C. bao lâu D. cao xa.

Câu hỏi 7: Câu: "Bố tôi trồng cây hoa giấy cho mát chòm sân." có câu hỏi là:

A. Chòm sân mát để làm gì?

B. Cây hoa giấy để làm gì?

C. Bố tôi trồng cây hoa giấy để làm gì?

D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu hỏi 8: Ruột măng cụt trong bài *Quả măng cụt* (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.90) hiện ra trắng muốt như loài hoa nào?

A. hoa nhài. B. hoa quỳnh. C. hoa huệ. D. hoa bưởi.

Câu hỏi 9: Từ nào sau đây có nghĩa là "rắc hạt xuống đất để mọc thành cây"?

A. trồng hạt. B. deo hạt. C. reo hạt. D. gieo hạt.

Câu hỏi 10: Trong bài *Cây dừa* (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.88), hoa dừa được so sánh với

A. sao B. gió C. trăng D. lược.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

VÒNG 29

Bài thi số 1: THÁM TỬ ONG VÀNG

Tìm các cặp từ (cụm từ) tương ứng với nhau trong các từ (cụm từ) đã cho dưới đây:

Mặt Trời	con lợn	chúa sơn lâm	huynh đệ	chiếu sáng
mẹ	ông trăng	hổ	con heo	ngày 15 (âm lịch)
bông hồng	vầng thái dương	hoa hồng	Mặt Trăng	má
ngày rằm	bố	anh em	soi sáng	cha

Đáp án: Ghi những từ (cụm từ) vào ô trống tương ứng sau:

Mặt Trời	con lợn	chúa sơn lâm	huynh đệ	chiếu sáng
bông hồng	Mặt Trăng	ngày 15 (âm lịch)	má	bố

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Bài thi số 2: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: Giải câu đố bằng thơ sau:

"Quả gì chẳng gọi quả đâu
Non già đều phất phơ râu một chùm
Giấu trong lớp áo vàng hươm
Hạt đều tăm tắp xếp hàng trước sau."

(Sưu tầm)

- Đó là .....

Câu hỏi 2: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành lời giải thích sau:

"Đồ vật được làm bằng đất nung, miệng tròn, thân phình ra, đáy thóp lại thường dùng để đựng rượu đó là cái ....."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.92)

Câu hỏi 3: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong khổ thơ sau đây:

"Hôm qua còn lấm tấm
Chen lẫn màu lá xanh
..... nay bừng lửa thắm
Rừng rực cháy trên cành."

(Lê Huy Hoà)

Câu hỏi 4: Điền tiếng có âm đầu "s" hoặc "x" thích hợp vào chỗ trống sau đây:

"Đó là cả một toà cổ kính hơn là một thân cây. Chín, mười đứa bé chúng tôi bắt tay nhau ôm không ....."

(Cây đa quê hương)

Câu hỏi 5: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau đây:

"Cao vượt lên hẳn những vật xung quanh gọi là cao ....."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.94)

Câu hỏi 6: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau đây: "Cây sung già trước cửa sổ trút lá theo trận lốc, trơ lại những cành ....., khẳng khiu."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.97)

Câu hỏi 7: Điền từ có âm đầu "s" thích hợp vào chỗ trống sau đây:

"Một ngôi sao chẳng sáng đêm
Một thân lúa chín, chẳng nên mùa vàng
Một người - đâu phải nhân gian
..... chăng, một đốm lửa tàn mà thôi!."

(Tố Hữu)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 8: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau đây: "Trạng thái cơ thể bất chợt rung mạnh toàn thân vì sợ hay lạnh gọi là ....."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.97)

Câu hỏi 9: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau:

"Nhờ siêng năng, biết tính toán, chú đã có một ngôi nhà ....., vườn cây đầy trái chín thơm lừng."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.98)

Câu hỏi 10: Điền từ thích hợp vào các chỗ trống để hoàn thành các câu thơ sau:

"Dừa vẫn đứng hiên ngang cao vút
Lá vẫn xanh rất mực dịu dàng
Rễ dừa bám ..... vào lòng đất
Như dân làng bám chặt quê hương."

(Lê Anh Xuân)

Bài thi số 3: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: Tiếng "xay" ghép với tiếng nào sau đây để được từ đúng chính tả?

A. sưa B. xát C. rượu D. xe.

Câu hỏi 2: Từ nào sau đây viết đúng chính tả?

A. xuất sắc B. xản xuất C. năng xuất D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 3: Từ nào dưới đây viết không đúng chính tả?

A. số chín B. kính yêu C. niềm tin D. tìn nghĩa.

Câu hỏi 4: Trong bài *Những quả đào* (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.92), người ông đã dành những quả đào cho ai?

A. Ông dành quả đào cho cho bà.

B. Ông dành những quả đào nhỏ hơn cho các cháu.

C. Cả A và B đều đúng.

D. Đáp án khác.

Câu hỏi 5: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống:

"Đó là cả một tòa nhà cổ kính hơn là một thân cây. Chín, mười đứa bé chúng tôi bắt tay nhau ôm không ....."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.93)

A. nổi B. xuể C. được D. vừa.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 6: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống trong câu thành ngữ sau đây:

"To như ..... đình."

A. mái B. cột C. sân D. cung.

Câu hỏi 7: Người ta trồng hoa để làm gì?

A. lấy hương. B. làm cảnh. C. trang trí. D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 8: Chọn từ thích hợp để điền vào chỗ trống: "Mướp đinh vồ sáo nhưng sáo nhanh hơn, đã vụt bay lên và đậu trên một cành ..... rất cao."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.93)

A. đào B. bưởi C. ổi D. xoan.

Câu hỏi 9: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống trong khổ thơ sau:

"Hay đêm qua không ngủ
Chị gió quạt cho cây?
Hay mặt trời ..... lửa
Cho hoa bừng hôm nay?"

(SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.97)

A. thổi B. nhen C. ủ D. thắp.

Câu hỏi 10: Trong bài *Cây đa quê hương* (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.93), khi ngồi hóng mát ở gốc đa, tác giả thấy những gì đẹp của quê hương?

A. Cảnh cánh đồng lúa bao la.

B. Cảnh những đàn trâu thung thăng gặm cỏ.

C. Cảnh bến đò quê hương thật nhộn nhịp và tấp nập.

D. Cả A, B và C đều đúng.

VÒNG 30

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: Giải câu đố bằng thơ sau:

"Ai, người đọc bản tuyên ngôn
Giọng vang ấm áp, vườn hoa Ba Đình.
Vui sao tiếng hát ân tình
Cha già cả dân tộc mình bạn ơi."

- Đó là .....

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 2: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành lời giải thích sau: "Trạng thái vui mừng biểu hiện rõ ra bên ngoài gọi là ....."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.101)

Câu hỏi 3: Điền từ thích hợp vào chỗ trống:

"Một buổi sáng, Bác Hồ đến thăm ..... nhi đồng. Vừa thấy Bác, các em nhỏ đã chạy ùa tới, quây quanh Bác."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.100)

Câu hỏi 4: Điền từ có âm đầu "r" thích hợp vào chỗ trống trong hai câu thơ sau:

"Ta đi trên quảng trường
Bâng khuâng như vẫn thấy
Nắng ..... trên lễ đài
Có bàn tay Bác vẫy."

(Nguyễn Phan Hách)

Câu hỏi 5: Điền từ có tiếng có vần "ch" thích hợp vào chỗ trống sau:

"Nhà em treo ảnh Bác Hồ
Bên trên là một lá cờ đỏ tươi
Ngày ngày Bác vẫn mỉm cười
Bác nhìn chúng cháu ..... trong nhà."

(Trần Đăng Khoa)

Câu hỏi 6: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành các câu ca dao sau đây:

"Tháp Mười đẹp nhất bông sen
Việt Nam đẹp nhất có tên ....."

Câu hỏi 7: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau: "Rất nhiều người cùng ở trong một nơi, tưởng như không thể chứa thêm được nữa gọi là ....."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.103)

Câu hỏi 8: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau:

Trong bài *Cháu nhớ Bác Hồ* (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.105), hình ảnh đôi mắt của Bác được so sánh sáng tựa ....."

Câu hỏi 9: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong các câu thơ sau:

"Đêm đêm cháu những bâng khuâng
Giở xem ảnh Bác cất thầm bấy lâu.
Nhìn mắt sáng, nhìn ..... râu,
Nhìn vầng trán rộng, nhìn đầu bạc phơ."

(Thanh Hải)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 10: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành các câu thơ sau:

"Nơi đây sống một người tóc bạc
Người không con mà có ..... con
Nhân dân ta gọi Người là Bác
Cả đời Người là của nước non."

(Tố Hữu)

Bài thi số 2: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: Chữ cái nào dưới đây ghép với vần *êt* được tiếng có nghĩa?

A. *t.* B. *th.* C. *tr.* D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 2: Từ nào sau đây viết đúng chính tả?

A. lời chúc. B. cây chúc. C. trúc mừng. D. trúc tết.

Câu hỏi 3: Từ nào dưới đây có nghĩa là vui và nóng lòng chờ đợi?

A. sung sướng. B. háo hức. C. hồi hộp. D. phấn khởi.

Câu hỏi 4: Từ nào dưới đây nói lên tình cảm của Bác Hồ với thiếu nhi?

A. kính yêu. B. thương yêu. C. thân yêu. D. tình yêu.

Câu hỏi 5: Nội dung bài tập đọc *Ai ngoan sẽ được thưởng* (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.100) là gì?

A. Ca ngợi bạn Tộ đã biết nhận lỗi với Bác.
B. Nói lên tình cảm của Bác Hồ với thiếu nhi.
C. Nói lên tình cảm của thiếu nhi với Bác Hồ.
D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu hỏi 6: Câu thơ nào dưới đây nói về Bác Hồ?

A. Mắt hiền sáng tựa vì sao.
B. Người không con mà có triệu con.
C. Mong manh áo vải hồn muôn trượng.
D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu hỏi 7: Từ nào sau đây chỉ nước da của Bác Hồ?

A. trắng trẻo. B. hồng hào. C. xanh xao. D. đen đủi.

Câu hỏi 8: Trong câu chuyện *Ai ngoan sẽ được thưởng* (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.101), vì sao Bác lại khen bạn Tộ ngoan?

A. Vì bạn Tộ đã nhận ra được lỗi của mình.
B. Vì bạn Tộ đã không nghe lời cô.
C. Vì bạn Tộ đã không nhận kẹo của Bác.
D. Đáp án khác.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 9: Trong câu chuyện *Xem truyền hình* (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.103), tâm trạng của mọi người khi đến nhà chú La như thế nào?

A. Mọi người đều háo hức xem máy phát hình như thế nào.

B. Mọi người rất vui vì lần đầu được xem truyền hình.

C. Mọi người rất phấn khởi khi xem những hình ảnh về xã mình.

D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 10: Qua bài thơ *Cháu nhớ Bác Hồ* (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.105), tình cảm của các bạn nhỏ đối với Bác Hồ thể hiện như thế nào?

A. Nhớ đến hình ảnh của Bác qua tấm ảnh.

B. Bâng khuâng khi xem ảnh của Bác.

C. Ngẩn ngơ, ôm hôn ảnh Bác, ngỡ Bác hôn mình.

D. Cả A, B và C đều đúng.

Bài thi số 3: TRÂU VÀNG UYÊN BÁC

Xếp các từ sau vào các nhóm bên dưới cho phù hợp:

con ngỗng	lạc	giun	tê giác	mật gấu
khoai lang	thược dược	con gà	mèo rừng	lúa
con thỏ	hổ báo	cừu	sâu đo	sư tử

Từ chỉ vật nuôi				
Từ chỉ cây trồng				
Động vật hoang dã				

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

VÒNG 31

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong các câu thơ sau:

"Bác là non nước trời mây
Việt Nam có Bác mỗi ngày đẹp hơn
Còn cao hơn đỉnh Trường Sơn
Nghìn năm chung đúc ..... ông cha."

(Lê Anh Xuân)

Câu hỏi 2: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong câu sau:

"Trạng thái đang mải nghĩ, chưa biết nên làm thế nào gọi là ....."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.108)

Câu hỏi 3: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau:

"..... là thói quen hoặc quy định đã có từ lâu đời."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.108)

Câu hỏi 4: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành câu sau:

"Buổi sáng hôm ấy, như thường lệ, sau khi tập thể dục, Bác Hồ đi ..... trong vườn."

(Chiếc rễ đa tròn)

Câu hỏi 5: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong các câu thơ sau:

"..... chiếu cói, đơn chăn gối
Tủ nhỏ vừa treo mấy áo sờn."

(Tố Hữu)

Câu hỏi 6: Giải câu đố bằng thơ sau đây:

"Mùa đông cây vẫn hiên ngang
Xuân sang hoa lại nở vàng trên cây."

(Sưu tầm)

- Đó là cây .....

Câu hỏi 7: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong các câu thơ sau:

"Em nghe như Bác dạy lời
Cháu ơi đừng có chơi bời đâu xa
Trồng ....., quét bếp, đuổi gà
Thấy tàu bay Mỹ nhớ ra hầm ngồi."

(Trần Đăng Khoa)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 8: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau:

"Ngay thềm lăng, mười tám cây vạn tuế tượng trưng cho một hàng quân ..... đứng trang nghiêm."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.111)

Câu hỏi 9: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau:

"Vùng căn cứ của ta trong kháng chiến chống Pháp gọi là ....."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.113)

Câu hỏi 10: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong các câu thơ sau:

"Có rào râm bụt đỏ hoa quê
Như cổng nhà xưa Bác trở về
Có bốn mùa ..... tươi tốt lá
Như những ngày cháo bẹ măng tre."

(Tố Hữu)

Bài thi số 2: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: Từ nào dưới đây viết sai chính tả?

A. thú dữ. B. gìn giữ. C. rữ rội. D. dữ dội.

Câu hỏi 2: Từ nào sau đây viết đúng chính tả?

A. vỏ sĩ. B. vỏ chuối. C. võ dừa. D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 3: Trong bài *Cây và hoa bên lăng Bác* (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.111), lăng Bác được miêu tả với đặc điểm thế nào?

A. uy nghi. B. gần gũi. C. thiêng liêng. D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 4: Tiếng nào dưới đây điền thêm dấu hỏi được tiếng có nghĩa?

A. gia. B. ra. C. da. D. Cả B và C.

Câu hỏi 5: Từ nào dưới đây ca ngợi Bác Hồ?

A. sáng suốt. B. tài ba. C. lỗi lạc. D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 6: Câu nào dưới đây sử dụng đúng dấu phẩy?

A. Một hôm, Bác Hồ đến thăm, một ngôi chùa.

B. Một hôm, Bác Hồ đến thăm một ngôi chùa.

C. Một hôm Bác Hồ đến thăm, một ngôi chùa.

D. Cả A, B và C.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 7: Trong bài *Bảo vệ như thế là rất tốt* (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.113), Bác Hồ đã khen anh Nha như thế nào?

A. Anh Nha là một người có nguyên tắc.

B. Anh Nha là một người có tinh thần trách nhiệm.

C. Anh Nha là một người làm nhiệm vụ bảo vệ rất tốt.

D. Đáp án khác.

Câu hỏi 8: Tiếng nào dưới đây có thể điền thêm dấu ngã để được tiếng có nghĩa?

A. chan. B. chăn. C. chân. D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 9: Qua bài đọc *Chiếc rễ đa tròn* (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.107), em hiểu thêm được điều gì về Bác Hồ?

A. Bác rất thương yêu và quan tâm đến thiếu nhi.

B. Bác Hồ luôn quan tâm đến mọi vật xung quanh.

C. Bác là người biết chăm sóc và bảo vệ cây xanh.

D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 10: Nội dung bài *Cây và hoa bên lăng Bác* (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.107) là gì?

A. Nói lên lòng biết ơn sâu sắc của cả dân tộc đối với Bác.

B. Nói lên tình cảm của mọi người đối với Bác.

B. Nêu lên tình yêu thiên nhiên đất nước của Bác.

D. Cả A, B và C.

Bài thi số 3: CHUỘT VÀNG TÀI BA

Tìm các cặp từ (cụm từ) tương ứng với nhau trong các từ (cụm từ) đã cho dưới đây:

thuỷ thủ	thảnh thơi	khiếp đảm	du lịch	xấu hổ
thú dữ	ăn cà rốt	khoái chí	thanh mảnh	không sợ hãi
con hổ	thon thả	bình tĩnh	thích thú	người làm việc trên tàu
đi chơi xa	tên tò	quá sợ hãi	con thỏ	an nhàn

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Đáp án: Ghi những từ vào ô trống tương ứng sau:

thuỷ thủ	thảnh thơi	khiếp đảm	du lịch	xấu hổ
con hổ	thon thả	bình tĩnh	thích thú	ăn cà rốt

VÒNG 32

Bài thi số 1: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: Cặp từ nào điền vào chỗ trống trong câu:

"Đời ta gương ..... lại ....."

A. trong - mờ B. trong - đục C. vỡ - lành D. Đáp án khác.

Câu hỏi 2: Từ nào sau đây viết đúng chính tả?

A. lỗi lạc. B. nỗi buồn. C. lỗi lầm. D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 3: Trong bài *Chuyện quả bầu* (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.116), chuyện lạ gì xảy ra với hai vợ chồng sau nạn lụt?

A. Cỏ cây vàng úa hết vì bị ngập trong nước lũ.

B. Mặt đất vắng tanh không còn một bóng người.

C. Ít lâu sau, người vợ sinh ra một quả bầu.

D. Đáp án khác.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 4: Nội dung bài thơ *Tiếng chổi tre* (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.121) là gì?

A. Nói lên sự vất vả của người quét rác.

B. Ca ngợi những người lao công làm sạch phố phường.

C. Khuyên ta có ý thức giữ gìn môi trường sạch sẽ.

D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 5: Trong câu tục ngữ: "Rách lành đùm bọc, dở hay đỡ đần." có các cặp từ trái nghĩa nào dưới đây?

A. rách - lành. B. dở - hay. C. Cả A và B. D. Đáp án khác.

Câu hỏi 6: Thành ngữ nào dưới đây có cặp từ trái nghĩa?

A. Lên thác xuống ghềnh. B. Xấu người đẹp nết.

C. Dãi nắng dầm mưa. D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 7: Từ nào dưới đây trái nghĩa với từ "mở"?

A. đóng. B. nhắm. C. gấp. D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 8: Từ nào dưới đây gợi tả chuỗi tiếng động nhẹ phá vỡ cảnh yên tĩnh?

A. xì xào. B. lẳng lặng. C. xao xác. D. dào dạt.

Câu hỏi 9: Thành ngữ nào dưới đây không có cặp từ trái nghĩa?

A. Trồng cây gây rừng. B. Cầu được ước thấy.

C. Chị ngã em nâng. D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 10: Qua bài thơ *Tiếng chổi tre* (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.121), điều gì nói lên sự vất vả của chị lao công?

A. phải đi làm vào ban đêm. B. phải tiếp xúc với rác bẩn.

C. được trả lương quá thấp. D. Cả A, B và C.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Bài thi số 2: CHUỘT VÀNG TÀI BA

Tìm các cặp từ (cụm từ) tương ứng với nhau trong các từ (cụm từ) đã cho dưới đây:

đủng đỉnh	khó bị lung lay	răng nanh của voi	dự báo	xấu hổ
ngà	báo trước	kho báu	vững chãi	bờm ngựa
đặc ân	hồng mao	độ nóng lạnh	dải lụa hồng	nơi cất của cải quý giá
chậm rãi	lụa đào	ơn đặc biệt	mắc cỡ	nhiệt độ

Đáp án: Ghi những từ vào ô trống tương ứng sau:

đủng đỉnh	khó bị lung lay	răng nanh của voi	dự báo	xấu hổ
đặc ân	hồng mao	độ nóng lạnh	dải lụa hồng	nơi cất của cải quý giá

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Bài thi số 3: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để được câu thành ngữ đúng:

"Làm ruộng ăn cơm ..... nuôi tằm ăn cơm đứng."

Câu hỏi 2: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau:

"..... là khu đất trồng trên đồi, núi hoặc bãi cao ven sông."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.117)

Câu hỏi 3: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong câu sau:

"Những người đầu tiên sinh ra một dòng họ hay một dân tộc gọi là ....."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.117)

Câu hỏi 4: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong câu sau:

"Với chiếc thuyền ..... lênh đênh trên mặt nước, ngày này qua tháng khác, bác chăm lo đưa khách qua lại trên sông."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.118)

Câu hỏi 5: Điền một từ có âm đầu "d" thích hợp vào các chỗ trống sau:

"Đi đâu mà vội mà vàng
Mà vấp phải đá mà quàng phải .....
Thong thả như chúng em đây
Chẳng đá nào vấp, chẳng ..... nào quàng."

(Ca dao)

Câu hỏi 6: Giải câu đố bằng thơ sau đây:

"Cây gì nho nhỏ
Hạt nó nuôi người
Chín vàng khắp nơi
Mọi người đi gặt?"

- Đó là cây .....

Câu hỏi 7: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong các câu thơ sau:

"Tôi đứng trông
Trên đường ....."

(*Tiếng chổi tre* - Tố Hữu)

Câu hỏi 8: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau:

"Lời nhận xét của giáo viên về bài làm của học sinh gọi là lời ....."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.120)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 9: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong câu sau:

"Tháng nào, trong cuốn sổ ....., cô giáo cũng nhắc Trung phải tập viết thêm ở nhà."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.119)

Câu hỏi 10: Điền từ có tiếng có âm đầu "l" thích hợp vào chỗ trống trong các câu sau:

"Điệu ..... bát, khúc dân ca
Việt Nam là Bác, Bác là Việt Nam."

(Lê Anh Xuân)

VÒNG 33

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành lời giải nghĩa sau:

"Bất chấp lẽ phải, tỏ ra không sợ gì ai gọi là ....."

Câu hỏi 2: Điền từ có âm đầu "x" thích hợp vào chỗ trống trong các câu ca dao sau:

"Con cò mà đi ăn đêm
Đậu phải cành mềm lộn cổ xuống ao.
Ông ơi ông vớt tôi nao
Tôi có lòng nào ông hãy ..... măng.

(Ca dao)

Câu hỏi 3: Điền vào chỗ trống từ có âm đầu "s" cho phù hợp:

"Đất nghèo nuôi những anh hùng
Chìm trong máu lửa lại vùng đứng lên
Đạp quân thù xuống đất đen
..... gươm vứt bỏ lại hiền như xưa."

(Nguyễn Đình Thi)

Câu hỏi 4: Điền vào chỗ trống từ có âm đầu "s" cho phù hợp với lời giải nghĩa sau:

"..... là rất nhiều, liền sát nhau như không còn kẽ hở."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.128)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 5: Điền vào chỗ trống từ thích hợp trong các câu thơ sau:

"Vụt qua mặt trận
Đạn bay vèo vèo
Thư đề thượng khẩn
..... chi hiểm nghèo."

(Tố Hữu)

Câu hỏi 6: Giải câu đố bằng thơ sau đây:

"Cả người lớn với trẻ con
Một vật tròn nhỏ mà đòi tranh nhau
Khi thì đạp, lúc húc đầu
Khi đưa vào cửa tặng nhau thì mừng."

- Đó là .....

Câu hỏi 7: Điền vào chỗ trống từ thích hợp trong câu sau:

"Giặc Nguyên cho sứ thần sang giả vờ mượn đường để ..... chiếm nước ta."

(Nguyễn Huy Tưởng)

Câu hỏi 8: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau:

"Trên dòng sông mênh mông, bao nhiêu là ..... với những lá cờ mỗi lúc mỗi gần nhau, đổ về bến chợ."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.128)

Câu hỏi 9: Từ chỉ nghề nghiệp trong hai câu thơ sau là .....

"Kìa anh thợ điện lên cao
Chào anh, gió hát rì rào hàng dương."

(Võ Văn Trực)

Câu hỏi 10: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau:

"Tên một loại mũ mềm, không có vành, nhọn hai đầu, phía trên bóp lại đó là mũ ....."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.131)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Bài thi số 2: TRÂU VÀNG UYÊN BÁC

Xếp các từ sau vào các nhóm bên dưới cho phù hợp:

Công an	dạy học	gan dạ	dũng cảm	Bác sĩ
cần cù	sáng tạo	Nông dân	Nhà trường	cấy lúa
Đồng ruộng	Bệnh viện	khám bệnh	Giáo viên	canh gác

Nghề nghiệp				
Từ chỉ hoạt động				
Từ chỉ phẩm chất				

Bài thi số 3: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: Tiếng "xôi" ghép với tiếng nào dưới đây để được từ có nghĩa?

A. gấc B. xa C. nấu D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 2: Từ nào sau đây viết đúng chính tả?

A. xai xót B. sai sót C. sai xót D. xai sót.

Câu hỏi 3: Từ nào sau đây chỉ nghề nghiệp?

A. bác sĩ B. chiến sĩ C. ca sĩ D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 4: Từ nào điền được vào chỗ trống trong câu tục ngữ sau:

"..... chèo mát mái."

A. mạnh B. xuôi C. tay D. lái.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 5: Nội dung của bài thơ *Lượm* (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.130) là gì?

A. Ca ngợi chú bé Lượm dũng cảm, gan dạ.

B. Ca ngợi tinh thần lạc quan yêu đời của Lượm.

C. Ca ngợi tinh thần trách nhiệm của Lượm.

D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 6: Từ nào dưới đây chỉ một loại túi nhỏ có quai đeo bên mình?

A. cái xắc. B. cặp sách. C. ba lô. D. va li.

Câu hỏi 7: Trong bài *Lá cờ* (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.128), hình ảnh lá cờ đẹp như thế nào?

A. Đó là lá cờ bằng lụa đỏ mềm mại.

B. Đó là lá cờ có ngôi sao năm cánh rực rỡ.

C. Đó là lá cờ treo trên những ngọn cây.

D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 8: Nghề nào được nhắc đến trong câu đố dưới đây?

"Nghề gì bạn với gỗ, cây
Hoa văn rồng phượng đẹp thay lạ thường."

A. thợ mộc. B. thợ xây. C. thợ vẽ. D. thợ điện.

Câu hỏi 9: Trong bài thơ *Bóp nát quả cam* (SGK TV 3, tập 2, tr.125), vì sao Trần Quốc Toản vô tình bóp nát quả cam?

A. Vì ấm ức không được dự bàn việc nước.

B. Vì bị xem thường là trẻ con.

C. Vì nghĩ đến quân giặc đang lăm le xâm lược nước ta.

D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu hỏi 10: Trong bài *Lượm* (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.130), hình ảnh nào cho thấy chú bé Lượm là một chú bé rất dũng cảm?

A. Lượm đi như con chim chích nhảy trên đường vàng.

B. Lượm vụt qua mặt trận trong bom đạn vèo vèo.

C. Lượm băng qua đồng quê vắng vẻ.

D. Đáp án khác.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

VÒNG 34

Bài thi số 1: CHUỘT VÀNG TÀI BA

Tìm các cặp từ (cụm từ) tương ứng với nhau trong các từ (cụm từ) đã cho dưới đây:

lời kể có vần	trông giữ	gây cười	chữ	không thể có
tếu	lúc còn nhỏ	kín đáo	hoà bình	đi chậm
ngẩm	yên vui	thời thơ ấu	li kì	lững thững
lạ, hấp dẫn	vè	hão huyền	văn tự	canh

Đáp án: Ghi những từ vào ô trống tương ứng sau:

lời kể có vần	trông giữ	gây cười	chữ	không thể có
ngẩm	yên vui	thời thơ ấu	li kì	lững thững

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Bài thi số 2: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành lời giải thích sau:

"Tỏ ra không mạnh dạn làm điều mình muốn làm gọi là ....."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.137)

Câu hỏi 2: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong các câu thơ sau:

"Việt Nam đất nước ta ơi!
Mênh mông biển lúa đâu ..... đẹp hơn."

(Nguyễn Đình Thi)

Câu hỏi 3: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau:

"Khi đồ chơi bằng nhựa xuất hiện, hàng của bác không bán được, bác định ..... nghề về quê làm ruộng."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.135)

Câu hỏi 4: Tìm từ thích hợp điền vào chỗ trống để hoàn chỉnh câu tục ngữ sau: "Đứng núi này ..... núi nọ."

Câu hỏi 5: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành câu sau:

"Giống như những đứa ..... quấn quýt bên mẹ, đàn bê cứ quẩn vào chân Hồ Giáo."

(Phượng Vũ)

Câu hỏi 6: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn chỉnh lời giải nghĩa sau:

"Loanh quanh ở một chỗ, không rời đi đâu xa gọi là ....."

Câu hỏi 7: Điền từ có âm đầu "tr" thích hợp vào chỗ trống sau đây:

"Nhiều tầng, nhiều lớp liên tiếp nhau gọi là ....."

Câu hỏi 8: Điền từ có âm đầu "ch" thích hợp vào chỗ trống sau đây:

"Nơi tập trung đông người mua bán, có thể họp theo phiên đó là ....."

Câu hỏi 9: Tìm từ thích hợp điền vào chỗ trống để hoàn chỉnh câu tục ngữ sau:

"Ngựa ..... có bầy, chim bay có bạn."

Câu hỏi 10: Điền từ có thanh hỏi thích hợp vào chỗ trống trong các câu thơ sau:

"Mời cô, mời bác ăn cùng
Sầu riêng mà hoá vui ..... trăm nhà."

(Phạm Hổ)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Bài thi số 3: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: Trong các từ sau, từ nào không dùng để tả thân cây?

A. nhẵn bóng B. xù xì B. xum xuê D. bạc phếch.

Câu hỏi 2: Những cặp từ nào dưới đây trái nghĩa với nhau?

A. xinh đẹp - đanh đá. B. vui vẻ - buồn rầu.

C. tốt bụng - hào phóng. D. nhân hậu - vững vàng.

Câu hỏi 3: Từ nào là từ chỉ hoạt động trong câu: "Trong vòm lá, gió chiều gẩy lên những điệu nhạc li kì như ai đang cười đang nói."?

A. li kì. B. vòm lá, gió chiều.

C. gẩy, cười, nói. D. gẩy, điệu nhạc.

Câu hỏi 4: Trong các từ sau, từ nào viết sai chính tả?

A. xơ xác. B. xủi bọt. C. xi măng. D. sủi bọt.

Câu hỏi 5: Cụm từ "để ăn quả" trong câu: "Người ta trồng cây cam để ăn quả." trả lời cho câu hỏi nào?

A. Như thế nào? B. Vì sao?

C. Khi nào? D. Để làm gì?

Câu hỏi 6: Chọn các chữ phù hợp để điền vào chỗ trống trong câu:

"Đột nhiên, trận mưa dông sầm .....ập đổ .....uống, gõ lên mái tôn loảng xoảng."

A. x – x B. s – s C. x – s D. s – x.

Câu hỏi 7: Chọn từ phù hợp vào chỗ trống trong các câu thơ sau:

"Chú bán ..... qua cầu mà té.
Chú bán ếch ở lại làm chi?"

A. đèn B. rầu C. giầu D. dầu.

Câu hỏi 8: Chọn từ phù hợp vào chỗ trống trong các câu thơ sau:

"Thương thay thân phận con .....
Xuống sông đội đá, lên chùa đội bia".

A. cò B. vạc C. rùa D. hạc.

Câu hỏi 9: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống : "Tình làng ..... xóm."

A. thôn B. ơn C. tình D. nghĩa.

Câu hỏi 10: Răng nanh của voi mọc dài chìa ra ngoài miệng được gọi là gì?

A. Cựa. B. Ngà. C. Hồng mao. D. Vây.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

VÒNG 35

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong các câu thơ sau:

"Về thăm nhà Bác hôm nay
Trắng ngần hoa huệ, hương bay ..... hiền."

(Hằng Phương)

Câu hỏi 2: Điền vào chỗ trống từ thích hợp để hoàn thành các câu sau:

"Em vẽ làng xóm
Tre xanh, lúa xanh
..... máng lượn quanh
Một dòng xanh mát."

(Định Hải)

Câu hỏi 3: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau:

"Bác ..... những ngọn núi cao nhất trong vùng để leo lên với đôi bàn chân không."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.144)

Câu hỏi 4: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong các câu thơ sau:

"Trời xanh xanh, đất xanh xanh
Bóng anh đứng giữa mênh mông đất trời
Mắc muôn dòng điện sáng ngời
Về nơi ..... vắng, về nơi thị thành."

(Võ Văn Trực)

Câu hỏi 5: Giải câu đố bằng thơ sau:

"Cứ như cá mập, cá kình
Trồi lên ngụp xuống băng mình vượt nhau
Anh lộn cổ chị đâm đầu
Trai thanh gái lịch năm châu đua tài."

(Sưu tầm)

- Đó là thi đấu .....

Câu hỏi 6: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong câu sau:

"Hoa mai cũng có năm cánh như hoa đào, nhưng cánh hoa mai to hơn cánh hoa đào một ....."

(SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.145)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 7: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau:

Từ chỉ đặc điểm trong khổ thơ sau là .....

"Em quay đầu đỏ
Vẽ nhà em ở
Ngói mới đỏ tươi
Trường học trên đồi."

(Định Hải)

Câu hỏi 8: Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau: Câu "Những hôm mưa phùn gió bấc, trời rét cóng tay." có bộ phận in đậm trả lời cho câu hỏi ....."

Câu hỏi 9: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để được các câu thơ đúng:

"Cứ mỗi độ thu sang
Hoa cúc lại nở vàng
Ngoài vườn hương thơm ngát,
Ong, bướm bay ....."

(Mùa thu sang)

Câu hỏi 10: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong các câu thơ sau đây:

"Việt Nam đất nắng chan hoà
Hoa thơm quả ngọt bốn mùa trời ....."

(Nguyễn Đình Thi)

Bài thi số 2: CHUỘT VÀNG TÀI BA

Tìm các cặp từ (cụm từ) tương ứng với nhau trong các từ (cụm từ) đã cho dưới đây:

đắn đo	bất ngờ	vừa ý	rụt rè	lững thững
xe lửa	không dữ dội	hài lòng	chậm chạp	nhát
hiền hoà	kì quặc	tàu hoả	tưởng chừng	gọn gàng
quái lạ	ngỡ là	ngăn nắp	cân nhắc	thình lình

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Đáp án: Ghi những từ vào ô trống tương ứng sau:

đắn đo	bất ngờ	vừa ý	rụt rè	lững thững
hiền hoà	kì quặc	tàu hoả	tưởng chừng	gọn gàng

Bài thi số 3: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: Bài tập đọc nào ca ngợi một em bé đã biết nhận lỗi và được Bác khen?

A. Cháu nhớ Bác Hồ. B. Ai ngoan sẽ được thưởng.

C. Chiếc rễ đa tròn. D. Bảo vệ như thế là rất tốt.

Câu hỏi 2: Những từ: "bừng, cành, gió, ngủ" xuất hiện trong bài thơ nào?

A. Bé nhìn biển. B. Cây dừa. C. Con Vện. D. Hoa phượng.

Câu hỏi 3: Nhà thơ Thanh Hải là tác giả của bài thơ nào dưới đây?

A. *Cháu nhớ Bác Hồ.* B. *Lượm.*

C. *Cây dừa.* D. *Việt Nam có Bác.*

Câu hỏi 4: Hai câu: "Trâu vàng uyên bác" và "Mèo con nhanh nhẹn" thuộc kiểu câu nào?

A. Ai làm gì? B. Ai là gì? C. Ai thế nào? D. Câu khiến.

Câu hỏi 5: Cụm từ "to và ngắn" trong câu: "Cuống nó to và ngắn, quanh cuống có bốn, năm cái tai tròn úp vào quả." trả lời cho câu hỏi nào dưới đây?

A. Như thế nào? B. Vì sao?

C. Để làm gì? D. Ở đâu?

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 6: Từ nào còn thiếu trong câu tục ngữ sau?

"..... bay thấp thì mưa."

A. chuồn chuồn B. cào cào

C. chim sáo D. chú quạ.

Câu hỏi 7: Bài thơ *Hoa phượng* là của tác giả nào sau đây?

A. Thanh Hải. B. Lê Huy Hòa.

C. Lê Anh Xuân. D. Tố Hữu.

Câu hỏi 8: Trong câu "Chim đậu trắng xóa trên những cành cây.", từ ngữ nào trả lời cho câu hỏi "Ở đâu?"?

A. trên những cành cây. B. chim.

C. trắng xóa. D. đậu.

Câu hỏi 9: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống trong câu ca dao sau:

"Anh em nào phải người xa

Cùng chung bác ..... một nhà cùng thân."

A. bá B. bố C. chú D. mẹ.

Câu hỏi 10: Trong câu đố sau, ai được nhắc đến?

"Ai ơi có muốn qua sông

Bắc loa tay réo gọi ông sang liền."

A. ông đồ. B. ông lái đò. C. ông tài xế. D. ông bụt.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

ĐÁP ÁN CÁC CÂU HỎI – BÀI TẬP

VÒNG 1

Bài thi số 1: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: B. nàng xóm. (làng xóm)

Câu hỏi 2: D. hạt lúa. (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.10)

Câu hỏi 3: A. quyển nịch. (quyển lịch).

Câu hỏi 4: D. cành hoa. (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.10)

Câu hỏi 5: D. hòn thang. (hòn than).

Câu hỏi 6: A. bà cụ. (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.4)

Câu hỏi 7: D. Tôi là gió.

Câu hỏi 8: D. kĩ kàng. (kĩ càng).

Câu hỏi 9: B. 4. (a ; ă ; â ; b ; c ; ...)

Câu hỏi 10: B. chăm chỉ. (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.10)

Bài thi số 2: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: Lá xanh.

Câu hỏi 2: quê quán. (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.8)

Câu hỏi 3: mèo.

Câu hỏi 4: kiến.

Câu hỏi 5: Là.

Câu hỏi 6: đồ.

Câu hỏi 7: nụ. (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.10)

Câu hỏi 8: tiên.

Câu hỏi 9: nên. (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.4)

Câu hỏi 10: lúc. (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.4)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Bài thi số 3: PHÉP THUẬT MÈO CON

Điền từ còn thiếu vào ô trống cho phù hợp:

Câu hỏi 1:

Học	**một**	biết	mười

Câu hỏi 2:

Học	ăn	học	**nói**	học	gói	học	mở

Câu hỏi 3:

Học	**thầy**	không	tày	học	bạn

Câu hỏi 4:

Học	không	hay	**cày**	không	biết

Câu hỏi 5:

Ăn	**vóc**	học	hay

Câu hỏi 6:

Muốn	biết	thì	hỏi	muốn	**giỏi**	thì	học

Câu hỏi 7:

Tiên	học	lễ	hậu	học	**văn**

Câu hỏi 8:

Học	**tài**	thi	phận

Câu hỏi 9:

Đi	một	ngày	đàng	**học**	một	sàng	khôn

Câu hỏi 10:

Có	cày	có	thóc	có	học	có	**chữ**

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

VÒNG 2

Bài thi số 1: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: B. cái cày.

Câu hỏi 2: D. chì màu.

Câu hỏi 3: C. tập thể hình.

Câu hỏi 4: A. búa.

Câu hỏi 5: C. sửa máy.

Câu hỏi 6: D. Cả A, B và C đều đúng. (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.13)

Câu hỏi 7: C. bàn chân.

Câu hỏi 8: B. bí mật.

Câu hỏi 9: C. nước xâu. (nước sâu)

Câu hỏi 10: D. Cả A, B và C đều đúng. (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.16)

Bài thi số 2: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: tung.

Câu hỏi 2: súng.

Câu hỏi 3: sạch.

Câu hỏi 4: xanh.

Câu hỏi 5: viết.

Câu hỏi 6: ngày.

Câu hỏi 7: nghiêng.

Câu hỏi 8: luồn.

Câu hỏi 9: nghỉ.

Câu hỏi 10: sâu.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Bài thi số 3: TRÂU VÀNG UYÊN BÁC

Xếp các từ như sau:

Từ chỉ học tập	đọc bài	viết bài	phát biểu	nghe giảng
Từ chỉ lao động	trồng cây	trực nhật	quét lớp	chăm sóc cây
Từ chỉ vui chơi	bắn bi	nhảy dây	đá cầu	kéo co

VÒNG 3

Bài thi số 1: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: A. 2 từ. (Quả dừa, đàn lợn con)

Câu hỏi 2: C. cái kính.

Câu hỏi 3: C. quả bóng.

Câu hỏi 4: B. lúa lếp. (lúa nếp)

Câu hỏi 5: D. viết.

Câu hỏi 6: C. Hương.

Câu hỏi 7: D. phấn bảng, bút mực, cặp sách, xe đạp.

Câu hỏi 8: B. Sống trong rừng xanh sâu thẳm. (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.28)

Câu hỏi 9: B. mưa. (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.28)

Câu hỏi 10: B. thông minh. (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.26)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Bài thi số 2: TRÂU VÀNG UYÊN BÁC

Xếp các từ như sau:

Từ chỉ đồ dùng học tập	bút chì	thước kẻ	lọ mực	bút màu
Từ chỉ hoạt động của học sinh	thảo luận	học bài	nghe giảng	vui chơi
Từ chỉ tính nết của học sinh	ngây thơ	hồn nhiên	lễ phép	chăm chỉ

Bài thi số 3: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: trắng.

Câu hỏi 2: bút.

Câu hỏi 3: hai.

Câu hỏi 4: chơi. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.24)

Câu hỏi 5: ghềnh.

Câu hỏi 6: là.

Câu hỏi 7: chúm chím. (Thy Ngọc)

Câu hỏi 8: gọn.

Câu hỏi 9: la cà. (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.29)

Câu hỏi 10: sa. (Ca dao)

VÒNG 4

Bài thi số 1: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: B. con dao.

Câu hỏi 2: A. Cô giáo.

Câu hỏi 3: D. Ổi.

Câu hỏi 4: D. cô tyên. (cô tiên)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 5: A. rùa.

Câu hỏi 6: D. tập thể dục.

Câu hỏi 7: A. bút chì, thước kẻ.

Câu hỏi 8: A. dạo chơi khắp nơi.

Câu hỏi 9: D. câu.

Câu hỏi 10: D. Cả A, B và C. (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.31)

Bài thi số 2: TRÂU VÀNG UYÊN BÁC

Xếp các từ như sau:

Từ chỉ sự vật	sách	bảng	bút	thước
Từ chỉ ngày	thứ hai	mùng hai	rằm	chủ nhật
Từ chỉ tháng	tháng giêng	tháng năm	tháng hai	tháng chạp

Bài thi số 3: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: ru. (Ru con Nam Bộ)

Câu hỏi 2: trâu. (Đồng dao)

Câu hỏi 3: dưới. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.34)

Câu hỏi 4: phê bình. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.32)

Câu hỏi 5: vở.

Câu hỏi 6: chuối. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.37)

Câu hỏi 7: nỡ. (Ca dao)

Câu hỏi 8: gió. (Trần Đăng Khoa)

Câu hỏi 9: dắt.

Câu hỏi 10: bốn. (*Trên chiếc bè* – SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.35)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

VÒNG 5

Bài thi số 1: PHÉP THUẬT MÈO CON

Câu hỏi 1:

Tiên | học | **lễ** | hậu | học | văn

Câu hỏi 2:

Quê | hương | là | **chùm** | khế | ngọt

Câu hỏi 3:

Công | **cha** | như | núi | Thái | Sơn

Câu hỏi 4:

Sống | **trong** | hơn | chết | đục

Câu hỏi 5:

Con | có | cha | như | **nhà** | có | nóc

Câu hỏi 6:

Ngựa | chạy | có | bầy | **chim** | bay | có | bạn

Câu hỏi 7:

Nghĩa | mẹ | như | nước | trong | **nguồn** | chảy | ra

Câu hỏi 8:

Lên | **thác** | xuống | ghềnh

Câu hỏi 9:

Nhà | sạch | thì | mát | bát | sạch | **ngon** | cơm

Câu hỏi 10:

Một | con | ngựa | đau | cả | **tàu** | bỏ | cỏ

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Bài thi số 2: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: B. cái trống.

Câu hỏi 2: C. Nón.

Câu hỏi 3: B. cái xẻng.

Câu hỏi 4: C. quả lúi.

Câu hỏi 5: C. lúa. (Ca dao)

Câu hỏi 6: C. trẻ.

Câu hỏi 7: A. ngôi xao.

Câu hỏi 8: C. là học sinh.

Câu hỏi 9: A. Tôi là búp bê.

Câu hỏi 10: D. Cả A, B và C.

Bài thi số 3: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: nảy. (Tục ngữ)

Câu hỏi 2: nằm. (Thanh Hào)

Câu hỏi 3: bảng đen.

Câu hỏi 4: mục lục. (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.43)

Câu hỏi 5: lao. (Ca dao)

Câu hỏi 6: lặng im. (Thanh Hào)

Câu hỏi 7: nụ. (Lê Anh Xuân)

Câu hỏi 8: tuyển tập. (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.43)

Câu hỏi 9: chen. (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.46)

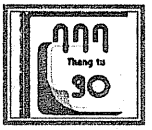
Câu hỏi 10: nắng. (Trần Đăng Khoa)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

VÒNG 6

Bài thi số 1: CHUỘT VÀNG TÀI BA

Đáp án: *Ghi các từ như sau:*

	quả cầu		người mẫu	
Mười chín tháng tám	Từ có chứa thanh hỏi	Mùng một tháng sáu	Từ có chứa thanh ngã	Mười chín tháng năm
	con lợn		■	
Hai bảy tháng bảy	Con vật kêu ủn ỉn	Mùng một tháng một	Dấu nặng	Ba mươi tháng tư

Bài thi số 2: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: A. chải đầu.

Câu hỏi 2: A. sự vật.

Câu hỏi 3: A. Hãy chú ý trực nhật lớp cho sạch sẽ. (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.48)

Câu hỏi 4: A. thẹn.

Câu hỏi 5: C. Các đồ vật trong lớp, tất cả đều mới mẻ. (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.50)

Câu hỏi 6: C. thước kẻ.

Câu hỏi 7: A. giò trả (giò chả).

Câu hỏi 8: A. chim đầu đàng (chim đầu đàn).

Câu hỏi 9: A. Đây đâu phải bút của tôi!.

Câu hỏi 10: A. Cậu bé thử năm bảy cái kính một lúc. (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.53)

Bài thi số 3: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: ngay. (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.48)

Câu hỏi 2: đọc. (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.53)

Câu hỏi 3: nong. (Lê Anh Xuân)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 4: đánh bạo. (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.49)

Câu hỏi 5: Tiếng Việt.

Câu hỏi 6: vân. (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.51)

Câu hỏi 7: học giỏi.

Câu hỏi 8: xanh. (Trần Đăng Khoa)

Câu hỏi 9: lòng. (Tục ngữ)

Câu hỏi 10: tẩy.

VÒNG 7

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: che. (Đỗ Trung Quân)

Câu hỏi 2: tròn. (Trần Quốc Minh)

Câu hỏi 3: trường. (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.57)

Câu hỏi 4: nắng. (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.60)

Câu hỏi 5: trẻ. (Đồng Xuân Lan)

Câu hỏi 6: tươi. (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.60)

Câu hỏi 7: cô giáo.

Câu hỏi 8: trang. (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.60)

Câu hỏi 9: toán.

Câu hỏi 10: ngắm. (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.60)

Bài thi số 2: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: A. Chữ *b*. (biếng)

Câu hỏi 2: B. huy hiệu.

Câu hỏi 3: B. ra chơi.

Câu hỏi 4: C. Cả A và B đều đúng. (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.56)

Câu hỏi 5: B. nổi. (Đỗ Trung Quân)

Câu hỏi 6: D. bãi cát.

Câu hỏi 7: C. thời khóa biểu.

Câu hỏi 8: C. mộc mạc.

Câu hỏi 9: B. run rẩy.

Câu hỏi 10: A. Cô luôn quan tâm và yêu thương học sinh. (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.60)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Bài thi số 3: TRÂU VÀNG UYÊN BÁC

Xếp các từ như sau:

Từ chỉ con vật	con bò	con trâu	thiên nga	con gà
Từ chỉ hoạt động	nhẩm tính	nói chuyện	hát	ăn
Từ chỉ vật chiếu sáng	đèn pin	Mặt Trăng	đèn điện	Mặt Trời

VÒNG 8

Bài thi số 1: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: B. bốn mùa.

Câu hỏi 2: C. ao sâu.

Câu hỏi 3: C. cao.

Câu hỏi 4: A. con rao (con dao).

Câu hỏi 5: D. Cả A, B và C đều đúng. (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.63)

Câu hỏi 6: D. bờ ruộng.

Câu hỏi 7: A. bảng trắng.

Câu hỏi 8: A. tiếng sáo, ngủ.

Câu hỏi 9: D. Đáp án khác. (Cả A, B và C) (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.66)

Câu hỏi 10: B. rơi.

Bài thi số 2: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: dậy. (Người mẹ hiền)

Câu hỏi 2: rờn. (Lê Anh Xuân)

Câu hỏi 3: giữa. (Hồ Minh Hà)

Câu hỏi 4: dao.

Câu hỏi 5: dang.

Câu hỏi 6: gánh. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.64)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 7: dưới. (Tục ngữ)

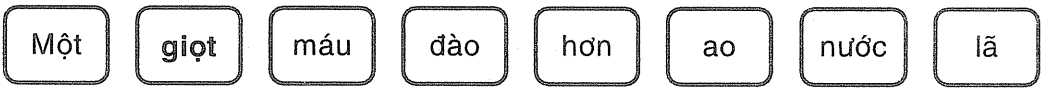
Câu hỏi 8: gió. (Trần Quốc Minh)

Câu hỏi 9: giặt.

Câu hỏi 10: ruộng. (Ca dao)

Bài thi số 3: PHÉP THUẬT MÈO CON

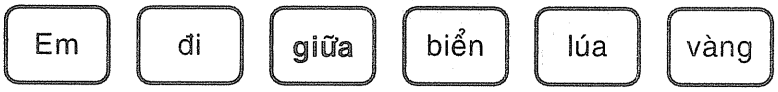
Câu hỏi 1:



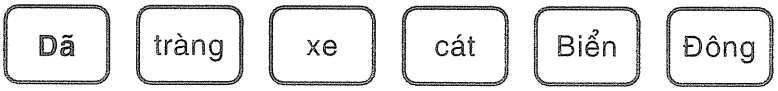
Câu hỏi 2:



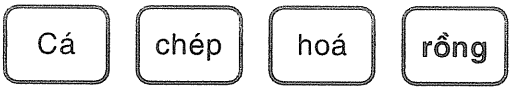
Câu hỏi 3:



Câu hỏi 4:



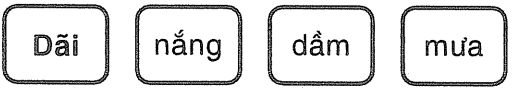
Câu hỏi 5:



Câu hỏi 6:



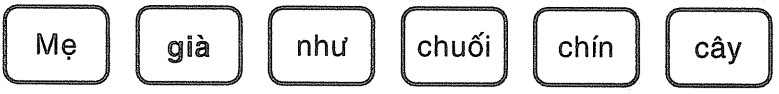
âu hỏi 7:



Câu hỏi 8:



Câu hỏi 9:



Câu hỏi 10:



Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

VÒNG 9

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: sứ thần. (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.71)

Câu hỏi 2: núi. (Thanh Hào)

Câu hỏi 3: giăng. *(Dậy sớm)*

Câu hỏi 4: lịch.

Câu hỏi 5: tròn.

Câu hỏi 6: lâu. (Tục ngữ)

Câu hỏi 7: trăng. (*Truyện Kiều* - Nguyễn Du)

Câu hỏi 8: sông. (Ca dao)

Câu hỏi 9: ruộng. (Tục ngữ)

Câu hỏi 10: dấu. (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.71)

Bài thi số 2: THÁM TỬ ONG VÀNG

Đáp án:

Sáng nào em đến lớp
Cũng thấy cô đến rồi
Đáp lời "Chào cô ạ!"
Cô mỉm cười thật tươi.

Cô dạy em tập viết
Gió đưa thoảng hương nhài
Nắng ghé vào cửa lớp
Xem chúng em học bài.

(*Cô giáo em* - Nguyễn Xuân Sanh)

Bài thi số 3: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: C. đồng duộng. (đồng ruộng)

Câu hỏi 2: B. đường.

Câu hỏi 3: A. tĩnh.

Câu hỏi 4: B. hót.

Câu hỏi 5: A. Ngày hôm qua đâu rồi?.

Câu hỏi 6: C. Gọi bạn. (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.29)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 7: A. Bàn tay dịu dàng.

Câu hỏi 8: C. nẻo. (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.29)

Câu hỏi 9: B. học tập.

Câu hỏi 10: D. Cả B và C đều đúng.

VÒNG 10

Bài thi số 1: TRÂU VÀNG UYÊN BÁC

Xếp các từ như sau:

Họ nội	cô	thím	chú	ông nội
Họ ngoại	mợ	dì	cậu	bà ngoại
Nhà trường	cô giáo	hiệu trưởng	bảo vệ	học sinh

Bài thi số 2: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: nằm. (Nguyễn Công Dương)

Câu hỏi 2: non. (Ca dao)

Câu hỏi 3: thọ. (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.78)

Câu hỏi 4: lao. (Ca dao)

Câu hỏi 5: lập đông. (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.78)

Câu hỏi 6: bưu thiếp. (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.81)

Câu hỏi 7: thủ thỉ. (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.84)

Câu hỏi 8: Lon ton. (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.84)

Câu hỏi 9: nong. (Lê Anh Xuân)

Câu hỏi 10: đồng hồ.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Bài thi số 3: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: B. thích chí.

Câu hỏi 2: B. núa nếp (lúa nếp).

Câu hỏi 3: B. ông ngoại.

Câu hỏi 4: A. cây xoài.

Câu hỏi 5: A. chùm hoa điểm mười. (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.78)

Câu hỏi 6: D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 7: D. con thỏ.

Câu hỏi 8: B. Là em trai của bố mình.

Câu hỏi 9: C. cậu mợ.

Câu hỏi 10: B. rạng sáng. (Phạm Cúc)

VÒNG 11

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: xách. (Hoàng Tá)

Câu hỏi 2: xanh. (Ca dao)

Câu hỏi 3: sắc. (Hồ Minh Hà)

Câu hỏi 4: đầm ấm. (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.87)

Câu hỏi 5: xuống. (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.86)

Câu hỏi 6: phất phơ. (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.90)

Câu hỏi 7: đường. (Tục ngữ)

Câu hỏi 8: sang. (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.89)

Câu hỏi 9: sang. (Tục ngữ)

Câu hỏi 10: quạt.

Bài thi số 2: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: D. đàn hát.

Câu hỏi 2: A. Lòng hiếu thảo. (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.86)

Câu hỏi 3: A. xiêng năng. (siêng năng)

Câu hỏi 4: C. Vì mẹ thương ông và muốn ông thưởng thức trái ngon vật lạ. (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.89)

Câu hỏi 5: B. phơ phất.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 6: B. Vì họ rất nhớ bà, không gì thay thế được tình thương của bà. (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.86)

Câu hỏi 7: A. kẽo kẹt.

Câu hỏi 8: C. lá cây.

Câu hỏi 9: B. lẫm chẫm.

Câu hỏi 10: B. đựng nước nóng.

Bài thi số 3: TRÂU VÀNG UYÊN BÁC

Xếp các từ như sau:

Đồ dùng học tập	Sách vở	Bút mực	Phấn bảng	Thước kẻ
Đồ dùng trong nhà	Bát đĩa	Máy giặt	Tủ lạnh	Giường tủ
Từ chỉ môn học	Tiếng Việt	Âm nhạc	Toán	Mĩ thuật

VÒNG 12

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: trúc. (Hồ Minh Hà)

Câu hỏi 2: la cà. (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.96)

Câu hỏi 3: tròn. (Trần Quốc Minh)

Câu hỏi 4: xoà. *(Sự tích cây vú sữa)*

Câu hỏi 5: trời. (Phạm Tuyên)

Câu hỏi 6: đồng hồ.

Câu hỏi 7: chạm. *(Sự tích cây vú sữa)*

Câu hỏi 8: chậu cảnh.

Câu hỏi 9: trường.

Câu hỏi 10: Chẳng. (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.101)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Bài thi số 2: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: D. bưu điện.

Câu hỏi 2: B. cha đỗ. (tra đỗ)

Câu hỏi 3: A. Nói lên tình cảm của những người trong gia đình.

Câu hỏi 4: D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 5: D. Cả A, B và C đều đúng. (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.96)

Câu hỏi 6: D. Cả A và B đều đúng.

Câu hỏi 7: A. Chị em phải biết đoàn kết thương yêu nhau.

Câu hỏi 8: C. Cả A và B đều đúng.

Câu hỏi 9: B. th.

Câu hỏi 10: D. Cả A, B và C đều đúng. (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr. 101)

Bài thi số 3: PHÉP THUẬT MÈO CON

Câu hỏi 1:

Hoài | thóc | ta | cho | **gà** | người | bới

Câu hỏi 2:

Anh | **thuận** | em | hoà | là | nhà | có | phúc

Câu hỏi 3:

Anh | em | như | **thể** | tay | chân

Câu hỏi 4:

Chị | ngã | đã | có | em | **nâng**

Câu hỏi 5:

Con | **cháu** | thảo | hiền

Câu hỏi 6:

Khôn | ngoan | đối | **đáp** | người | ngoài

Câu hỏi 7:

Môi | hở | **răng** | lạnh

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 8:

Một	giọt	máu	đào	hơn	ao	nước	lã

Câu hỏi 9:

Anh	em	đóng	cửa	bảo	nhau

Câu hỏi 10:

Một	con	ngựa	đau	cả	tàu	bỏ	cỏ

VÒNG 13

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: râm. (Thanh Hào)

Câu hỏi 2: giảng.

Câu hỏi 3: giơ.

Câu hỏi 4: ra.

Câu hỏi 5: gia.

Câu hỏi 6: luỹ.

Câu hỏi 7: rổ.

Câu hỏi 8: dịu. (Trần Đăng Khoa)

Câu hỏi 9: thuyền thúng. (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.107)

Câu hỏi 10: rụng.

Bài thi số 2: TRÂU VÀNG UYÊN BÁC

Xếp các từ như sau:

Công việc gia đình	nấu ăn	giặt giũ	nấu cơm	quét dọn
Đồ dùng gia đình	tủ quần áo	ti vi	bàn là	nồi cơm
Tình cảm gia đình	thương yêu	quý mến	yêu quý	yêu mến

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Bài thi số 3: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: D. rây bẩn. (dây bẩn)
Câu hỏi 2: D. rắc rối.
Câu hỏi 3: A. chần chừ.
Câu hỏi 4: B. hoa cúc xanh. (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr. 104)
Câu hỏi 5: D. cá rô. (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr. 106).
Câu hỏi 6: D. Cả A, B và C đều đúng. (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr. 106)
Câu hỏi 7: B. lười biếng.
Câu hỏi 8: A. em bé.
Câu hỏi 9: D. Đáp án khác. (Cả A và B)
Câu hỏi 10: D. Cả A, B và C đều đúng.

VÒNG 14

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: na.
Câu hỏi 2: nghiêng.
Câu hỏi 3: chiếc. *(Câu chuyện bó đũa)*
Câu hỏi 4: lộn. (Ca dao)
Câu hỏi 5: đoàn kết. (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.113)
Câu hỏi 6: tiếng. (Trần Đăng Khoa)
Câu hỏi 7: tiên.
Câu hỏi 8: Ai?.
Câu hỏi 9: Làm gì?.
Câu hỏi 10: ngôi sao.

Bài thi số 2: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: B. lối mòn. (Lê Anh Xuân)
Câu hỏi 2: C. đoàn kết. (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.112)
Câu hỏi 3: C. lũy tre.
Câu hỏi 4: C. bẻ đũa. (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.112)
Câu hỏi 5: A. phơ phất.
Câu hỏi 6: A. Con cò.
Câu hỏi 7: C. đung đưa. (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.117)
Câu hỏi 8: C. đưa võng. (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.117)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 9: A. Vì họ không biết dùng mưu mà chỉ dựa vào sức khoẻ.

Câu hỏi 10: D. Cả A, B và C.

Bài thi số 3: PHÉP THUẬT MÈO CON

Câu hỏi 1:

Ngựa | **phi** | nhanh | như | bay

Câu hỏi 2:

Gà | cùng | một | mẹ | chớ | hoài | **đá** | nhau

Câu hỏi 3:

Chuồn | chuồn | **bay** | thấp | thì | mưa

Câu hỏi 4:

Cáo | chết | ba | năm | **quay** | đầu | về | núi

Câu hỏi 5:

Chớp | đông | nhay | nháy | gà | **gáy** | thì | mưa

Câu hỏi 6:

Nuôi | tằm | thì | **ăn** | cơm | đứng

Câu hỏi 7:

Ngựa | **phi** | nước | đại

Câu hỏi 8:

Ếch | **kêu** | uôm | uôm | ao | chuôm | đầy | nước

Câu hỏi 9:

Con | cò | mà | đi | **ăn** | đêm

Câu hỏi 10:

Con | gà | cục | **tác** | lá | chanh

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

VÒNG 15

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: bác sĩ.

Câu hỏi 2: sau.

Câu hỏi 3: sáo.

Câu hỏi 4: gật đầu.

Câu hỏi 5: xếp. (Quang Huy)

Câu hỏi 6: xâu. (Lê Hồng Thiện)

Câu hỏi 7: sà. (Trần Quốc Toàn)

Câu hỏi 8: mây.

Câu hỏi 9: sống. (Hà Sơn)

Câu hỏi 10: xếp. (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.119)

Bài thi số 2: TRÂU VÀNG UYÊN BÁC

Xếp các từ như sau:

Từ chỉ sự vật	sách vở	cặp sách	phấn bảng	bút mực
Từ chỉ hoạt động	nhảy	nô đùa	chạy	chơi
Từ chỉ đặc điểm	dễ thương	xinh xắn	tươi tốt	nhẹ nhàng

Bài thi số 3: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: B. kì lạ.

Câu hỏi 2: C. chạy, nhảy.

Câu hỏi 3: D. Ba.

Câu hỏi 4: D. học xinh. (học sinh)

Câu hỏi 5: B. nổi.

Câu hỏi 6: B. tui nhiên. (tuy nhiên)

Câu hỏi 7: C. Cả A và B đều sai. (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.119)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 8: B. suy nghĩ.

Câu hỏi 9: C. hai bó bằng nhau. (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.119)

Câu hỏi 10: C. Đặc điểm của đôi mắt.

VÒNG 16

Bài thi số 1: TRÂU VÀNG UYÊN BÁC

Xếp các từ như sau:

Câu "Ai là gì?"	Sách là bạn thân.	Lan là trò ngoan.	Mẹ là cô giáo.	Chó là bạn tốt.
Câu "Ai làm gì?"	Bố lái xe.	Em đọc thơ.	Bộ đội đi tuần.	Các bạn chơi bi.
Câu "Ai thế nào?"	Chim hót líu lo.	Hoa huệ thơm ngát.	Đêm khuya yên tĩnh.	Bố em rất hiền.

Bài thi số 2: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: bó bột. (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.129)

Câu hỏi 2: trôi. *(Về quê ngoại)*

Câu hỏi 3: chạy. (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.129)

Câu hỏi 4: chợ. (Ca dao)

Câu hỏi 5: Chữ còn thiếu đó là: ch.

Câu hỏi 6: tròn. (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.135)

Câu hỏi 7: mưa.

Câu hỏi 8: trâu.

Câu hỏi 9: dập dềnh. (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.135)

Câu hỏi 10: trông. *(Đàn gà mới nở)*

Bài thi số 3: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: A. chăn bông.

Câu hỏi 2: D. Cả A, B và C đều đúng. (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.128)

Câu hỏi 3: B. bay bổng.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 4: A. trong xanh.

Câu hỏi 5: C. vàng rực.

Câu hỏi 6: A. thơm.

Câu hỏi 7: A. Phạm Hổ. (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.135)

Câu hỏi 8: B. quả chứng. (quả trứng)

Câu hỏi 9: B. diều, quạ.

Câu hỏi 10: C. Cả A và B đều đúng.

VÒNG 17

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: giết. (SGK Tiếng Việt 2, tập một, tr.138)

Câu hỏi 2: dập dờn. (Phạm Hổ)

Câu hỏi 3: gia. (Ca dao)

Câu hỏi 4: tráo. (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.139)

Câu hỏi 5: dòng. (Bác Hồ)

Câu hỏi 6: ruột. (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.139)

Câu hỏi 7: Chữ còn thiếu đó là: c.

Câu hỏi 8: Thuỷ Tề.

Câu hỏi 9: reo. (Nguyễn Bùi Vợi)

Câu hỏi 10: bút.

Bài thi số 2: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: A. tính chất.

Câu hỏi 2: C. trung thành.

Câu hỏi 3: A. giong chơi.

Câu hỏi 4: C. sâu.

Câu hỏi 5: C. mong manh.

Câu hỏi 6: A. Ai làm gì?.

Câu hỏi 7: A. y tế.

Câu hỏi 8: C. Con Vện.

Câu hỏi 9: A. hộp màu.

Câu hỏi 10: C. bánh tét.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Bài thi số 3: PHÉP THUẬT MÈO CON

Câu hỏi 1:

Chuông | kêu | thử | tiếng | người | ngoan | thử | **lời**

Câu hỏi 2:

Nhà | sạch | thì | **mát** | bát | sạch | ngon | cơm

Câu hỏi 3:

Tốt | **gỗ** | hơn | tốt | nước | sơn

Câu hỏi 4:

Con | mèo | mà | **trèo** | cây | cau

Câu hỏi 5:

Kề | vai | sát | cánh

Câu hỏi 6:

Con | có | **cha** | như | nhà | có | nóc

Câu hỏi 7:

Con | **rồng** | cháu | tiên

Câu hỏi 8:

Có | nuôi | con | mới | biết | lòng | cha | mẹ

Câu hỏi 9:

Của | một | đồng | **công** | một | nén

Câu hỏi 10:

Bụng | **đói** | đầu | gối | phải | bò

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

VÒNG 18

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: người.

Câu hỏi 2: nằm. (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.148)

Câu hỏi 3: trở. (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.148)

Câu hỏi 4: Tiếng suối.

Câu hỏi 5: mong manh.

Câu hỏi 6: Lăn. (Phạm Hổ)

Câu hỏi 7: bút.

Câu hỏi 8: dâu. (Ca dao)

Câu hỏi 9: giỏ. (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, tr.153)

Câu hỏi 10: ba. (vàng tươi, sáng trưng, xanh mát).

Bài thi số 2: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: D. chiền triện. (chiền chiện)

Câu hỏi 2: D. rực rỡ.

Câu hỏi 3: A. Ai là gì?.

Câu hỏi 4: B. Ai làm gì?.

Câu hỏi 5: B. thút giục. (thúc giục)

Câu hỏi 6: C. xinh đẹp.

Câu hỏi 7: B. bỏ.

Câu hỏi 8: A. Ba Vì.

Câu hỏi 9: B. lửa.

Câu hỏi 10: B. dữ dội.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Bài thi số 3: CHUỘT VÀNG TÀI BA

Đáp án: *Ghi các từ như sau:*

chăm chỉ	vui vẻ	ngoan ngoãn	giỏi giang	đoàn kết
lười biếng	buồn bã	hư đốn	tối dạ	chia rẽ
kiên trì	vội vàng	yêu quí	nhanh	nóng nực
nản chí	lề mề	ghét bỏ	chậm	lạnh lẽo

VÒNG 19

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: làm. (Hồ Chí Minh)

Câu hỏi 2: Trung thu.

Câu hỏi 3: lá lúa. *(Trăng)*

Câu hỏi 4: giá đỗ.

Câu hỏi 5: bập bùng.

Câu hỏi 6: nữa. *(Lá thư nhầm địa chỉ)*

Câu hỏi 7: thi đua. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.10)

Câu hỏi 8: Khi nào.

Câu hỏi 9: nàng. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.4)

Câu hỏi 10: trổ. (Tục ngữ)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Bài thi số 2: TRÂU VÀNG UYÊN BÁC

Xếp các từ như sau:

Từ (cụm từ) chỉ mùa xuân	Hoa đào	Hoa mai	Đâm chồi	Mưa phùn
Từ (cụm từ) chỉ mùa hè	Hoa phượng	Mưa rào	Nóng nực	Nghỉ học
Từ (cụm từ) chỉ mùa thu	Hoa cúc	Khai trường	Trung thu	Mát mẻ

Bài thi số 3: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: D. nắng đọng. (lắng đọng)

Câu hỏi 2: C. kháng chiến.

Câu hỏi 3: C. mùa thu.

Câu hỏi 4: A. hoà bình.

Câu hỏi 5: C. Hồ Chí Minh. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.10)

Câu hỏi 6: B. tháng 8.

Câu hỏi 7: C. lỗi.

Câu hỏi 8: D. Cả A và C đều đúng. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr4)

Câu hỏi 9: D. mùa đông.

Câu hỏi 10: C. được chơi trò chơi dân gian.

VÒNG 20

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: xong. (Tô Đông Hải)

Câu hỏi 2: xuân.

Câu hỏi 3: xa. (Ngô Văn Phú)

Câu hỏi 4: xung. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.14)

Câu hỏi 5: mận. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.17)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 6: xuôi. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.19)

Câu hỏi 7: sáo.

Câu hỏi 8: nắng. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.21)

Câu hỏi 9: che. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.20)

Câu hỏi 10: xanh. (Ca dao)

Bài thi số 2: CHUỘT VÀNG TÀI BA

Đáp án: *Ghi các từ như sau:*

Mùa xuân	Mùa hè	Mùa thu	Mùa đông	Mùa vàng
trồng cây	nghỉ học	khai trường	lạnh lẽo	ấm no
Mùa gặt	Mùa cấy	Mùa thi	Mùa lũ	Mùa màng
gặt hái	cấy hái	tháng sáu	nước nổi	cấy gặt

Bài thi số 3: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: A. Cửu Long. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.19)

Câu hỏi 2: B. xương rồng.

Câu hỏi 3: A. hoa mận. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.17)

Câu hỏi 4: C. hiền hoà.

Câu hỏi 5: B. mùa hè.

Câu hỏi 6: A. sen kẽ. (xen kẽ)

Câu hỏi 7: A. nảy lộc.

Câu hỏi 8: D. x – x – s – s.

Câu hỏi 9: A. Bao giờ.

Câu hỏi 10: B. phù sa. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.19)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

VÒNG 21

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: xoè. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.23)

Câu hỏi 2: Sáo xinh. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.28)

Câu hỏi 3: chao. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.28)

Câu hỏi 4: đà điểu.

Câu hỏi 5: chăng. (Ca dao)

Câu hỏi 6: chao. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.28)

Câu hỏi 7: chim sâu.

Câu hỏi 8: chìa vôi. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.28)

Câu hỏi 9: chúm chím. (Thy Ngọc)

Câu hỏi 10: chập chờn. (Lê Hồng Thiện)

Bài thi số 2: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: C. trâu chấu. (châu chấu)

Câu hỏi 2: B. ồn ào.

Câu hỏi 3: D. vì khát.

Câu hỏi 4: C. vẹt.

Câu hỏi 5: B. nhà máy.

Câu hỏi 6: D. giờ tiếp dân. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.26)

Câu hỏi 7: A. Ở đâu?.

Câu hỏi 8: D. chào mào.

Câu hỏi 9: A. trên thư viện.

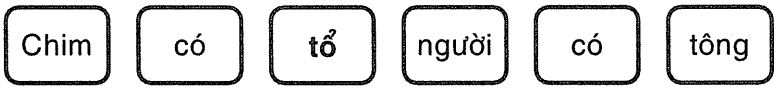
Câu hỏi 10: A. cuốc.

Bài thi số 3: PHÉP THUẬT MÈO CON

Câu hỏi 1:



Câu hỏi 2:



Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 3:

Chim	**trời**	cá	nước

Câu hỏi 4:

Chim	đậu	không	bắt	bắt	chim	**bay**

Câu hỏi 5:

Chim	khôn	kêu	**tiếng**	rảnh	rang

Câu hỏi 6:

Chim	lồng	cá	**chậu**

Câu hỏi 7:

Chim	khôn	ai	nỡ	bắn	cung

Câu hỏi 8:

Chim	khôn	tiếc	lông	người	khôn	tiếc	lời

Câu hỏi 9:

Chim	có	cánh	cá	có	vây

Câu hỏi 10:

Chim	vào	lồng	biết	thuở	nào	ra

VÒNG 22

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: ríu rít. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.33)

Câu hỏi 2: ráo. (Thành ngữ)

Câu hỏi 3: giữa. (Định Hải)

Câu hỏi 4: dâu. (Lê Anh Xuân)

Câu hỏi 5: cuốc.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 6: thuốc. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.26)

Câu hỏi 7: Rạ. (Tô Hà)

Câu hỏi 8: hoà âm. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.35)

Câu hỏi 9: thiên nga.

Câu hỏi 10: rộn. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.34)

Bài thi số 2: TRÂU VÀNG UYÊN BÁC

Xếp các từ như sau:

Tên chim gọi theo hình dáng	Thiên nga	Cánh cụt	Cú mèo	Vàng anh
Tên chim gọi theo tiếng kêu	Tu hú	Khướu	Sơn ca	Cuốc
Tên chim gọi theo cách kiếm ăn	Bói cá	Gõ kiến	Sâu	Diều hâu

Bài thi số 3: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: D. lủng củng.

Câu hỏi 2: A. chiếc áo trắng. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.37)

Câu hỏi 3: A. da diết.

Câu hỏi 4: B. rải lao. (giải lao)

Câu hỏi 5: A. chim én.

Câu hỏi 6: D. Cả A, B và C. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.34)

Câu hỏi 7: B. cú mèo.

Câu hỏi 8: C. trong bùn ao.

Câu hỏi 9: C. Hổ. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.31)

Câu hỏi 10: B. Ở nhà, em thường giúp mẹ nhặt rau.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

VÒNG 23

Bài thi số 1: TRÂU VÀNG UYÊN BÁC

Xếp các từ như sau:

Thú dữ nguy hiểm	Sư tử	Hổ báo	Lợn rừng	Tê giác
Thú không nguy hiểm	Sóc	Nai	Thỏ	Hươu
Vật nuôi trong nhà	Mèo mướp	Trâu bò	Gà vịt	Chó cảnh

Bài thi số 2: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: lập loè. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.48)

Câu hỏi 2: làm phúc. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.42)

Câu hỏi 3: lập công. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.46)

Câu hỏi 4: lóng lánh. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.48)

Câu hỏi 5: luỹ tre. (Nguyễn Công Dương)

Câu hỏi 6: lộn. (Ca dao)

Câu hỏi 7: khoai lang.

Câu hỏi 8: lúa. (Hoàng Trung Thông)

Câu hỏi 9: quy. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.44)

Câu hỏi 10: lừng. (Phạm Hổ)

Bài thi số 3: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: A. con tàu.

Câu hỏi 2: D. 4 điều. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.44)

Câu hỏi 3: B. Cáo. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.46)

Câu hỏi 4: B. bội bạc.

Câu hỏi 5: D. Như thế nào?

Câu hỏi 6: D. vận tải. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.46)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 7: D. cá rô.

Câu hỏi 8: C. Ai làm gì?.

Câu hỏi 9: B. Như thế nào?

Câu hỏi 10: C. chúa sơn lâm.

VÒNG 24

Bài thi số 1: TRÂU VÀNG TÀI BA

***Xếp các từ như sau*:**

Tên con vật	Gấu trắng	Ong vò vẽ	Ngựa vằn	Sư tử
Hoạt động của con vật	ngoạm mồi	khoét núi	săn mồi	vồ mồi
Đặc điểm của con vật	tò mò	nhút nhát	dữ tợn	tinh nhanh

Bài thi số 2: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: vịt.

Câu hỏi 2: Bắc Cực. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.54)

Câu hỏi 3: săn. (Nguyễn Bùi Vợi)

Câu hỏi 4: Cúc.

Câu hỏi 5: xe. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.54)

Câu hỏi 6: xông. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.53)

Câu hỏi 7: khựng lại. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.57)

Câu hỏi 8: sương.

Câu hỏi 9: xuân. *(Quả ngọt cuối mùa)*

Câu hỏi 10: sừng sững. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.57)

Bài thi số 3: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: B. mưa sa. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.54)

Câu hỏi 2: B. Bắc Cực. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.53)

Câu hỏi 3: A. lạ lẫm.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 4: C. bản Tun. (SGK Tiếng Việt 2 tập 2, trang 57)

Câu hỏi 5: B. Như thế nào?

Câu hỏi 6: B. bể rộng.

Câu hỏi 7: A. sâu bọ.

Câu hỏi 8: B. Vườn thú thật là rộng, biết bao nhiêu là chuồng thú.

Câu hỏi 9: A. Gấu trắng là con vật rất tò mò. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.53)

Câu hỏi 10: C. lễ phép.

VÒNG 25

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: heo.

Câu hỏi 2: bễ. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.65)

Câu hỏi 3: chày. (Nguyễn Bùi Vợi)

Câu hỏi 4: lễ vật. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.61)

Câu hỏi 5: chưng. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.61)

Câu hỏi 6: Vần còn thiếu đó là: ưc.

Câu hỏi 7: sóng lừng. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.65)

Câu hỏi 8: chín. (Võ Thanh An)

Câu hỏi 9: trần. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.61)

Câu hỏi 10: Chơi. (Trần Mạnh Hảo)

Bài thi số 2: CHUỘT VÀNG TÀI BA

Đáp án: Ghi những từ như sau:



Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Bài thi số 3: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: Nói lên sự ngộ nghĩnh đáng yêu của bé trước biển.

Câu hỏi 2: B. chú ý.

Câu hỏi 3: C. buồn bả. (buồn bã)

Câu hỏi 4: B. Vì Sơn Tinh đem lễ vật đến trước.

Câu hỏi 5: A. Nhân dân ta chống lũ lụt rất kiên cường.

Câu hỏi 6: C. Vì Thuỷ Tinh muốn giành lại công chúa Mị Nương.

Câu hỏi 7: B. cá chắm. (cá trắm)

Câu hỏi 8: D. suối.

Câu hỏi 9: B. trời mưa.

Câu hỏi 10: C. 4 từ. (khoẻ, lon ta lon ton, to lớn, trẻ con).

VÒNG 26

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: cá vàng.

Câu hỏi 2: rì rào. (*Cây dừa* - Trần Đăng Khoa)

Câu hỏi 2: lung. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.72)

Câu hỏi 3: mù mịt. (Ca dao)

Câu hỏi 5: rập rình. (Nguyễn Bùi Vợi)

Câu hỏi 6: nể. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.69)

Câu hỏi 7: mái chèo. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.69)

Câu hỏi 8: mực. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.76)

Câu hỏi 9: mứt. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.76)

Câu hỏi 10: ung dung. (Phạm Hổ)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Bài thi số 2: TRÂU VÀNG TÀI BA

Xếp các từ như sau:

Cá nước mặn	cá voi	cá thu	cá mập	cá heo
Cá nước ngọt	cá chép	cá trắm	cá quả	cá rô
Con vật sống dưới nước không là cá	cua	tôm	ốc	rùa

Bài thi số 3: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: D. giải lao.

Câu hỏi 2: B. nức nẻ. (nứt nẻ)

Câu hỏi 3: B. cánh đồng lúa. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.72)

Câu hỏi 4: B. cá chép.

Câu hỏi 5: D. Đáp án khác. (Cả A, B và C) (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.72)

Câu hỏi 6: D. ngủ.

Câu hỏi 7: D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 8: C. giăng. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.71)

Câu hỏi 9:B. bánh lái.

Câu hỏi 10: A. sắc độ.

VÒNG 27

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: nhếch. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.81)

Câu hỏi 2: rùa.

Câu hỏi 3: rực. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.72)

Câu hỏi 4: tin đồn. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.75)

Câu hỏi 5: náu. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.80)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 6: rời. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.81)

Câu hỏi 7: dắt. (Huy Cận)

Câu hỏi 8: rượi. (Quang Huy)

Câu hỏi 9: Cá rô.

Câu hỏi 10: Thế nào?

Bài thi số 2: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: B. Bé nhìn biển.

Câu hỏi 2: A. giành mạch. (rành mạch)

Câu hỏi 3: A. hoa đào. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.17)

Câu hỏi 4: B. cá mè. (thêm o thành mèo)

Câu hỏi 5: D. x.

Câu hỏi 6: C. Quả tim khỉ.

Câu hỏi 7: C. xinh đẹp.

Câu hỏi 8: B. quên.

Câu hỏi 9: B. Trên rừng, voi là khoẻ nhất, dưới biển, cá voi là to nhất.

Câu hỏi 10: B. Rào rào như đàn chim vỗ cánh.

Bài thi số 3: PHÉP THUẬT MÈO CON

Đáp án: Ghi những từ như sau:

chim kêu	chim đa đa	đại bàng	kê	khổng tước
Chim hót	Gà gô	Diều hâu	gà	Chim công
chim én	vàng anh	thiên nga	lông vũ	lượn
Chim nhạn	Hoàng anh	Vịt trời	Lông chim	bay

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

VÒNG 28

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: bội thu. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.84)

Câu hỏi 2: hoa đại.

Câu hỏi 3: thênh thang. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.89)

Câu hỏi 4: quện. (Ca dao)

Câu hỏi 5: kho báu. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.84)

Câu hỏi 6: cao nhất. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.86)

Câu hỏi 7: lênh. (Ca dao)

Câu hỏi 8: lụng. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.83)

Câu hỏi 9: lấy. (Tố Hữu)

Câu hỏi 10: long lanh. (Trần Hữu Thung)

Bài thi số 2: TRÂU VÀNG UYÊN BÁC

Xếp các từ như sau:

Từ chỉ người	mẹ	nông dân	bộ đội	dũng cảm
Từ chỉ đồ vật	quyển sách	con tàu	máy bay	lá cờ
Từ chỉ cây cối	bông lau	khế	cây mía	cây lúa

Bài thi số 3: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: A. khoai lang.

Câu hỏi 2: D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 3: C. gió Tây Nam.

Câu hỏi 4: B. chia sẻ. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.86)

Câu hỏi 5: C. đoàn kết nhất. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.86)

Câu hỏi 6: A. bao la. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.88)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 7: C. Bố tôi trồng cây hoa giấy để làm gì?

Câu hỏi 8: D. hoa bưởi. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.90)

Câu hỏi 9: D. gieo hạt.

Câu hỏi 10: D. lược. (Tàu dừa - chiếc lược chải vào mây xanh)

VÒNG 29

Bài thi số 1: THÁM TỬ ONG VÀNG

Đáp án: Ghi những từ như sau:

Mặt Trời	con lợn	chúa sơn lâm	huynh đệ	chiếu sáng
vầng thái dương	con heo	hổ	anh em	soi sáng
bông hồng	Mặt Trăng	Ngày 15 (âm lịch)	má	bố
hoa hồng	Ông trăng	ngày rằm	mẹ	cha

Bài thi số 2: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: bắp ngô.

Câu hỏi 2: vò. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.92)

Câu hỏi 3: Sáng. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.97)

Câu hỏi 4: xuể. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.93)

Câu hỏi 5: chót vót. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.94)

Câu hỏi 6: xơ xác. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.97)

Câu hỏi 7: Sống. (Tố Hữu)

Câu hỏi 8: rùng mình. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.97)

Câu hỏi 9: xinh xắn. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.98)

Câu hỏi 10: sâu. (Lê Anh Xuân)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Bài thi số 3: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: B. xát.

Câu hỏi 2: A. xuất sắc.

Câu hỏi 3: D. tìn nghĩa. (tình nghĩa)

Câu hỏi 4: C. Cả A và B đều đúng. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.92).

Câu hỏi 5: B. xuể. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.93)

Câu hỏi 6: B. cột.

Câu hỏi 7: D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 8: D. xoan. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.93)

Câu hỏi 9: C. ủ. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.97)

Câu hỏi 10: B. Cảnh những đàn trâu thung thăng gặm cỏ.

VÒNG 30

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: Bác Hồ.

Câu hỏi 2: mừng rỡ. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.101)

Câu hỏi 3: trại. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.100)

Câu hỏi 4: reo. (Nguyễn Phan Hách)

Câu hỏi 5: vui chơi. (Trần Đăng Khoa)

Câu hỏi 6: Bác Hồ.

Câu hỏi 7: chật ních. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.103)

Câu hỏi 8: vì sao. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.105)

Câu hỏi 9: chòm. (Thanh Hải)

Câu hỏi 10: triệu. (Tố Hữu)

Bài thi số 2: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: A. *t*.

Câu hỏi 2: A. lời chúc.

Câu hỏi 3: B. háo hức.

Câu hỏi 4: B. thương yêu.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 5: D. Cả A, B và C đều đúng. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.100)

Câu hỏi 6: D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu hỏi 7: B. hồng hào.

Câu hỏi 8: A. Vì bạn Tộ đã nhận ra được lỗi của mình.

Câu hỏi 9: D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 10: D. Cả A, B và C đều đúng.

Bài thi số 3: TRÂU VÀNG UYÊN BÁC

Xếp các từ sau vào các nhóm bên dưới cho phù hợp:

Từ chỉ vật nuôi	con ngỗng	con gà	con thỏ	cừu
Từ chỉ cây trồng	lạc	khoai lang	thược dược	lúa
Động vật hoang dã	tê giác	mèo rừng	hổ báo	sư tử

VÒNG 31

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: tâm hồn. (Lê Anh Xuân)

Câu hỏi 2: tần ngần. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.109)

Câu hỏi 3: thường lệ. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.109)

Câu hỏi 4: dạo. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.107)

Câu hỏi 5: Giường mây. (Tố Hữu)

Câu hỏi 6: mai.

Câu hỏi 7: rau. (Trần Đăng Khoa)

Câu hỏi 8: danh dự. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.111)

Câu hỏi 9: chiến khu. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.113)

Câu hỏi 10: rau. (Tố Hữu)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Bài thi số 2: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: C. rữ rội.

Câu hỏi 2: B. vỏ chuối.

Câu hỏi 3: D. Cả A, B và C. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.111)

Câu hỏi 4: A. gia.

Câu hỏi 5: D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 6: B. Một hôm, Bác Hồ đến thăm một ngôi chùa.

Câu hỏi 7: C. Anh Nha là một người làm nhiệm vụ bảo vệ rất tốt.

Câu hỏi 8: B. chăn.

Câu hỏi 9: A. Bác rất thương yêu và quan tâm đến thiếu nhi.

Câu hỏi 10: A. Nói lên lòng biết ơn sâu sắc của cả dân tộc đối với Bác.

Bài thi số 3: CHUỘT VÀNG TÀI BA

Đáp án: Ghi những từ như sau:

thuỷ thủ	thảnh thơi	khiếp đảm	du lịch	xấu hổ
người làm việc trên tàu	an nhàn	quá sợ hãi	đi chơi xa	tẽn tò
con hổ	thon thả	bình tĩnh	thích thú	ăn cà rốt
thú dữ	thanh mảnh	không sợ hãi	khoái chí	con thỏ

VÒNG 32

Bài thi số 1: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: C. vỡ - lành.

Câu hỏi 2: D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 3: D. Đáp án khác. (Cả A, B và C)

Câu hỏi 4: D. Cả A, B và C. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.121)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 5: C. Cả A và B.

Câu hỏi 6: D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 7: D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 8: C. xao xác. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.121)

Câu hỏi 9: D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 10: A. phải đi làm vào ban đêm. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.121)

Bài thi số 2: CHUỘT VÀNG TÀI BA

Đáp án: Ghi những từ như sau:

đủng đỉnh	khó bị lung lay	răng nanh của voi	dự báo	xấu hổ
chậm rãi	vững chãi	ngà	báo trước	mắc cỡ
đặc ân	hồng mao	độ nóng lạnh	dải lụa hồng	nơi cất của cải quý giá
ơn đặc biệt	bờm ngựa	nhiệt độ	lụa đào	kho báu

Bài thi số 3: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: nằm. (Tục ngữ)

Câu hỏi 2: nương. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.117)

Câu hỏi 3: tổ tiên. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.117)

Câu hỏi 4: nan. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.118)

Câu hỏi 5: dây. (Ca dao)

Câu hỏi 6: lúa.

Câu hỏi 7: lặng ngắt. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.122)

Câu hỏi 8: phê. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.120)

Câu hỏi 9: liên lạc. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.119)

Câu hỏi 10: lục. (Lê Anh Xuân)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

VÒNG 33

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: ngang ngược. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.125)

Câu hỏi 2: xáo. (Ca dao)

Câu hỏi 3: súng. *(Việt Nam thân yêu)*

Câu hỏi 4: san sát. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.128)

Câu hỏi 5: sợ. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.130)

Câu hỏi 6: đá bóng.

Câu hỏi 7: xâm. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.124)

Câu hỏi 8: xuồng. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.128)

Câu hỏi 9: thợ điện.

Câu hỏi 10: ca lô. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.131)

Bài thi số 2: TRÂU VÀNG UYÊN BÁC

Xếp các từ như sau:

Nghề nghiệp	Công an	Bác sĩ	Nông dân	Giáo viên
Từ chỉ hoạt động	dạy học	khám bệnh	canh gác	cấy lúa
Từ chỉ phẩm chất	gan dạ	dũng cảm	cần cù	sáng tạo

Bài thi số 3: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 2: B. sai sót.

Câu hỏi 3: D. Cả A, B và C.

Câu hỏi 4: B. xuôi.

Câu hỏi 5: D. Cả A, B và C. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.130)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 6: A. cái xắc. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.130)

Câu hỏi 7: B. Đó là lá cờ có ngôi sao năm cánh rực rỡ.

Câu hỏi 8: A. thợ mộc.

Câu hỏi 9: A. Vì ấm ức không được dự bàn việc nước.

Câu hỏi 10: B. Lượm vụt qua mặt trận trong bom đạn vèo vèo.

VÒNG 34

Bài thi số 1: CHUỘT VÀNG TÀI BA

Đáp án: Ghi những từ như sau:

lời kể có vần	trông giữ	gây cười	chữ	không thể có
vè	canh	tếu	văn tự	hão huyền
ngầm	yên vui	thời thơ ấu	li kì	lững thững
kín đáo	hoà bình	lúc còn nhỏ	lạ, hấp dẫn	đi chậm

Bài thi số 2: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: rụt rè. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.137)

Câu hỏi 2: trời. (Nguyễn Đình Thi)

Câu hỏi 3: chuyển. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.135)

Câu hỏi 4: trông. (Tục ngữ)

Câu hỏi 5: trẻ. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.136)

Câu hỏi 6: quanh quẩn. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.137)

Câu hỏi 7: trập trùng. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.137)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Câu hỏi 8: chợ.

Câu hỏi 9: chạy. (Tục ngữ)

Câu hỏi 10: chung. (Phạm Hổ)

Bài thi số 3: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: B. xum xuê.

Câu hỏi 2: B. vui vẻ - buồn rầu.

Câu hỏi 3: C. gẩy, cười, nói.

Câu hỏi 4: B. xủi bọt.

Câu hỏi 5: D. Để làm gì?

Câu hỏi 6: D. s – x.

Câu hỏi 7: D. dầu.

Câu hỏi 8: C. rùa.

Câu hỏi 9: D. nghĩa.

Câu hỏi 10: B. Ngà.

VÒNG 35

Bài thi số 1: ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu hỏi 1: dịu. (Hằng Phương)

Câu hỏi 2: Sông.

Câu hỏi 3: chọn. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.144)

Câu hỏi 4: xóm. (Võ Văn Trực)

Câu hỏi 5: bóng chuyền.

Câu hỏi 6: chút. (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, tr.145)

Câu hỏi 7: đỏ tươi.

Câu hỏi 8: Cái gì?.

Câu hỏi 9: rộn ràng. (*Mùa thu sang*)

Câu hỏi 10: xanh. (Nguyễn Đình Thi)

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

Bài thi số 2: CHUỘT VÀNG TÀI BA

Đáp án: Ghi những từ như sau:

đắn đo	bất ngờ	vừa ý	rụt rè	lững thững
cân nhắc	thình lình	hài lòng	nhát	chậm chạp
hiền hoà	kì quặc	tàu hoả	tưởng chừng	gọn gàng
không dữ dội	quái lạ	xe lửa	ngỡ là	ngăn nắp

Bài thi số 3: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: B. Ai ngoan sẽ được thưởng.

Câu hỏi 2: D. Hoa phượng.

Câu hỏi 3: A. Cháu nhớ Bác Hồ.

Câu hỏi 4: C. Ai thế nào?

Câu hỏi 5: A. Như thế nào?

Câu hỏi 6: A. chuồn chuồn.

Câu hỏi 7: B. Lê Huy Hòa.

Câu hỏi 8: A. trên những cành cây.

Câu hỏi 9: D. mẹ.

Câu hỏi 10: B. ông lái đò.

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

MỤC LỤC

	Đề	*Đáp án*
VÒNG 1	5	121
VÒNG 2	8	123
VÒNG 3	10	124
VÒNG 4	14	125
VÒNG 5	17	127
VÒNG 6	21	129
VÒNG 7	24	130
VÒNG 8	27	131
VÒNG 9	31	133
VÒNG 10	34	134
VÒNG 11	37	135
VÒNG 12	40	136
VÒNG 13	44	138
VÒNG 14	47	139
VÒNG 15	50	141
VÒNG 16	53	142
VÒNG 17	56	143
VÒNG 18	60	145
VÒNG 19	63	146
VÒNG 20	66	147
VÒNG 21	69	149
VÒNG 22	73	150
VÒNG 23	76	152
VÒNG 24	79	153
VÒNG 25	82	154
VÒNG 26	85	155
VÒNG 27	89	156
VÒNG 28	92	158
VÒNG 29	96	159
VÒNG 30	99	160
VÒNG 31	103	161
VÒNG 32	106	162
VÒNG 33	110	164
VÒNG 34	114	165
VÒNG 35	117	166

Cô Ngọc Anh – SĐT/ Zalo: 0964238772/ 0962141472
(Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức)

NS HỒNG ÂN

Nhà sách HỒNG ÂN
www.hongantructuyen.vn nhasachhongan
Email: nshongan@gmail.com
20C Nguyễn Thị Minh Khai - Q.1 - TP.HCM
ĐT: 028.38246706 - 028.39107371 - 028.39107095 ♦ Fax: 028.39107053
Mọi thông tin chi tiết xin liên hệ: 0842 989802

Mời Quý vị tìm mua tại hệ thống:

- Nhà sách **FAHASA** trên toàn quốc và trên trang Thương mại điện tử **Fahasa.com**
- Nhà sách **NHÂN VĂN**, TP. Hồ Chí Minh

Phát hành tại:

CÔNG TY CP SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC NAM CƯỜNG
- 29 & 31 Phan Bội Châu - Hải Phòng * ĐT: (0225) 3521999
- 245 Trần Nguyên Hãn - Hải Phòng * ĐT: (0225) 3858699
- 61 Đinh Tiên Hoàng - Hải Phòng * ĐT: (0225) 3822256

DN SÁCH THÀNH NGHĨA TP.HCM
HỆ THỐNG Nhà Sách Nguyễn Văn Cừ
356 LÊ QUANG SUNG - P.6 - Q.6 - TP.HCM
THANHNGHIA BOOKSTORE

TIEN THO BOOKS
828 Đường Láng * 36 Xuân Thủy
424 Nguyễn Trãi * 697 Giải Phóng
50 Nguyễn Thị Lưu - Bắc Giang

TIKI
New Shop.vn
MUA SÁCH ONLINE

TP. Hà Nội	:	NS Quảng Lợi - 14 Chương Dương Độ	ĐT: 024.39264199
		NS Bình Thuỷ - 67 Nguyễn Khoái	ĐT: 024.39845439
TP. Cần Thơ	:	NS Hồng Ân - 39 - 41 Võ Thị Sáu	ĐT: 0292.3818891
TP. Vinh	:	NS Yến Công - 259 Lê Duẩn	ĐT: 0238.3554777
TP. Đà Nẵng	:	NS Phương - 04 Lý Thái Tổ	ĐT: 0236.3823421
		Cty Sách & TBTH - 76 - 78 Bạch Đằng	ĐT: 0236.3834328
		NS Lam Châu – 129 Phan Chu Trinh	ĐT: 0236.3821317
TP. Đà Lạt	:	NS Chí Thành - 72D Bùi Thị Xuân	ĐT: 0263.3837546
Bình Thuận	:	NS Hồng Ân - 140 Thống Nhất - Phan Rí Cửa	ĐT: 0252.3855595
TP. Huế	:	Cty CP Sách & TBTH - 76 Hàn Thuyên	ĐT: 0234.3523976
Bình Dương	:	NS 277 – 518 Cách Mạng Tháng 8	ĐT: 0650.3829037

ISBN: 978-604-315-742-0
9 786043 157420

Để xác định sách chính phẩm, chúng tôi in chìm ở bìa 1 và 4 chữ: "NS. HỒNG ÂN"

8 935092 811499
Giá: 58.000đ